

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA ,THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO TẬP LUYỆN MÔN BÓNG ĐÁ
TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TỈNH BẮC NINH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

BẮC NINH - 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA ,THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO TẬP LUYỆN MÔN BÓNG ĐÁ
TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TỈNH BẮC NINH**

NGÀNH: Giáo dục học MÃ SỐ: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học

1.PGS.TS. Ngô Trang Hưng

2. PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

BẮC NINH – 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thanh Huyền

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CLB	: Câu lạc bộ
CSVC	: Cơ sở vật chất
GDTC	: Giáo dục thể chất
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
GV	: Giáo viên
GP	: Giải pháp
HKPD	: Hội khỏe phù đổng
HLV	: Huấn luyện viên
HS	: Học sinh
SV	: Sinh viên
TDTT	: Thể dục thể thao
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông

DANH MỤC BIỂU BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.1	Kết quả kiểm định KMO và Bartlett cho phân tích EFA về các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)	62
3.2	Kết quả phân tích EFA các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)	64
3.3	Kiểm định độ tin cậy thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)	Sau 64
3.4	Thực trạng các yếu tố cá nhân ảnh hưởng tới phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=1418)	69
3.5	Trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=355)	Sau 70
3.6	Trình độ thể lực của học sinh lớp 7 (12 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=355)	Sau 70
3.7	Trình độ thể lực của học sinh lớp 8 (13 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=354)	Sau70
3.8	Trình độ thể lực của học sinh lớp 9 (14 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=354)	Sau 70
3.9	Kết quả khảo sát mức độ ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, thời gian tới phong trào tập luyện môn bóng đá (n=1538)	72
3.10	Kết quả khảo sát mức độ ảnh hưởng của yếu tố môi trường, văn hóa – xã hội tới phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=1538)	74
3.11	Kết quả khảo sát mức độ ảnh hưởng của yếu tố chính sách tới phong trào tập luyện môn bóng đá (n=1501)	76
3.12	Khảo sát thực trạng mức độ và nội dung tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	Sau 78
3.13	Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ môn Bóng đá trong các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=15)	83

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.14	Thực trạng đội ngũ giáo viên Thể dục tại các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=15 trường)	85
3.15	Cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ phong trào tập luyện Bóng đá tại tỉnh Bắc Ninh	86
3.16	Các nhân tố ảnh hưởng được quan tâm đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	Sau 10
3.17	Ma trận tương tác cấu trúc dựa trên mối quan hệ giữa các nhân tố ⁸⁴	Sau 10
3.18	Ma trận tiếp cận ban đầu dựa trên ma trận tương tác cấu trúc	Sau 103
3.19	Ma trận tiếp cận cuối cùng	Sau 103
3.20	Phân cấp các nhân tố	Sau 103
3.21	Mức độ định hướng và phụ thuộc của từng nhân tố	Sau 103
3.22	Kết quả phỏng vấn lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=35)	107
3.23	Kết quả kiểm định mức độ tin cậy của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	108
3.24	Kết quả phân tích nhân tố khám phá (KMO and Bartlett's Test) của các nhóm giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	109
3.25	Kết quả phân tích nhân tố giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	110
3.26	Kết quả khảo sát tính cần thiết và khả thi của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)	Sau 119
3.27	Phân bố đối tượng thực nghiệm theo dõi thực nghiệm ứng dụng các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	120
3.28	Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu thể dục thể thao trong nhà trường của giải pháp phát triển môn bóng đá	122

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.29	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 6 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=370)	Sau 126
3.30	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 7 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=397)	Sau 126
3.31	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 8 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=423)	Sau 126
3.32	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 9 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=440)	Sau 126
3.33	Kết quả phân loại trình độ thể lực của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thời điểm trước thực nghiệm	Sau 126
3.34	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 6 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=306)	Sau 126
3.35	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 7 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=350)	Sau 126
3.36	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 8 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=343)	Sau 126
3.37	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 9 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=382)	Sau 126
3.38	Kết quả phân loại trình độ thể lực của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thời điểm sau thực nghiệm	Sau 126
3.39	So sánh nhịp tăng trưởng sau 1 năm tập luyện của các nhóm (lớp 6 và lớp 7)	Sau 126
3.40	So sánh nhịp tăng trưởng sau 1 năm tập luyện của các nhóm (lớp 8 và lớp 9)	Sau 126
3.41	Kết quả phỏng vấn đánh giá hiệu quả thực hiện các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=35)	131
3.42	Kết quả tổng hợp đánh giá tiêu chí phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa	132
	BIỂU ĐỒ	

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.1	Đối tượng phỏng vấn xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	62
3.2	Phân tích song song xác định số lượng yếu tố khi phân tích EFA	63
3.3	Tỷ lệ mức độ lựa chọn của yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	Sau 64
3.4	Tỷ lệ mức độ lựa chọn của yếu tố môi trường văn hóa – xã hội ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	Sau 64
3.5	Tỷ lệ mức độ lựa chọn của yếu tố chính sách ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	65
3.6	Tỷ lệ các môn thể thao học sinh tham gia tập luyện của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	Sau 78
3.7	Tỷ lệ mức độ tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	79
3.8	Tỷ lệ về hình thức hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh một số trường trung học cơ sở tại tỉnh Bắc Ninh	80
3.9	Tỷ lệ số lượng môn thể thao học sinh tham gia của các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	81
3.10	Tỷ lệ đánh giá cách thức tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	81
3.11	Ma trận tác động chéo theo phương pháp MICMAC	104
3.12	Tỷ lệ đánh giá theo về tính cần thiết của các giải pháp	Sau 119
3.13	Tỷ lệ đánh giá về tính khả thi của các giải pháp	Sau 119
3.14	Mối tương quan thứ bậc giữa tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp	Sau 119
	HÌNH	
3.1	Các yếu tố quyết định sự tham gia tập luyện môn bóng đá	61
3.2	Mối quan hệ cấp bậc trong mô hình ISM	Sau 103

MỤC LỤC

Lời cam đoan	
Danh mục ký hiệu viết tắt trong luận án	
Danh mục các biểu bảng, biểu đồ trong luận án	
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BIỂU BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH	1
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	7
1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục thể chất trong trường học các cấp.....	7
1.2. Một số khái niệm có liên quan	12
1.3. Đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh Trung học cơ sở.	21
1.3.1. Đặc điểm về sinh lý.....	21
1.3.2. Đặc điểm tâm lý học sinh Trung học cơ sở	25
1.4. Vị trí, vai trò của môn bóng đá đối với sự phát triển thể chất, nhân cách của học sinh	30
1.5. Phong trào Bóng đá học đường tại các nước phát triển và tại địa phương.	34
1.6. Các công trình nghiên cứu có liên quan.	38
1.6.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.	38
1.6.2. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	41
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	47
2.1. Phương pháp nghiên cứu	47
2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu	47
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn	47
2.1.3. Phương pháp điều tra xã hội học	49
2.1.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm	49
2.1.5. Phương pháp ISM- MICMAC.....	51
2.1.6. Phương pháp thực nghiệm sự phạm	52
2.1.7. Phương pháp toán thống kê	53
2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	55
2.2.1. Đối tượng nghiên cứu	55

2.2.2. Phạm vi nghiên cứu	56
2.2.3. Địa điểm nghiên cứu	56
2.2.4. Cơ quan phối hợp nghiên cứu.....	56
2.2.5. Kế hoạch và thời gian nghiên cứu	56
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.....	58
3.1. Thực trạng phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.	58
3.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	58
3.1.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh....	60
3.1.2. Đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	87
3.1.3. Bàn luận kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 1	90
3.2. Lựa chọn và đánh giá hiệu quả giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.....	101
3.2.1. Xác định các nguyên tắc lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.....	101
3.2.2. Lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	105
3.2.3. Xây dựng các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh	111
3.2.4. Đánh giá hiệu quả giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.....	121
3.2.5. Bàn luận kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 2	132
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	140
1. Kết luận.....	140
2. Kiến nghị.....	142
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN.....
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết: Thế hệ trẻ là mầm non tương lai của đất nước là tiền đề của dân tộc. Thế hệ trẻ tràn đầy sức sống về thể chất và tinh thần, là hạnh phúc của giống nòi. Hiểu được tầm quan trọng của thế hệ trẻ và phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng tới việc phát triển thế hệ trẻ theo hướng: “Cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức”. Muốn đáp ứng yêu cầu toàn diện của thế hệ trẻ thì không thể nào thiếu được vai trò của giáo dục thể chất (GDTC) trong trường học từ bậc mẫu giáo, học sinh trung học đến đại học và chuyên nghiệp. Thể dục thể thao (TDTT) trong các trường học ở nước ta là một bộ phận quan trọng cấu thành nên TDTT toàn dân, là nơi giao nhau của hai lĩnh vực giáo dục và thể thao. Học đường là môi trường thuận lợi giàu tiềm năng để phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao cho đất nước. Thể thao trường học không chỉ là phương tiện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất mà còn góp phần rèn luyện nhân cách, đạo đức, ý chí, kỉ luật và lối sống lành mạnh cho thế hệ học sinh, sinh viên Việt Nam. Chính vì lẽ đó TDTT trường học góp phần tích cực tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Do đó, đầu tư phát triển TDTT trường học là nhu cầu tất yếu. Bóng đá học đường là nền tảng để kích thích đam mê chơi bóng của trẻ em. Ở đó, các em được vui chơi, nâng cao sức khỏe và tìm thấy niềm vui với trái bóng cũng như bộc lộ năng khiếu. Từ đó, tự bản thân các em có năng khiếu sẽ đưa ra sự chọn lựa tiếp theo cho mình là gia nhập các lò đào tạo hay đơn giản vẫn là chơi bóng cho vui. Hiểu theo cách khác, phát triển bóng đá học đường không chỉ giúp học sinh tăng cường sức khỏe, hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, mà còn tạo nguồn tuyển chọn tài năng bóng đá cho từng địa phương.

Xuất phát từ quan điểm giáo dục con người toàn diện hiện nay, những năm qua ở nước ta công tác GDTC trong các nhà trường đã có chuyển biến rõ rệt, nhiệm vụ của GDTC trong nhà trường một mặt trang bị cho học sinh, sinh viên những kĩ năng, kĩ xảo vận động song mặt quan trọng hơn là sự phát triển ở họ những tố chất thể lực phù hợp góp phần tạo nên sự phát triển thể chất toàn diện

cho các em. Đây là một lĩnh vực sư phạm chuyên biệt có tác động tích cực đối với việc rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức thẩm mỹ trong việc hình thành nhân cách cho học sinh, đồng thời làm cho tinh thần sáng khoái, thoải mái chống lại mệt mỏi và bệnh tật.

Trong những năm qua, đất nước ta có nhiều thay đổi về nền kinh tế, văn hóa, xã hội. Chính sự thay đổi này có ảnh hưởng nhiều đến thế hệ trẻ. Để tiếp cận những đổi mới toàn diện thì con người phải có thể chất và trí tuệ phù hợp với yêu cầu hiện nay. Trước tình hình đó, công tác TDTT đòi hỏi phát triển một chất lượng mới.

Bóng đá là một trong những môn thể thao góp phần nâng cao chất lượng GDTC cho trẻ em, sớm được du nhập vào Việt Nam, từ những năm 1906 -1907. Trải qua hơn 100 năm tồn tại và phát triển, bóng đá đã trở thành môn thể thao phổ cập và đón nhận sự quan tâm rộng rãi của toàn xã hội. Người dân Việt Nam rất yêu thích bóng đá, luôn nhiệt tình cổ vũ và giành sự quan tâm đặc biệt đối với bóng đá. Bóng đá cũng là môn thể thao được phản ánh nhiều nhất trên các phương tiện thông tin đại chúng ở nước ta.

Bên cạnh việc nâng cao sức khỏe thể chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân, bóng đá còn là phương tiện hữu hiệu góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Thành tích bóng đá ở cấp độ đội tuyển có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế. Vượt ra ngoài vai trò của một môn thể thao thuần túy, bóng đá đã hội tụ những yếu tố chính trị, xã hội và trở thành môn thể thao có ảnh hưởng sâu, rộng nhất.

Những năm trở lại đây, bóng đá Việt Nam đã phát triển cả về số lượng và chất lượng: khoảng 30/63 đơn vị tỉnh, thành, ngành có đội bóng, hệ thống đào tạo vận động viên (VDV) được xây dựng trên cơ sở các lớp đào tạo U19, U11, U13, U15, U17 và sau này là các lớp cầu thủ trẻ của Trung tâm Đào tạo bóng đá trẻ của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam; bóng đá thành tích cao đạt được một số kết quả: Đội tuyển quốc gia nam đã giành được nhiều giải quốc tế khu vực, châu lục, như

gần đây nhất là huy chương Bạc châu Á 2018, vô địch Seagames nam, nữ năm 2019... Trong những năm qua, bóng đá trẻ Việt Nam đã từng nhiều lần tạo được ấn tượng tại các giải thi đấu cấp khu vực, châu lục. Trước ảnh hưởng mạnh mẽ của môn thể thao này mà hiện nay ở Việt Nam đã có rất nhiều trung tâm bóng đá cộng đồng cho trẻ em.

Bắc Ninh là tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội. Sau hơn 23 năm tái lập, đến nay Bắc Ninh đã cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, với nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đứng trong tốp cao nhất cả nước, nổi bật là: Quy mô kinh tế của Bắc Ninh xếp thứ 4 toàn quốc, tổng sản phẩm (GRDP) chiếm 3,25% GDP cả nước; Giá trị sản xuất công nghiệp và Kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 2 toàn quốc; Thu hút đầu tư nước ngoài đứng thứ 7 toàn quốc; Thu ngân sách trong tốp 10 tỉnh, thành phố có số thu cao nhất cả nước; Các lĩnh vực văn hoá - xã hội, an sinh xã hội được chăm lo tích cực, an ninh quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị không ngừng được củng cố; Tỷ lệ trường học kiên cố hóa, trường chuẩn Quốc gia và phổ cập giáo dục trẻ em mầm non 5 tuổi đứng thứ nhất cả nước; Là tỉnh có nhiều chủ trương đầu tư mạnh mẽ cho phát triển thể lực con người. Trong xu thế hội nhập, thể thao học đường có vai trò quan trọng góp phần nâng cao vị thế của thể thao Việt Nam nói chung, thể thao Bắc Ninh nói riêng. Thể thao học đường nói chung, bộ môn bóng đá nói riêng khi được quan tâm, định hướng, phát triển tốt, sẽ là nhân tố quan trọng tạo nên những thế hệ học sinh không chỉ giỏi về kiến thức mà còn có thể chất tốt, tầm vóc vượt trội. Đề án phát triển thể lực, tầm vóc người Việt theo đó nâng cao chất lượng giờ học chính khóa, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa, hướng dẫn học sinh tự tập TDTT tăng cường thể lực, cải thiện chiều cao thân thể. Hơn nữa, chơi thể thao là cách thức hiệu quả để trẻ em phát triển thể chất lẫn tinh thần, đem lại cảm xúc tích cực, tự tin và xây dựng lối sống lành mạnh. Thể thao học đường tỉnh Bắc Ninh nói chung và môn bóng đá nói riêng đã có những bước phát triển thể hiện ở giải bóng đá Hội khỏe phù đổng (HKPD) Cúp Milo toàn quốc lần thứ XVI năm 2018 Bắc Ninh tham gia 02 đội bóng nhi đồng và thiếu niên kết quả đạt

giải nhì và ba. Qua đó, khẳng định lựa chọn phát triển môn thể thao tập thể trong trường học để xây dựng thương hiệu thể thao học đường cho tỉnh nhà là rất đúng hướng, phù hợp với xu thế phát triển thể thao bước đầu tạo sức lan tỏa, quảng bá hình ảnh Bắc Ninh trên toàn quốc.

Với những thành tích đạt được của thể thao học đường nói chung, bóng đá nói riêng. Đồng thời xác định được tầm quan trọng của bóng đá học đường trong việc phát triển toàn diện cả về văn hóa, tâm lý, tinh thần cho trẻ em, học sinh trong giai đoạn hiện nay. Với mong muốn mở rộng cơ hội cho thật nhiều trẻ em, học sinh yêu trái bóng tròn được rèn luyện sức khỏe, tranh tài thử sức, bồi đắp tình yêu bóng đá trong cộng đồng, phát hiện những nhân tố có tiềm năng có thể đóng góp cho sự lớn mạnh của nền bóng đá tỉnh nhà. Khi tìm hiểu về vấn đề này thì các tác giả Nguyễn Đăng Chiêu (2004), Nguyễn Đức Nhâm (2005), Phạm Xuân Thành (2007), Nguyễn Hoàng Thụ (2009), Trần Đức Dũng và cộng sự (2014), đã đánh giá được lượng vận động, đặc điểm hình thái, năng lực của các cầu thủ bóng đá trẻ. Tác giả Nguyễn Hoàng Thụ đã nghiên cứu các giải pháp phát triển bóng đá cho trẻ 3-10 tuổi. Đề án phát triển bóng đá nam tỉnh Bắc Ninh đã đề cập đến phát triển bóng đá học đường nói chung. Tuy nhiên việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển môn bóng đá nói riêng trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thì chưa có tác giả nào quan tâm nghiên cứu. Từ những lí luận và thực tiễn nêu trên chúng tôi mạnh dạn nghiên cứu đề tài: ***“Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường Trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh”***.

Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và đánh giá thực trạng phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS, cũng như các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đề tài lựa chọn được các giải pháp phù hợp, có hiệu quả, phát triển được phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nghiên cứu đề tài xác định các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: *Thực trạng phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.*

Để giải quyết nhiệm vụ 1, đề tài xác định sẽ giải quyết các vấn đề sau:

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào bóng đá cho học sinh Trung học cơ sở Tỉnh Bắc Ninh

Nhiệm vụ 2: *Lựa chọn và đánh giá hiệu quả giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.*

Để giải quyết nhiệm vụ 2, đề tài xác định sẽ giải quyết các vấn đề sau:

Xác định các nguyên tắc lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn Bóng đá trong các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

Lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn Bóng đá trong các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

Xây dựng nội dung chi tiết các giải pháp.

Tổ chức thực nghiệm trên đối tượng nghiên cứu.

Đánh giá hiệu quả giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn Bóng đá trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Giả thuyết khoa học:

Thực trạng phong trào tập luyện bóng đá cho trẻ em tại Bắc Ninh còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu. Nguyên nhân là do chưa có giải pháp phù hợp để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS, nếu xây dựng được các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh một cách khoa học, hợp lý sẽ tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh. Qua đó giúp phát triển thể chất và phát triển mạnh mẽ phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh.

Ý nghĩa khoa học của luận án

Hệ thống hóa và hoàn thiện các kiến thức lý luận về quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác GDTC trong trường học các cấp, các vấn đề chung về phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh, giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS, những yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh, phong trào bóng đá học đường tại các nước phát triển và tại địa phương.

Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Xác định được 21 nhân tố thuộc 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Từ đó, đánh giá thực trạng phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh cũng như thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, lựa chọn được 5 giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Bước đầu ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn trong thực tế và đánh giá hiệu quả. Kết quả đã cho thấy các giải pháp lựa chọn của luận án đã có hiệu quả cao trong việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thuộc các trường thực nghiệm.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục thể chất trong trường học các cấp

Trong Báo cáo chính trị do Tổng Bí thư Lê Duẩn trình bày trước Đại hội Đảng lần thứ IV (năm 1976) khẳng định công tác TDTT là một mặt cần thiết không thể thiếu trong giáo dục toàn diện hiện đại. Báo cáo nhấn mạnh: "...Cần nâng cao chất lượng toàn diện của nội dung giáo dục, hiện đại hoá chương trình học tập khoa học và kỹ thuật, mở rộng kiến thức quản lý kinh tế... Coi trọng đúng mức giáo dục thẩm mỹ, TDTT và luyện tập quân sự." [5]

Năm 1982, trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V Tổng Bí thư Lê Duẩn tiếp tục khẳng định: "... Cần tăng cường hệ thống tổ chức quản lý công tác TDTT ở các cấp ngành, các đoàn thể. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ... ". [7]

Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992 tại Điều 41 đã quy định: "Nhà nước và xã hội phát triển nền thể dục, thể thao dân tộc, khoa học và nhân dân. Nhà nước thống nhất quản lý sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao; quy định chế độ GDTC bắt buộc trong trường học; khuyến khích và giúp đỡ phát triển các hình thức tổ chức thể dục, thể thao tự nguyện của nhân dân, tạo các điều kiện cần thiết để không ngừng mở rộng các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, chú trọng hoạt động thể thao chuyên nghiệp, bồi dưỡng các tài năng thể thao". [54]

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII năm 1996 cũng đã khẳng định: "...Phát triển phong trào TDTT sâu rộng trong cả nước, trước hết là trong thanh, thiếu niên; tạo chuyển biến tích cực về chất lượng và hiệu quả GDTC trong trường học, trong các lực lượng dự bị quốc phòng và lực lượng vũ trang. Mở rộng quan hệ quốc tế về TDTT. Từng bước hình thành lực lượng thể thao chuyên nghiệp". [8]

Hoạt động TDTT lần đầu tiên được luật hóa thông qua là Pháp lệnh TDTT được ban hành năm 2000. Trong đó quy định: Thể dục, thể thao trường học bao gồm GDTC và hoạt động thể dục, thể thao ngoại khoá cho người học. GDTC

trong trường học là chế độ giáo dục bắt buộc nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất, góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho người học. Nhà nước khuyến khích hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa trong nhà trường. [55]

Năm 2002, Ban Chấp hành TW Đảng đã ban hành chỉ thị số 17-CT/TW về phát triển TDTT tới năm 2010, trong đó nhấn mạnh: “Đẩy mạnh hoạt động TDTT ở trường học. Tiến tới đảm bảo mỗi trường học đều có giáo viên thể dục chuyên trách và lớp học thể dục đúng tiêu chuẩn, tạo điều kiện nâng cao chất lượng GDTC; xem đây là một tiêu chí công nhận trường chuẩn quốc gia”. [9]

Sau một thời gian dài chuẩn bị, năm 2006 Luật TDTT được Quốc hội thông qua, ghi dấu ấn mới cho sự phát triển TDTT của nước nhà. Luật TDTT đã dành riêng một mục gồm 6 điều để quy định về công tác GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường [57]. Điều này cũng được nhất trí trong Luật Thể dục, Thể thao sửa đổi năm 2018. [58]

Với quan điểm giáo dục và TDTT là sự nghiệp của toàn dân, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-CP về việc đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và TDTT (2005) về chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, văn hóa, thể thao nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục và TDTT. Các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý để các ngành đẩy mạnh công tác xã hội hóa, làm cho mọi thành phần trong xã hội đổi mới quan điểm, nhận thức và giải pháp thực hiện xã hội hóa, tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và đầu tư các nguồn lực để phát triển công tác GDTC và phong trào thể thao cho mọi người, nâng cao thành tích thể thao đỉnh cao và hội nhập quốc tế. [65]

Đồng thời Bộ Giáo dục và Đào tạo còn ra Chỉ thị số 25/2004/CT-BGD&ĐT ngày 02/8/2004, chỉ thị về nhiệm vụ của toàn ngành trong năm học 2001-2005, trong đó nhấn mạnh: “Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật và công tác

y tế học đường. Tổ chức tốt các hoạt động ngoại Khóa, tạo điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên phát triển toàn diện”. [18]

Ngày 31/3/2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 08/2004/QĐ-BGD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của điều lệ Hội khỏe Phù Đổng Toàn quốc lần thứ VI - 2004 [19], điều này cho thấy, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rất quan tâm tới việc tạo sân chơi lành mạnh để phát triển thể chất cho học sinh trong trường học các cấp...

Luật Giáo dục (2005) tại điều 39 quy định về mục tiêu của giáo dục đại học là: Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [56]. Ngay trong Luật Giáo dục, vấn đề giáo dục sức khỏe cho học sinh trong trường học các cấp đã được quan tâm chú ý.

Năm 2009, Bộ GD&ĐT đã ban hành thông tư số: 09/2009/TT-BGDĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó, ở tất cả các cấp học đều yêu cầu công khai diện tích sân chơi, sân tập và tỷ lệ trên học sinh. Như vậy, việc tạo điều kiện cho học sinh vui chơi, hoạt động đã được Bộ GD&ĐT rất chú ý. [62].

Cũng trong năm 2009, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành thông tư số: 02/2009/BVHTTDL ngày 17 tháng 3 năm 2009 về việc hướng dẫn việc tổ chức và đánh giá phong trào TDTT quần chúng tại địa phương. Trong đó, để địa phương được đánh giá có phong trào TDTT phát triển tốt thì các trường học thuộc địa phương cũng phải hoàn thành tốt chương trình GDTC. [26]

Trong giai đoạn 1976 tới 2010, công tác GDTC đã được trú trọng hơn rất nhiều so với giai đoạn từ 1975 trở về trước. Công tác GDTC bắt đầu được tạo hành lang pháp lý để phát triển mạnh mẽ, góp phần phát triển thể chất, sức khỏe cho học sinh trong trường học các cấp.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội năm 2011-2020, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần XI, năm 2011: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu...

Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học”. [10]

Ngày 28 tháng 4 năm 2011, Thủ tướng chính phủ ban hành quyết định số: 641/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030. Trong chương trình 3, nhiệm vụ chủ yếu là: “Nâng cao chất lượng giờ học thể dục chính khóa; tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khóa, hướng dẫn học sinh tự luyện tập TDDT để tăng cường thể lực, cải thiện chiều cao thân thể”. [67]

Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 01 tháng 12 năm 2011 về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDDT đến năm 2020: “Mục tiêu của Nghị Quyết này là nhằm tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thể dục, thể thao; tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ làm nền tảng phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp TDDT; đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ), đã khẳng định: “Đổi mới chương trình và phương pháp GDTC, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên”. [11], [12]

Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động TDDT quần chúng: Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao...

Ngày 16/11/2012, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 51/2012/QĐ-TTg quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục với giáo viên TDDT [68]. Đây là văn bản thể hiện sự quan tâm của chính phủ với giáo viên TDDT, những người trực tiếp làm công tác GDTC trong trường học các cấp.

Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sửa đổi năm 2013 tại Điều 37 đã quy định: “Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc”. [54]

Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường”. Từ năm 2015, Thủ tướng chính phủ đã quy định GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân ở tất cả các cấp học. [70]

Cũng trong năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, trong đó quy định chi tiết về mục tiêu, khối lượng kiến thức, tổ chức xây dựng chương trình GDTC... trong các trường đại học. Đây là văn bản thể hiện sự quan tâm của Bộ GD&ĐT tới chương trình GDTC trong trường học các cấp.

Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 đã dành riêng một phần quan trọng cho GDTC và hoạt động thể thao trường học. [66]. Trong đó đã nêu ra các chỉ tiêu đến năm 2015 có 100% số trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình GDTC nội khóa, 45% số trường phổ thông có CLB TDTT, có CSVC đủ phục vụ cho hoạt động TDTT, có đủ GV và hướng dẫn viên TDTT, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa, 75% số HS được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Đặc biệt, ngày 17 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1076/QĐ-TTg phê duyệt đề án tổng thể phát triển GDTC và Thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 [71]. Đề án cũng đã đề ra những mục tiêu tổng quát, mục tiêu chi tiết cũng như giải pháp định hướng cụ thể để phát triển TDTT trường học trong giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025. Đây là văn bản thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước tới công tác phát triển GDTC và TDTT trong trường học các cấp.

Tóm lại, quan điểm của Đảng và Nhà nước về GDTC thể hiện sự nhất quán coi trọng và đầu tư cho việc nâng cao chất lượng công tác GDTC trong trường học các cấp, tạo hành lang pháp lý để hoạt động GDTC trong trường học các cấp diễn ra mạnh mẽ và thu được hiệu quả cao.

1.2. Một số khái niệm có liên quan

Khái niệm giải pháp.

Có nhiều khái niệm khác nhau về “giải pháp” do tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Có thể kể tới một số khái niệm sau:

Tiếp cận từ nghĩa gốc của từ: Giải có nghĩa là cởi ra; giải pháp có nghĩa là phép. Giải pháp có thể được hiểu là cách thức giải quyết một vấn đề cụ thể, đây cũng là một trong những cách hiểu phổ biến được nhiều người sử dụng.

Theo quan điểm của từ điển tiếng Việt (1996): “Giải pháp” được hiểu là phương pháp giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó. Tìm giải pháp tốt nhất. Dùng giải pháp thương lượng để chấm dứt xung đột. Giải pháp chính trị, giải pháp tình thế. Cách hiểu này tương đương cách tiếp cận từ nghĩa gốc của từ. [52]

Theo từ điển từ và ngữ Việt – Nam của tác giả Nguyễn Lâm: Giải pháp được hiểu theo nghĩa gốc của từ, là cách giải quyết một vấn đề khó khăn.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, chúng tôi tiếp cận ý nghĩa của từ “giải pháp” dưới góc độ là cách thức giải quyết một vấn đề cụ thể.

Khái niệm phong trào.

Phong trào là hoạt động có nhiều người tham gia trên cơ sở tự nguyện, phong trào phát triển tốt hay không là do cá nhân, tổ chức lãnh đạo phong trào.

Theo góc nhìn khác thì phong trào là một hoạt động có mục đích và luôn thăng tiến để tồn tại, được nhiều người qua nhiều thế hệ tự nguyện tham gia.

Đánh giá sự phát triển của phong trào thể thao.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng tại địa phương được đánh giá bằng 2 tiêu chí cơ bản. Tỷ lệ % người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, tỷ lệ % gia đình luyện tập thể dục thể thao.

Ngoài ra, tùy từng địa phương có thể chọn thêm các tiêu chí khác để đánh giá như số câu lạc bộ thể dục thể thao, số giải thể thao, số đội thể thao, số công trình thể thao, số cộng tác viên thể dục thể thao, số liên đoàn, hội thể thao được thành lập.

Người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là người tập mỗi tuần ít nhất 3 lần, mỗi lần ít nhất 30 phút, trong thời gian liên tục tối thiểu 6 tháng/1 năm rèn luyện sức khoẻ bằng các phương tiện, phương pháp của thể dục thể thao theo các nội dung và hình thức quy định.

Học sinh trong trường học thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất bắt buộc; cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang thực hiện đầy đủ chương trình huấn luyện thể lực theo quy định được tính là người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Tỷ lệ % người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là tổng số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên của địa phương chia cho tổng dân số của địa phương đó, nhân với 100. Gia đình luyện tập thể dục thể thao là gia đình có ít nhất 50% số thành viên đại diện các thế hệ trong gia đình là người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Gia đình luyện tập thể dục thể thao không phải là danh hiệu mà chỉ là một trong những tiêu chuẩn của danh hiệu “Gia đình văn hoá”. Tỷ lệ % gia đình luyện tập thể dục thể thao là số gia đình luyện tập thể dục thể thao của 1 địa phương chia cho tổng số hộ gia đình của địa phương đó, nhân với 100. Trình tự thủ tục kiểm tra, đánh giá và báo cáo thống kê như sau: Hàng năm, công chức văn hoá xã hội hoặc cộng tác viên thể dục thể thao cấp xã phối hợp với các trưởng thôn hoặc tổ trưởng dân phố thống kê số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên và số gia đình luyện tập thể dục thể thao từ các thôn hoặc tổ dân phố, tính tỷ lệ bình quân toàn xã, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Trưởng phòng Văn hoá và Thông tin cấp huyện; Phương pháp thống kê và cách tính tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên thực hiện. Trưởng phòng Văn hoá và Thông tin cấp huyện tổng hợp báo cáo của cấp xã trong huyện, tính tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên và gia đình luyện tập thể dục thể thao bình quân toàn huyện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp tỉnh tổng hợp báo cáo của cấp huyện trong tỉnh, tính tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên và gia đình luyện tập thể dục thể thao bình quân toàn tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao tổng hợp báo của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tính tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên và gia đình luyện tập thể dục thể thao bình quân của cả nước, báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để báo cáo Chính phủ.

Khái niệm thể dục thể thao ngoại khóa.

Khái niệm: Hoạt động TDDT ngoại khóa còn gọi là Thể thao ngoại khóa là hoạt động thể thao trong nhà trường, là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức ngoài giờ học chính khóa phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi, sức khoẻ và điều kiện của cơ sở đào tạo nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao. [36], [41]

Cùng với giờ học GDTC nội khóa, TDDT ngoại khóa có vai trò quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục phẩm chất ý chí, nhân cách cho học sinh, đồng thời là môi trường thuận lợi, đầy tiềm năng để phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao. Trong thời kỳ khoa học, công nghệ phát triển, TDDT ngoại khóa còn có ý nghĩa tích cực về mặt cộng đồng, hướng thế hệ trẻ vào các sinh hoạt thể thao lành mạnh, tránh xa tệ nạn xã hội. TDDT ngoại khóa là hoạt động TDDT tự nguyện là chính, diễn ra theo hình thức tổ chức có người hướng dẫn hoặc tự tập, thường được tiến hành ngoài giờ học nội khóa, có nội dung phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo và điều kiện sức khỏe của học sinh. [31]

Hoạt động TDDT ngoại khóa có vị trí quan trọng trong giáo dục. Các hoạt động ngoại khóa kết hợp cùng với các hoạt động dạy học cấu thành một cấu trúc giáo dục trường học hoàn chỉnh, góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục. TDDT ngoại khóa cùng với GDTC nội khóa là một thể thống nhất của TDDT trường học và song song tồn tại, hỗ trợ, bổ sung cho nhau không thể thiếu mặt nào [41], [63].

Đặc điểm hoạt động TDDT ngoại khóa:

Theo Nguyễn Toán và Phạm Danh Tôn [80], các buổi tập ngoại khóa

(không chính khóa) thường có cấu trúc đơn giản và nội dung hẹp hơn so với buổi tập nội khóa (chính khóa). Hình thức tập luyện này đòi hỏi ý thức kỷ luật, tinh thần độc lập và sáng tạo cao. Nhiệm vụ cụ thể và nội dung buổi tập ngoại khóa chủ yếu phụ thuộc vào sở thích và hứng thú cá nhân. TDTT ngoại khóa vừa bổ sung kiến thức thực hành cho giờ nội khóa nhưng nó cũng có những đặc thù riêng mà GDTC nội khóa không có được. TDTT ngoại khóa cùng với GDTC nội khóa hình thành nên một thể thống nhất của TDTT trường học; Tập luyện ngoại khóa là hình thức tập luyện tự nguyện nhằm củng cố sức khỏe, duy trì và nâng cao khả năng hoạt động thể lực, rèn luyện cơ thể và chữa bệnh, giáo dục các tố chất thể lực và ý chí, tiếp thu các kỹ năng, kỹ xảo vận động [80].

Cũng như buổi tập chính khóa, cấu trúc buổi tự tập phải đảm bảo phát động cơ thể dần dần, tạo điều kiện tốt cho thực hiện hoạt động chính và kết thúc hợp lý.

Theo Lê Văn Lãm và Phạm Xuân Thành khi tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cần lưu ý đến các mặt [43]: Tính chất hoạt động mềm hóa giữa bắt buộc và tự nguyện; Nội dung phong phú, linh hoạt không bị hạn chế; Không gian địa điểm tiến hành rộng lớn (trong trường hoặc ngoài trường); Hình thức đa dạng có thể tiến hành theo cá nhân, nhóm, khóa, trường.

Thời gian hoạt động có thể tiến hành bất kỳ lúc nào trong ngày tùy theo điều kiện thời gian của học sinh, sinh viên.

Cán bộ, giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, tư vấn, định hướng; còn học sinh, sinh viên phát huy vai trò chủ thể, tích cực chủ động phát huy lòng đam mê, hứng thú TDTT năng khiếu, năng lực sáng tạo của mình; Quy mô hoạt động TDTT ngoại khóa thể hiện qua số lượng học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên GDTC, cán bộ Đoàn, Công đoàn, phụ huynh, học sinh, sinh viên cùng tham gia. Số môn thể thao tổ chức được cho học sinh, sinh viên tập luyện, số giải thi đấu tham gia các cấp trong năm.

Với đa số học sinh, sinh viên TDTT ngoại khóa có tính phổ cập, chủ yếu biết chơi một môn thể thao nào đó để rèn luyện sức khỏe là đã tốt rồi. Nhưng

trong số hàng ngàn đến hàng vạn học sinh, sinh viên (tùy theo trường), sẽ có những em có năng khiếu đặc biệt nổi trội thì đây chính là những nhân tố tích cực để hình thành các đội tuyển, đội tiêu biểu thể thao của trường. Đối tượng này cần có chế độ tập luyện chuyên biệt để nâng cao trình độ chuyên môn, sẵn sàng tham gia thi đấu các giải ngoài trường. Đây cũng là lực lượng hướng dẫn viên tích cực mà giáo viên GDTC cần phải chú tâm lựa chọn, đào tạo để hỗ trợ hướng dẫn cho nhóm sinh viên ở trình độ phổ cập; TDTT ngoại khóa vừa bổ sung kiến thức thực hành cho giờ nội khóa nhưng nó cũng có những đặc thù riêng mà GDTC nội khóa không có được. TDTT ngoại khóa cùng với GDTC nội khóa hình thành một thể thống nhất của TDTT trường học.

Vai trò của hoạt động TDTT ngoại khóa:

Hoạt động TDTT ngoại khóa có vị trí quan trọng trong GDTC và thể thao trong trường học. Các hoạt động ngoại khóa kết hợp cùng với các hoạt động dạy học cấu thành một cấu trúc giáo dục trường học hoàn chỉnh, góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục. TDTT ngoại khóa cùng với GDTC nội khóa là một thể thống nhất của TDTT trường học và song song tồn tại, hỗ trợ, bổ sung cho nhau không thể thiếu mặt nào. Trong quá trình tổ chức tập luyện thể thao còn có thể giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ: tăng cường sức khỏe, phát triển toàn diện và hài hòa; giáo dục tổ chức thể lực và hình thành các kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết trong sinh hoạt và lao động; trang bị những tri thức cần thiết để thực hành TDTT trong lao động và đời sống hàng ngày; hình thành thế giới quan duy vật, sự giác ngộ về chính trị, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, ý thức tập thể..., đào tạo lực lượng hậu bị cho đội tuyển [37], [43], [52], [58], [59], [79], [80].

Thực hiện chủ trương đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chúng ta đang trong quá trình tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong sự nghiệp đó, nhân tố con người giữ vai trò quyết định cho sự thành công. Với vai trò quan trọng như vậy nên đòi hỏi đội ngũ nhân lực trong thời kỳ mới phải khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần. Vì vậy, việc tăng cường giáo dục thể chất và thể thao trong trường học trong thời kỳ đất nước đổi mới hiện

nay là rất cần thiết.

Hoạt động thể thao ngoại khóa có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc rèn luyện sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần cho học sinh sau những giờ học tập căng thẳng. Bên cạnh đó, những hoạt động này còn tạo cho học sinh có một đời sống tinh thần lành mạnh, tạo hứng thú và niềm đam mê trong học tập nghiên cứu.

Cùng với giờ học GDTC nội khóa, TDTT ngoại khóa có vai trò quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục phẩm chất ý chí, nhân cách cho học sinh. TDTT ngoại khóa còn là môi trường thuận lợi, đầy tiềm năng để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài thể thao cho quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu như hiện nay, TDTT ngoại khóa càng có ý nghĩa tích cực về mặt cộng đồng, hướng thể hệ trẻ vào các sinh hoạt thể thao lành mạnh, tránh xa tệ nạn xã hội. Do đó, nghiên cứu hoạt động TDTT ngoại khóa trong các trường học ở nước ta làm cơ sở phát triển chung cho phong trào TDTT cả nước là rất cần thiết.

Thể dục thể thao ngoại khóa là hoạt động TDTT tự nguyện là chính, diễn ra theo hình thức tổ chức có người hướng dẫn hoặc tự tập, thường được tiến hành ngoài giờ học nội khóa, phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe của học sinh, sinh viên. TDTT ngoại khóa có lịch sử gần 100 năm nay, cụ thể là vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, nhằm mục đích tổ chức giao lưu trong giáo hội, các cộng đồng dân cư, giữa các trường chủ yếu ở các môn điền kinh, thể dục và các môn bóng [80].

Theo V.P.Philin, việc tổ chức GDTC ngoài trường học được thực hiện trên các cơ sở luận điểm: Phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc GDTC; Có sự liên hệ phối hợp chặt chẽ của tất cả các ngành, cơ quan, tổ chức quan tâm trực tiếp đến hoạt động này cũng như của gia đình và xã hội; Kế thừa kết quả GDTC trong trường học, giúp cho trường học tăng cường, nâng cao và mở rộng kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo TDTT, tổ chức nghỉ ngơi lành mạnh cho học sinh, sinh viên; Sử dụng các hình thức hoạt động đa dạng, phù hợp với sự ham thích, đặc điểm lứa tuổi và trình độ thể lực của người tập; Thường xuyên dựa trên kỹ

luật tự giác, sự ham thích và lợi ích của đối tượng tập luyện; Bảo đảm sự chỉ đạo về phương pháp và việc kiểm tra y học có chất lượng đối với tất cả các hình thức cơ bản về tập luyện TDTT ngoài trường học [57]. Như vậy, có thể đúc kết lại, khâu tổ chức, hướng dẫn TDTT ngoại khóa cần nắm rõ đặc điểm phát triển tâm sinh lý đối tượng học sinh (lứa tuổi, giới tính, sức khỏe, chuyên ngành, nhu cầu, sở thích thể thao...), các điều kiện cần và đủ để thực hiện công tác này. Cần lưu ý một số nguyên tắc cơ bản sau đây: Phù hợp với xu hướng phát triển chung và đạt hiệu quả thực tiễn. Đáp ứng nhu cầu, sở thích của đối tượng. Tự nguyện, tự giác. Có chương trình, kế hoạch cụ thể và có thể lồng ghép khoa học giữa tập luyện và thi đấu phong trào. Xã hội hóa công tác Thể dục thể thao ngoại khóa, đảm bảo tính phổ thông đại chúng.

Mục đích của tổ chức TDTT ngoại khóa:

Tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa cho học sinh nhằm đạt được những mục đích sau: Thỏa mãn nhu cầu vận động của học sinh, sinh viên; Hình thành chế độ học tập - nghỉ ngơi hợp lý; Tạo môi trường vận động, vui chơi, giải trí lành mạnh, hướng học sinh, sinh viên vào các hoạt động tích cực, tránh xa các tệ nạn xã hội; Phát triển toàn diện thể chất và nhân cách học sinh, sinh viên; Rèn luyện kỹ năng sống qua các hoạt động giao lưu, giao tiếp [37], [43], [52], [77], [82].

Qua tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa, học sinh, sinh viên sẽ có cơ hội cùng gặp gỡ, tập luyện, giao tiếp với một nhóm người, một tập thể, một cộng đồng..., qua đó sẽ hình thành ở họ các kỹ năng sống như: giao tiếp, ứng xử, quyết định, thay đổi hành vi, lập mục tiêu, sự tự tin, giảm căng thẳng, sự thành công cũng như học tập tinh thần đoàn kết và sự công bằng. Những tác động tích cực này cũng giúp chống lại những nguy cơ và tác hại do lối sống tĩnh tại, căng thẳng, cạnh tranh và nhiều áp lực gây ra khá phổ biến trong cuộc sống giới trẻ ngày nay. Một số nghiên cứu cho thấy rằng trong số các thanh thiếu niên, thường xuyên tham gia vào các hoạt động thể chất ít có khả năng sử dụng thuốc lá. Tương tự, các trẻ em có nhiều hoạt động thể chất thì kết quả học tập cao hơn. Nhóm các môn

thể thao và trò chơi tập thể thúc đẩy hội nhập xã hội tích cực và tạo thuận lợi cho việc phát triển các kỹ năng xã hội ở trẻ.

Nội dung tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa trong nhà trường:

Ở Việt Nam, trước đây việc tập thể dục giữa giờ được tiến hành gần như bắt buộc ở các công sở, các đơn vị hành chính sự nghiệp, nhưng về sau do chỉ mang tính hình thức nên dần mai một và hiện nay không có cơ quan nào tập thể dục giữa giờ nữa. Bộ GD&ĐT đã thể hiện quyết tâm chỉnh đốn và phục hồi lại giờ tập giữa giờ của học sinh, sinh viên qua việc yêu cầu tất cả các trường học trên toàn quốc nghiêm túc thực hiện: “Tổ chức cho học sinh, sinh viên tập luyện các bài thể dục, thể dục nhịp điệu, khiêu vũ thể thao trong giờ nghỉ giải lao ở giữa các tiết học (đối với học sinh phổ thông); thời gian ít nhất là 10 phút, thực hiện 01 lần trong 01 ngày” [7], [17], [18], [77].

Cũng tương tự như giờ học nội khóa, nhưng cấu trúc các buổi tập Ngoại khóa thường đơn giản, tinh gọn hơn. Nội dung TDDT ngoại khóa thì đi sâu về chuyên môn hẹp nhưng phong phú và đa dạng, vượt ra ngoài những qui định của chương trình GDTC, không bị chương trình hạn chế so với buổi tập nội khóa. Nội dung hoạt động TDDT ngoại khóa bao gồm: các bài tập phát triển chung, hoạt động tập luyện và các hoạt động thi đấu các môn thể thao riêng lẻ hoặc phối hợp đa dạng nhiều môn... Bên cạnh đó, có thể tổ chức nhiều môn thể thao để học sinh, sinh viên lựa chọn tập luyện theo sở thích như: bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, aerobic, bơi lội, điền kinh, võ thuật... Ngoài ra, nên thành lập duy trì, tập luyện thường xuyên các đội năng khiếu thể thao theo câu lạc bộ (CLB) để thu hút học sinh, sinh viên tham gia. Sau nữa là tổ chức thi đấu giao lưu, thi đấu giải từ cấp cơ sở đến cấp toàn tỉnh, thành, toàn quốc. Tùy theo đặc tính có thể phân thi đấu TDDT trường học thành nhiều loại: Thi đấu trong trường và ngoài trường (không gian); Thi đấu đơn môn, đa môn (nội dung); Thi đối kháng, thi đấu giao lưu hữu nghị, thi kiểm tra, thi tuyển chọn, thi biểu diễn, thi đẳng cấp, thi thông tin, Đại hội TDDT (tính chất, nhiệm vụ, trình độ)...

Hình thức tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa:

Hình thức TDTT ngoại khóa:

Có thể khái quát hình thức các hoạt động TDTT ngoại khóa là các phương thức rèn luyện ngoài giờ của cá nhân, nhóm hay tập thể nhằm mục đích duy trì và phát triển sức khỏe tâm thể. Hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa trong nhà trường rất đa dạng, phương pháp linh hoạt, có thể tiến hành nhiều cấp độ, qui mô toàn trường, toàn khóa, ngành, lớp hoặc theo đội, nhóm và cá nhân nên thỏa mãn yêu cầu khác nhau của học sinh, sinh viên.

Phân loại chương trình TDTT ngoại khóa:

Theo Vũ Đức Thu và cộng sự [74], các chương trình tổ chức tập luyện tăng cường sức khỏe bao gồm các bài tập cá nhân, tập thể áp dụng các phương tiện theo hướng vệ sinh tập luyện, hồi phục khả năng làm việc, thực dụng và chữa bệnh. Các chương trình này có thể mang tính chất cá nhân (thể dục vệ sinh buổi sáng, chế độ giờ giấc hàng ngày, các chương trình rèn luyện)... và theo nhóm, lớp với sự giúp đỡ của GV bộ môn TDTT tiến hành. Còn theo các tác giả Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn [80], căn cứ tính chất hướng dẫn, có thể chia các buổi tập ngoại khóa thành: các buổi tự tập cá nhân, các buổi tập theo nhóm tự nguyện, các buổi tập theo nhóm có tổ chức.

Xét về góc độ xã hội, hoạt động TDTT ngoại khóa có người hướng dẫn còn có ý nghĩa tích cực như là một sân chơi bổ ích, một môi trường sinh hoạt lành mạnh giúp giới trẻ sử dụng thời gian rảnh một cách hợp lý, tránh xa tệ nạn xã hội như các khẩu hiệu thường gặp khắp nơi: “thể thao đẩy lùi ma túy”, “thể thao là mùa xuân của tuổi trẻ”...

Các điều kiện đảm bảo cho công tác tổ chức TDTT ngoại khóa:

Điều kiện tiên quyết là sự quan tâm lãnh đạo của Đảng và Nhà nước thông qua các chủ trương, chính sách, đường lối, các văn bản quy phạm pháp luật về công tác GDTC, trong đó có tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa tại trường học các cấp.

Một trong những điều kiện cơ bản để thu hút được đông đảo học sinh tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa là hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi, phòng tập

TDTT trong các nhà trường cần phải được trang bị đầy đủ và hiện đại, đáp ứng được nhu cầu tập luyện TDTT của học sinh.

Điều kiện không thể thiếu, như câu nói “Không thầy đố mày làm nên”, đó là đội ngũ giáo viên, giảng viên, HLV, hướng dẫn viên phải nhiệt tình, tâm huyết và năng lực chuyên môn tốt, vững vàng. Đây là yếu tố quan trọng để học sinh lựa chọn tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa.

Song song với các điều kiện trên là quá trình nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tác dụng của TDTT đối với tinh thần, thể chất của bản thân mỗi học sinh. Từ những nhận thức đúng đắn này, học sinh sẽ dễ dàng hình thành những ý thức tích cực và thúc đẩy học sinh tính tự giác, tự nguyện tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa.

Để hoạt động TDTT ngoại khóa thực sự đi vào thực tiễn cần có sự hỗ trợ và phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức xã hội, các hiệp hội, liên đoàn thể thao từ cơ sở đến trung ương... Trong đó, vai trò của Hội thể thao trường, CLB TDTT trường, Trung tâm TDTT (quận, huyện), Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, các Liên đoàn thể thao, doanh nghiệp, các mạnh thường quân, nhà tài trợ... hàng năm huy động kinh phí, tổ chức các giải đấu cấp khu vực và quốc gia hàng năm cho học sinh, sinh viên.

Qua đó có thể thấy, để tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa không hề đơn giản, mà phải có sự hỗ trợ, phối hợp đồng bộ của nhiều bộ phận liên quan. Cụ thể, tác giả Vũ Đức Thu xây dựng được mô hình quản lý công tác tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa. Do vậy để hoạt động TDTT ngoại khóa tạo được hứng thú cho học sinh, thiết kế môn học thể dục ngoại khóa đa dạng, phong phú để học sinh có nhiều lựa chọn tham gia tập luyện. Do vậy, cần thiết phải có những đổi mới trong tổ chức và hình thức tập luyện ngoại khóa để thu hút cũng như khuyến khích học sinh tham gia tập luyện. Đặc biệt nếu như đưa được môn học mà nhiều em yêu thích như bóng đá thì sẽ nâng cao được hiệu quả GDTC cho các em.

1.3. Đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh Trung học cơ sở.

1.3.1. Đặc điểm về sinh lý

Về chức năng sinh lý và hệ thống cơ quan trong cơ thể ở lứa tuổi này quá trình hưng phấn vẫn chiếm ưu thế so với quá trình ức chế. Tuy nhiên, sự phối hợp động tác ở lứa tuổi này chưa cao, động tác cứng, hơi vụng về nên trong quá trình hướng dẫn tập luyện, người giáo viên phải kiên trì hướng dẫn và tạo không khí thoải mái cho người tập. Mặc dù các biểu hiện trên có tính tạm thời, song vẫn cần được chú ý trong quá trình tập luyện. Cụ thể:

Đặc điểm về hệ thần kinh

Sự phát triển của hệ thần kinh không cân đối. Sự phát triển của hệ thống tín hiệu thứ nhất và tín hiệu thứ hai, giữa hưng phấn và ức chế cũng diễn ra mất cân đối theo hướng hưng phấn mạnh hơn ức chế.

Quá trình hưng phấn chiếm ưu thế rõ rệt, ức chế phân biệt bị kém đi, hưng phấn phát triển mạnh, lan tỏa cả vùng dưới vỏ não. Vì vậy, học sinh THCS dễ bị "hậu đậu", có nhiều động tác phụ của đầu, chân, tay trong khi vận động hay tham gia các hoạt động. Do các quá trình hưng phấn mạnh, chiếm ưu thế và các quá trình ức chế có điều kiện bị suy giảm nên thiếu niên không làm chủ được cảm xúc, không kiềm chế được xúc động mạnh. Bởi vậy học sinh THCS dễ nổi nóng, có phản ứng vô cớ, dễ bị kích động, mất bình tĩnh... nên dễ vi phạm kỷ luật. Chính vì vậy, trong quá trình hướng dẫn tập luyện, giáo viên cần đặc biệt chú ý tới việc giáo dục cho học sinh, trang bị cho học sinh tinh thần võ đạo cần thiết cũng như khả năng kiềm chế trong những tình huống khác nhau.

Đặc điểm về hệ tuần hoàn

Kích thước tuyệt đối và tương đối của tim tăng dần theo lứa tuổi, 8 - 10 tuổi 96 g và 15 tuổi 200 g. Kích thước tim của trẻ em chịu ảnh hưởng rất lớn của tập luyện. Tần số co bóp của tim giảm dần theo lứa tuổi, đến tuổi 14 - 16 tần số này giảm xuống còn 70 - 78 lần/phút. Nhịp tim của trẻ không ổn định. Dưới tác dụng của các yếu tố kích thích, chúng thay đổi nhiều hơn so với người lớn. Khi hoạt động thể lực như nhau tần số co bóp tim của các em sẽ cao hơn. Nghĩa là các em càng lớn thì tim hoạt động càng tinh tế hơn.

Trong các hoạt động tối đa, nhịp tim của các em tăng trưởng với tỷ lệ tương đối thấp, chứng tỏ cơ thể các em có tiềm năng hoạt động thấp hơn so với người lớn.

Hệ tim mạch của cơ thể trẻ thích nghi với sự tăng công suất hoạt động thể lực, kém hơn so với người lớn ví dụ khi tăng công suất hoạt động lên 1kgm/giây thì nhịp tim của các em tuổi 13 tăng 6 - 7 lần/phút còn người lớn 3 - 5 lần/phút. Sự hồi phục tim mạch sau hoạt động thể lực nói chung phụ thuộc vào độ lớn của lượng vận động. Sau các lượng vận động nhỏ có thể các em sẽ hồi phục nhanh hơn so với người lớn, nhưng sau những lượng vận động lớn cơ thể các em hồi phục chậm hơn.

Về huyết áp cũng tăng dần cùng với lứa tuổi. Khi 15 tuổi sẽ tăng lên 100 - 110 mmHg và tối thiểu cũng tăng lên từ 80-95 mmHg. Hoạt động thể lực cũng làm tăng huyết áp, thường tăng yếu hơn so với người lớn. Ở lứa tuổi 12 - 14 tăng từ 32 - 35 mmHg.

Hệ tim mạch phát triển không cân đối. Thể tích tim tăng nhanh, tim to hơn, hoạt động mạnh hơn, trong khi đường kính của các mạch máu lại phát triển chậm hơn dẫn đến sự rối loạn tạm thời của tuần hoàn máu. Do đó thiếu niên thường bị mệt mỏi, chóng mặt, nhức đầu, huyết áp tăng... khi phải làm việc quá sức hoặc làm việc trong thời gian kéo dài. [41], [42].

Đặc điểm về hô hấp

Học sinh THCS thở nhanh và không ổn định, thở nông và có tỷ lệ thở ra hít vào bằng nhau. Tần số hô hấp sẽ được giảm xuống dần khi đến tuổi trưởng thành 12-18 lần/phút. Dung tích sống cũng nhỏ hơn người lớn. Tuy nhiên về dung tích sống trên trọng lượng cơ thể thì các em có chỉ số cao hơn người lớn. Các em 14 tuổi có dung tích sống tương đối; trung bình là 120ml/1 kg trọng lượng trong khi người lớn là 80ml/1kg trọng lượng.

Trong hoạt động thể lực thông khí phổi của trẻ em tăng lên chủ yếu là do tăng tần số hô hấp chứ không phải độ sâu hô hấp. Ở các em hấp thụ Oxy trong các hoạt động thể lực có thể tăng lên 10 lần so với mức chuyển hoá cơ sở trong khi

người lớn có thể tăng hấp thụ Oxy lên đến 15-16 lần. Hấp thụ Oxy tối đa (VO_{2max}) của các em thấp hơn của người lớn song vẫn cao hơn các em cùng lứa tuổi không tập luyện TDTT [42], [60].

Đặc điểm về quá trình trao đổi chất

Về quá trình trao đổi chất và năng lượng là quá trình đồng hoá chiếm ưu thế so với quá trình dị hoá. Sự tiêu hao năng lượng trong hoạt động thể lực cũng phụ thuộc vào lứa tuổi. Trong cùng một hoạt động, trẻ em tiêu hao nhiều năng lượng hơn so với người lớn.

Cùng với lứa tuổi, tính hiệu quả trong hoạt động cơ bắp tăng lên, giá trị năng lượng của hoạt động giảm đi.

Ở trẻ em khối lượng máu tỷ lệ với trọng lượng cơ thể cao hơn ở người lớn, cùng với lứa tuổi chỉ số này giảm dần. Tuổi 14 tổng lượng máu chiếm 78% tổng lượng máu cơ thể [42], [60].

Đặc điểm phát triển giới tính

Sự trưởng thành về mặt sinh dục là yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển cơ thể ở lứa tuổi học sinh THCS.

Dấu hiệu dậy thì ở em gái là sự xuất hiện kinh nguyệt, sự phát triển của tuyến vú (vú và núm vú nhô lên, quầng vú rộng), ở em trai là hiện tượng "vỡ giọng", sự tăng lên của thể tích tinh hoàn và bắt đầu có hiện tượng "mộng tinh". Tuổi dậy thì, các em gái ở Việt Nam thường vào khoảng 12-14 tuổi, ở các em trai bắt đầu và kết thúc chậm hơn các em gái khoảng từ 1.5 tới 2 năm.

Dấu hiệu phụ báo hiệu tuổi dậy thì có sự khác nhau giữa em trai và em gái. Các em trai cao rất nhanh, giọng nói ồm ồm, vai to, có ria mép... các em gái cũng lớn nhanh, thân hình duyên dáng, da dẻ hồng hào, tóc mượt mà, môi đỏ, giọng nói trong trẻo...

Sự phát dục và những biến đổi trong sự phát triển thể chất của thiếu niên có ý nghĩa quan trọng đối với sự xuất hiện những cấu tạo tâm lý mới. Những biến đổi rõ rệt về mặt giải phẫu, sinh lý đối với thiếu niên đã làm cho các em trở thành người lớn một cách khách quan và làm nảy sinh cảm giác về tính người lớn của

bản thân các em. Sự phát dục làm cho thiếu niên xuất hiện những cảm giác, tình cảm và rung cảm mới mang tính chất giới tính, các em quan tâm nhiều hơn tới người khác giới.

Tuy nhiên, ảnh hưởng trên đến sự phát triển tâm lý của học sinh THCS còn phụ thuộc nhiều yếu tố: Kinh nghiệm sống, đặc điểm giao tiếp của thiếu niên, những hoàn cảnh riêng trong đời sống và điều kiện giáo dục đối với các em [42], [60].

Tóm lại: Chức năng sinh lý và hệ thống cơ quan trong cơ thể ở lứa tuổi học sinh THCS quá trình hưng phấn vẫn chiếm ưu thế so với quá trình ức chế. Sự phát triển cơ thể của thiếu niên diễn ra mạnh mẽ nhưng không cân đối, đây là đặc điểm đặc trưng của giai đoạn dậy thì ở học sinh THCS.

1.3.2. Đặc điểm tâm lý học sinh Trung học cơ sở

Đặc điểm phát triển quá trình nhận thức

Sự phát triển tri giác: Học sinh THCS, khối lượng các đối tượng tri giác tăng rõ rệt. Tri giác của các em có trình tự, có kế hoạch và hoàn thiện hơn. Các em có khả năng phân tích và tổng hợp phức tạp khi tri giác sự vật, hiện tượng. Các em đã sử dụng hệ thống thông tin cảm tính linh hoạt tùy thuộc vào nhiệm vụ của tư duy. Khả năng quan sát phát triển, trở thành thuộc tính ổn định của cá nhân. Tuy nhiên tri giác của các em còn một số hạn chế: Thiếu kiên trì, còn vội vàng, hấp tấp trong tri giác, tính tổ chức, tính hệ thống trong tri giác còn yếu. Vì vậy giáo viên cần rèn luyện cho các em kỹ năng quan sát qua các giờ giảng lý thuyết, các giờ thực hành, hoạt động ngoài giờ lên lớp, các sinh hoạt tập thể, hoạt động thể dục thể thao, tham quan, dã ngoại...

Sự phát triển trí nhớ: Lứa tuổi THCS, các em ghi nhớ chủ đích, ghi nhớ ý nghĩa, ghi nhớ logic đang dần được chiếm ưu thế hơn ghi nhớ máy móc. Trong khi tái hiện tài liệu, các em đã biết dựa vào logic của vấn đề nên nhớ chính xác và lâu hơn. Các em có khả năng sử dụng các loại trí nhớ một cách hợp lý, biết tìm các phương pháp ghi nhớ, nhớ lại thích hợp, có hiệu quả, biết phát huy vai trò của tư duy trong các quá trình ghi nhớ. [59]

Sự phát triển chú ý: Chú ý có chủ định ở học sinh THCS phát triển mạnh hơn so với nhi đồng. Sức tập trung chú ý cao hơn, khả năng di chuyển được tăng cường rõ rệt, khả năng duy trì chú ý được lâu bền hơn so với nhi đồng, chú ý của các em thể hiện sự lựa chọn rất rõ (phụ thuộc vào tính chất của đối tượng, vào hứng thú của học sinh...).

Sự phát triển tư duy: Ở học sinh THCS, tư duy của các em chuyển từ tư duy cụ thể sang trừu tượng là nét đặc thù. Tuy nhiên ở đầu cấp THCS, thành phần của tư duy cụ thể vẫn phát triển mạnh và giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc tư duy. Sang các lớp cuối cấp, tư duy trừu tượng phát triển mạnh. Các em có khả năng phân tích tài liệu tương đối đầy đủ, sâu sắc, biết phân tích các yếu tố bản chất, những mối liên hệ, quan hệ mang tính quy luật... khi lĩnh hội, giải quyết nhiệm vụ. Khả năng khái quát hoá, trừu tượng hoá ở học sinh THCS phát triển mạnh. Khả năng suy luận của các em tương đối hợp lí và có cơ sở sát thực [61], [73], [78].

Trên thực tế, tư duy của các em còn bộc lộ một số hạn chế. Một số em gặp khó khăn trong nhận biết các dấu hiệu bản chất của vấn đề; các em hiểu bản chất của khái niệm song không phải lúc nào cũng phân biệt được dấu hiệu đó trong mọi trường hợp; gặp khó khăn trong khi phân tích mối liên hệ nhân quả... Ngoài ra đối với một số học sinh, hoạt động nhận thức chưa trở thành hoạt động độc lập, tính kiên trì trong học tập còn yếu.

Từ những đặc điểm trên, giáo viên cần chú ý phát triển tư duy trừu tượng cho học sinh THCS làm cơ sở cho việc lĩnh hội khái niệm khoa học trong học tập, hướng dẫn các em biện pháp rèn luyện kỹ năng suy nghĩ độc lập, có phê phán.

Sự phát triển khả năng tưởng tượng và ngôn ngữ: Khả năng tưởng tượng ở học sinh THCS khá phong phú nhưng còn bay bổng, thiếu thực tiễn.

Ngôn ngữ của các em phát triển mạnh, vốn từ tăng lên rõ rệt. Ngôn ngữ phức tạp hơn, từ vựng phong phú hơn, tính hình tượng và trình độ logic chặt chẽ trong ngôn ngữ phát triển ở mức cao hơn so với nhi đồng. Tuy cũng còn hạn chế như: Khả năng dùng từ để biểu đạt ý nghĩ còn hạn chế, các em còn dùng từ chưa

chính xác, chưa chú ý cách diễn đạt theo cấu trúc ngữ pháp chặt chẽ; một số em thích dùng từ cầu kỳ, bóng bẩy nhưng sáo rỗng do ý muốn bắt chước người lớn, hoặc sử dụng một số thành ngữ dung tục [61], [73], [78].

Đặc điểm phát triển nhân cách.

Sự hình thành tự ý thức của học sinh THCS

Một trong những đặc điểm quan trọng của sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi học sinh THCS là sự tự ý thức.

Do sự phát triển mạnh mẽ của cơ thể, đặc biệt do sự phát triển của các mối quan hệ xã hội và sự giao tiếp trong tập thể mà ở các em đã biểu hiện nhu cầu tự đánh giá nhu cầu so sánh mình với người khác. Các em đã bắt đầu xem xét mình, vạch cho mình một nhân cách tương lai, muốn hiểu biết mặt mạnh, mặt yếu trong nhân cách của mình.

Về nội dung: Không phải tất cả những phẩm chất của nhân cách đều ý thức được hết. Ban đầu các em chỉ nhận thức hành vi của mình, sau đó nhận thức những phẩm chất đạo đức, tính cách và năng lực của mình trong những phạm vi khác nhau, cuối cùng các em mới nhận thức những phẩm chất phức tạp thể hiện nhiều mặt của nhân cách (tình cảm, trách nhiệm, lòng tự trọng...)

Về cách thức: Ban đầu các em còn dựa vào đánh giá của những người gần gũi và có uy tín với mình. Dần dần các em hình thành khuynh hướng độc lập phân tích và đánh giá bản thân. Nhưng khả năng tự đánh giá của thiếu niên còn hạn chế, chưa đủ khách quan...

Sự phát triển tự ý thức của thiếu niên có ý nghĩa lớn lao, thúc đẩy các em bước vào một giai đoạn mới. Kể từ tuổi thiếu niên trở đi, khả năng tự giáo dục của các em được phát triển, các em không chỉ là khách thể của quá trình giáo dục mà còn đồng thời là chủ thể của quá trình này [61], [73], [78].

Sự hình thành đạo đức của học sinh THCS

Khi đến trường, trẻ được lĩnh hội chuẩn mực và quy tắc hành vi đạo đức một cách có hệ thống.

Đến tuổi thiếu niên, do sự mở rộng quan hệ xã hội, do sự phát triển mạnh mẽ của tự ý thức... mà trình độ đạo đức của các em được phát triển mạnh mẽ. Sự hình thành đạo đức nói chung, sự lĩnh hội tiêu chuẩn của hành vi đạo đức nói riêng là đặc điểm tâm lý quan trọng trong lứa tuổi thiếu niên.

Tuổi thiếu niên là lứa tuổi hình thành thế giới quan, lý tưởng, niềm tin đạo đức, những phán đoán giá trị...

Do tự ý thức và trí tuệ đã phát triển, hành vi của thiếu niên bắt đầu chịu sự chỉ đạo của những nguyên tắc riêng, những quan điểm riêng của thiếu niên.

Nhân cách của thiếu niên được hình thành phụ thuộc vào việc thiếu niên có được kinh nghiệm đạo đức như thế nào, thực hiện đạo đức nào?

Những nghiên cứu tâm lý học cho thấy, trình độ nhận thức đạo đức của thiếu niên là cao.

Nhưng cũng có cả những kinh nghiệm và khái niệm đạo đức hình thành một cách tự phát ngoài sự hướng dẫn của giáo dục, do ảnh hưởng của những sự kiện trong sách, phim, bạn bè xấu... Do vậy, các em có thể có những ngộ nhận hoặc hiểu phiến diện, không chính xác một số khái niệm đạo đức... Trong công tác giáo dục cần chú ý giúp các em hiểu được khái niệm đạo đức một cách chính xác... và tổ chức hành động để thiếu niên có được kinh nghiệm đạo đức đúng đắn [61], [73], [78].

Sự hình thành tình cảm của học sinh THCS

Tình cảm của học sinh THCS sâu sắc và phức tạp hơn các em học sinh tiểu học.

Đặc điểm nổi bật ở lứa tuổi này là dễ xúc động, dễ bị kích động, vui buồn chuyển hoá dễ dàng, tình cảm còn mang tính bùng bột, hăng say... Đặc điểm này là do ảnh hưởng của sự phát dục và sự thay đổi một số cơ quan nội tạng gây nên.. Nhiều khi còn do hoạt động hệ thần kinh không cân bằng, thường thì quá trình hưng phấn mạnh hơn quá trình ức chế, đã khiến các em không tự kiểm chế được.

Các em dễ có phản ứng mãnh liệt trước sự đánh giá, nhất là sự đánh giá thiếu công bằng của người lớn.

Tâm trạng của thiếu niên thay đổi nhanh chóng, thất thường, có lúc đang vui nhưng chỉ là một cơn gió thoảng qua lại sinh ra buồn ngay. Do đó thái độ của các em đối với những người xung quanh cũng có nhiều mâu thuẫn.

Rõ ràng cách biểu hiện cảm xúc của thiếu niên mang tính chất độc đáo. Đó là tính bùng nổ, sôi nổi, dễ bị kích động và dễ thay đổi [61], [73], [78].

Hoạt động giao tiếp của học sinh Trung học cơ sở

Giao tiếp là hoạt động chủ đạo ở lứa tuổi thiếu niên. Giao tiếp của thiếu niên là một hoạt động đặc biệt. Qua đó, các em thực hiện ý muốn làm người lớn, lĩnh hội các chuẩn mực đạo đức xã hội của các mối quan hệ. Lứa tuổi thiếu niên có những thay đổi rất cơ bản trong giao tiếp của các em với người lớn và với bạn ngang hàng.

Giao tiếp giữa thiếu niên với người lớn: Nét đặc trưng trong giao tiếp giữa thiếu niên với người lớn là sự cải tổ lại kiểu quan hệ giữa người lớn trẻ em ở tuổi nhi đồng, hình thành kiểu quan hệ đặc trưng của tuổi thiếu niên và đặt cơ sở cho việc thiết lập quan hệ của người lớn với người lớn trong các giai đoạn tiếp theo.

Giao tiếp giữa thiếu niên với nhau: Nhu cầu giao tiếp với bạn ngang hàng phát triển mạnh. Giao tiếp với bạn đã trở thành nhu cầu cấp thiết vì các em có xu hướng muốn tách khỏi người lớn do trong quan hệ với người lớn, các em ít được bình đẳng. Đây là lứa tuổi đang khao khát tìm một vị trí ở bạn bè, ở tập thể, muốn được sự công nhận của bạn bè.

Quan hệ với bạn của thiếu niên là hệ thống độc lập và bình đẳng. Thiếu niên coi quan hệ với bạn là quan hệ thiêng liêng của cá nhân và các em muốn được độc lập, không muốn người lớn can thiệp [61], [73], [78].

Tóm lại, Học sinh THCS hoạt động thể thao giúp cho thông khí phổi của các em tăng lên chủ yếu là do tăng tần số hô hấp chứ không phải độ sâu hô hấp. Ở các em hấp thụ Oxy trong các hoạt động thể lực có thể tăng lên 10 lần so với mức chuyển hoá cơ sở trong khi người lớn có thể tăng hấp thụ Oxy lên đến 15-16 lần. Hấp thụ Oxy tối đa (VO_{2max}) của các em thấp hơn của người lớn song vẫn cao hơn các em cùng lứa tuổi không tập luyện TDTT [42], [60]. Ở lứa tuổi này

khối lượng các đối tượng tri giác tăng rõ rệt. Khả năng quan sát phát triển, trở thành thuộc tính ổn định của cá nhân. Tuy nhiên tri giác của các em còn một số hạn chế: Thiếu kiên trì, còn vội vàng, hấp tấp trong tri giác, tính tổ chức, tính hệ thống trong tri giác còn yếu. Vì vậy giáo viên cần rèn luyện cho các em kỹ năng quan sát qua các giờ giảng lý thuyết, các giờ thực hành, hoạt động ngoài giờ lên lớp, các sinh hoạt tập thể, hoạt động thể dục thể thao, tham quan, dã ngoại... mà đặc biệt ở đây là các hoạt động giờ thực hành thể dục thể thao. Ở lứa tuổi này nếu các em có định hướng và tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên sẽ giúp các em không những phát triển thể chất mà còn nâng cao thành tích học tập.

1.4. Vị trí, vai trò của môn bóng đá đối với sự phát triển thể chất, nhân cách của học sinh

1.4.1. Vị trí của môn bóng đá

Bóng đá luôn được coi là môn thể thao “Vua” bởi nó có sức mạnh lôi cuốn đến lạ kỳ. Bóng đá có ảnh hưởng rất lớn và phát triển rộng rãi trên thế giới, mỗi trận thi đấu Bóng đá có thể lôi cuốn mấy chục vạn người trên sân, hàng tỷ người theo dõi trên màn hình trên toàn thế giới, theo thống kê chưa đầy đủ hiện nay trên thế giới có khoảng hơn 60 triệu người chơi Bóng đá và vài chục vạn người là cầu thủ chuyên nghiệp. Bóng đá là một trong những nội dung chính không thể thiếu được trong các kỳ Olympic, Bóng đá thế giới đã trải qua 18 kỳ World cup đã thu hút đông đảo mọi người đến xem ngày càng tăng lên. Giải vô địch thế giới lần 1 tổ chức năm 1930 tổng số người xem là: 434.500 người trung bình mỗi trận đấu có 24.139 người. Nhưng World Cup lần thứ 15 năm 1994 tổng số người xem đã tăng lên 3.567.415 người, trung bình mỗi trận đấu có 68.604 người. Điều đó cho thấy Bóng đá là môn thể thao được nhiều người ham thích tham gia tập luyện và thi đấu. Tập luyện Bóng đá ngoài việc hoàn thiện kỹ chiến thuật, phát triển thể lực mà còn là nền tảng tiếp thu và tham gia vào các môn thể thao khác.

Đối với Việt Nam Bóng đá chiếm một vị trí hết sức quan trọng, nó đã đi sâu vào tâm tư tình cảm, đi sâu vào cuộc sống của mỗi người dân trên con đường

đổi mới. Trong những năm gần đây, Bóng đá nước nhà đã và đang từng bước đi lên con đường chuyên nghiệp hoá cùng với sự phát triển của nền kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật của đất nước. Và đã thu được những thành tích ban đầu đáng khích lệ và mang đầy tính thuyết phục. Có thể nói Bóng đá đã, đang và vẫn là môn thể thao số 1 của hành tinh.

1.4.2. Vai trò của môn bóng đá đối với sự phát triển thể chất, nhân cách của học sinh

Tác dụng nâng cao thể chất cho học sinh.

Do hoạt động Bóng đá có tính chất thay đổi cường độ vận động thường xuyên (từ trung bình – cực đại), các động tác là rất phong phú và đa dạng, tính chất thường xuyên xảy ra, cơ thể luôn chịu kích thích mới làm cho hệ thống thần kinh hưng phấn cao trong thời gian dài, giúp cho hệ thần kinh phát triển linh hoạt, sáng tạo và thông minh hơn.

Trong tập luyện và thi đấu Bóng đá không chỉ có những hoạt động dùng sức trong Bóng đá mà còn mang các động tác chạy, nhảy, xoay, đánh đầu làm cho các cơ bắp của tay chân, thân mình phát triển (phát triển toàn diện các cơ bắp của cơ thể), sức mạnh của cơ bắp tăng lên, mềm dẻo hơn. Các động tác tranh cướp bóng, tấn công đều phải đua tốc độ, từ đó luyện tập Bóng đá có thể giúp người tập phát triển tố chất tốc độ, sức bền và linh hoạt. Theo nhiều kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, sinh lý học thể thao thì sau một quá trình tập luyện Bóng đá có hệ thống, liên tục thì các chỉ số sinh lý như mạch đập, lưu lượng phút, dung tích sống, $VO_2\max$ đều có sự biến đổi tốt lên. Mạch đập yên tĩnh giảm xuống 56 – 64 lần/phút, do tim to và khoẻ lên dung tích sống có thể tăng lên khoảng 4,6 đến 7 lít; trong khi đó người bình thường dung tích sống chỉ khoảng 3,5 lít. Lưu lượng thông khí phổi tối đa đạt khoảng 110 đến 150 lít/phút. [25]

Ngoài những ảnh hưởng tích cực trên, tập luyện và thi đấu Bóng đá còn rèn luyện và phát triển thị giác, óc quan sát, kích thích cơ quan tiền đình rút ngắn thời gian phản xạ.

Tóm lại, tập luyện và thi đấu Bóng đá giúp cơ thể học sinh phát triển toàn diện về thể chất hơn.

Tác dụng rèn luyện phẩm chất, ý chí, đạo đức, tác phong.

Trong quá trình tập luyện và thi đấu Bóng đá thường xuyên xuất hiện các tình huống gay cấn và căng thẳng, lúc đó con người bộc lộ tình cảm của mình một cách rõ nhất. Qua việc xử lý các tình huống cụ thể đó họ sẽ được thử thách, rèn luyện, tích lũy dần được kinh nghiệm, giúp họ trở lên cứng rắn hơn, bình tĩnh hơn, chín chắn hơn, tinh táo hơn trong việc giải quyết các vấn đề.

Do đặc điểm môn Bóng đá là môn thể thao chơi tập thể, muốn giành được hiệu quả trong tập luyện và thi đấu Bóng đá đòi hỏi mỗi người phải nỗ lực hết mình, phấn đấu vì mục đích chung. Do đó sẽ hình thành được tinh thần tập thể, tinh thần đoàn kết hỗ trợ lẫn nhau, vì danh dự của thể thao, vì đồng đội.

Tập luyện và thi đấu Bóng đá thường xuyên được tiến hành trong điều kiện thiên nhiên luôn thay đổi, thời tiết nóng lạnh, mưa và gió, mệt mỏi cũng sẽ thôi luyện tinh thần vượt khó, gian khổ cho người tập, từ đó sẽ hình thành phẩm chất, ý chí ngoan cường trong tập luyện và thi đấu. Trong tập luyện và thi đấu Bóng đá cũng là những màn trình diễn trước khán giả sẽ giúp cho các em mạnh dạn hơn, đi đứng, cách đối xử trên sân cũng được rèn rũa để có được tác phong chững chạc và văn minh hơn.

Tác dụng vui chơi giải trí.

Bóng đá cũng như nhiều môn thể thao khác và giống các môn nghệ thuật trình diễn có giá trị giải trí cao, hoạt động Bóng đá không chỉ hấp dẫn con người ở lĩnh vực thưởng thức nghệ thuật của trình diễn mà còn hấp dẫn, lôi cuốn người ta vào hoạt động “Tự trình diễn”. Sau những giờ học tập mệt mỏi trẻ lại chọn sân bãi, quả bóng tròn làm phương tiện giải trí cho mình. Bóng đá là môn thể thao “ma lực” lôi cuốn cả người xem và người chơi.

Ngày nay, tham gia vào các trận đấu, các giải Bóng đá lớn như giải cúp Châu Âu, Châu Mỹ, cúp Thế giới... không chỉ các cầu thủ và hàng ngàn khán giả trên sân vận động mà còn hơn thế rất nhiều, hàng trăm triệu người khắp hành tinh

say sưa “Sống cùng bóng đá” qua các phương tiện thông tin đại chúng. Số lượng người có nhu cầu thưởng thức Bóng đá trên thế giới rất lớn, đã vượt xa bất cứ môn nghệ thuật giải trí nào khác.

Đối với học sinh Bóng đá là một trong những hoạt động giải trí được lựa chọn nhiều nhất khi có thời gian rảnh rỗi. Tuy nhiên, các điều kiện về cơ sở sân bãi là những khó khăn, nhất là ngày nay xu thế đô thị hoá ngày càng phát triển mạnh, các sân chơi cho trẻ em ngày càng hiếm dần. Cần tổ chức lại các hoạt động thể thao nói chung và Bóng đá nói riêng theo các hình thức câu lạc bộ và đặc biệt cần giành những sân chơi thể thao cho tuổi trẻ để Bóng đá thực sự phát huy thế mạnh của mình trong lĩnh vực giáo dục và giải trí cho thế hệ trẻ.

Tóm lại, sân bóng sẽ là một môi trường rèn luyện cho người tập về đạo đức tác phong, ý chí và các phẩm chất tốt đẹp. Từ đó giúp người tập nhanh chóng trưởng thành trong cuộc sống.

1.4.3. Lợi ích của tập luyện môn bóng đá

Bóng đá là môn thể thao đặc biệt. Với sự hoạt động đa dạng, phức tạp, đòi hỏi ý chí cao, Bóng đá đã đem lại cho người tham gia nhiều lợi ích cả về thể chất lẫn tinh thần.

Bóng đá là môn thể thao giảm sự căng thẳng:

Đến với bóng đá dù với hình thức nào, những người tham gia đều có những giây phút thư giãn, sáng khoái, giúp làm giảm sự mệt mỏi về tinh thần, tạo điều kiện tốt cho công việc hàng ngày.

Bóng đá thông qua các cầu thủ, đặc biệt là các cầu thủ xuất sắc cho mọi người được thưởng thức những kỹ thuật điêu luyện, những pha phối hợp ăn ý đó là món ăn tinh thần rất bổ ích.

Bóng đá bồi dưỡng cho con người về mặt ý chí, phẩm chất.

Trong quá trình tập luyện và thi đấu con người thường bộc lộ những tình cảm và cá tính một cách xác thực nhất. Những tình huống gay go, những giây phút căng thẳng mệt mỏi, những thời điểm quan trọng làm các cầu thủ thể hiện rõ

bản chất của mình, đồng thời cũng là cơ hội để họ trở nên bản lĩnh, kinh nghiệm hơn trong giải quyết các tình huống một cách đúng đắn.

Trong quá trình tập luyện và thi đấu bóng đá con người được bồi dưỡng rất nhiều về mặt phẩm chất, ý chí. Sự tập luyện thường xuyên cùng đồng đội, lối chơi đồng đội đã giáo dục cho cầu thủ có được ý thức tập thể cao. Tính đồng đội đã giúp cho cầu thủ biết tương trợ nhau, biết hỗ trợ đồng viên nhau trong thi đấu, từ đó tính tổ chức được đề cao. Trong trận đấu mỗi cầu thủ được phân công nhiệm vụ ở một vị trí nhất định đã giúp cầu thủ luôn có tinh thần trách nhiệm trước tập thể.

Mặt khác để giành được thắng lợi các cầu thủ phải có tinh thần khắc phục khó khăn, ý chí chiến đấu ngoan cường, dũng cảm. Tính chất đối kháng mãnh liệt của môn bóng đá, sự yêu cầu rất cao về thể lực trong thi đấu cũng như trong tập luyện đòi hỏi các cầu thủ phải nỗ lực ý chí cao, hơn nữa trong trường hợp khó khăn cầu thủ không được nóng vội mà phải bình tĩnh, kiên trì và sáng suốt đưa ra những lựa chọn ưu việt để giành lại chiến thắng.

1.5. Phong trào Bóng đá học đường tại các nước phát triển và tại địa phương. Phong trào Bóng đá học đường tại Anh Quốc.

Sự phát triển của Bóng đá hiện đại có thể được xem là gắn liền với sự phát triển của nền công nghiệp hóa và hiện đại hóa của nước Anh. Vào cuối những năm 1850 của thế kỷ 19, khi nền công nghiệp của Vương quốc Anh đã dần bước vào giai đoạn ổn định, người công nhân có nhiều thời gian hơn cho các hoạt động giải trí, thư giãn. Đặc biệt là sau khi Chính phủ Anh đưa ra quyết định người làm công được nghỉ thêm ngày thứ 7 trong tuần, thì thực sự nhu cầu dành thời gian cho các hoạt động giải trí càng được tăng cao. Bóng đá đã sớm trở thành một trong những môn thể thao thu hút sự quan tâm của mọi người.

Nếu như ở các cộng đồng dân cư, nhà thờ, công đoàn, trường học ủng hộ cho việc thành lập các đội bóng đại diện để tham gia thi đấu giao hữu với các đơn vị khác, thì hệ thống giao thông công cộng như tàu hỏa, xe buýt sẵn sàng hỗ trợ các đội bóng trong việc di chuyển từ địa điểm này đến địa điểm khác miễn phí,

hoặc chỉ thu một phần phí vận chuyển. Chính từ những hỗ trợ đấy mà số lượng người tham gia Bóng đá của Vương quốc Anh đã tăng lên nhanh chóng, từ 4.600 vào năm 1888 đến 7.900 vào năm 1895, và từ 13.200 năm 1905 lên 23.100 vào giai đoạn đầu của Thế chiến thứ I.

Phong trào Bóng đá học đường tại Trung Quốc.

Một điều sai lầm của các nhà quản lý thể thao Trung Quốc thời gian trước đây là không phát triển nền Bóng đá phong trào, nền Bóng đá quần chúng nên lực lượng kế cận phát triển Bóng đá chuyên nghiệp của Trung Quốc là không có. Căn cứ vào một báo cáo tổng kết của Liên đoàn Bóng đá quốc tế (FIFA), tỷ lệ cầu thủ trẻ và cầu thủ nghiệp dư của Trung Quốc chiếm tỷ lệ 1/1,834 tổng dân số. Trong khi đấy, con số này của Vương quốc Anh là 1/55 tổng dân số.

Một nhà nghiên cứu thể thao người Anh - ông Rowan Simons – người dành hàng chục năm nghiên cứu sự phát triển của nền Bóng đá Trung Quốc đã từng phát biểu rằng: “Trung Quốc định “nhân bản” rộng rãi mô hình phát triển Bóng đá chuyên nghiệp của các nước Châu Âu để áp dụng tại quốc gia mình, tuy nhiên họ không để ý rằng cả “một khối Bóng đá chuyên nghiệp Châu Âu” đều bắt nguồn từ phong trào Bóng đá nghiệp dư, Bóng đá đường phố, bóng đá học đường. Việc dựng lên một nền Bóng đá chuyên nghiệp mà không bắt đầu từ việc xây dựng nền Bóng đá nghiệp dư là điều không thể thực hiện. Điều này chẳng khác gì việc xây nhà mà không dựng móng”.

Và quả thật, Trung Quốc đã gặp khó khăn trong việc phát triển nền Bóng đá chuyên nghiệp do “không có nguồn nhân lực cần thiết”.

Nhận thức được vấn đề trên, Chính phủ Trung Quốc và Liên đoàn Bóng đá Trung Quốc đã có những thay đổi mới trong việc phát triển nền Bóng đá quốc gia. Đây là tập trung phát triển Bóng đá phong trào, từ đấy phát triển được một lực lượng kế cận cho nền Bóng đá quốc gia. Sau đấy lựa chọn ra những cá nhân xuất sắc, có tố chất tốt cả về kỹ năng lẫn ý thức, để đào tạo phát triển thành đội ngũ nòng cốt giúp phát triển nền Bóng đá chuyên nghiệp.

Chiến lược phát triển nền Bóng đá chuyên nghiệp của Trung Quốc được hình thành dựa trên 4 nhóm hoạt động chính, gồm: (1) Phát triển Bóng đá trường học; (2) Phát triển Bóng đá trẻ; (3) Phát triển mô hình các CLB Bóng đá chuyên nghiệp; (4) Phát triển mô hình Bóng đá chuyên nghiệp địa phương.

Vào năm 2009, Bộ Thể thao Trung Quốc, Bộ Giáo dục Trung Quốc và Liên đoàn Bóng đá quốc gia phối hợp cùng thực hiện Chương trình Phát triển Bóng đá học đường, với mục đích đề cao các giá trị tinh thần mà Bóng đá có thể mang lại, cũng như thu hút sự lưu tâm của các em học sinh với môn thể thao này.

Chương trình được triển khai với các hoạt động chính như: Tăng cường số tiết học về Bóng đá trong chương trình học; Tổ chức các buổi đá bóng giao hữu giữa các trường trong cùng địa bàn; Tìm kiếm, phát hiện và tuyển chọn cầu thủ ngay từ lứa tuổi thanh thiếu niên đưa về đào tạo tập trung tại các trung tâm huấn luyện quốc gia; Động viên các cầu thủ thanh thiếu niên bằng những phần thưởng có giá trị về tinh thần và vật chất...;

Có tổng cộng 46 tỉnh, thành, hơn 2000 trường học và hơn 2 triệu học sinh của Trung Quốc đã tham gia vào Chương trình này.

Liên đoàn Bóng đá Trung Quốc triển khai 3 mô hình để phát triển Bóng đá trẻ, gồm:

Phát triển, đào tạo các cầu thủ trẻ ngay tại các CLB Bóng đá chuyên nghiệp;

Phát triển và đào tạo các cầu thủ trẻ tại hệ thống các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, dưới sự giám sát và quản lý trực tiếp của Liên đoàn Bóng đá quốc gia và các ủy ban có liên quan;

Phát triển và đào tạo các cầu thủ trẻ dựa trên thành tích thi đấu tại các giải thể thao học đường.

Phát triển mô hình các CLB Bóng đá chuyên nghiệp: một vài CLB Bóng đá thế giới nhận thấy Trung Quốc hiện là quốc gia rất tiềm năng để CLB đẩy tìm kiếm, phát triển nhân lực, cũng như mở rộng tầm ảnh hưởng của Bóng đá và nhiều lý do khác đã quyết định ký những biên bản hợp tác với các CLB Bóng đá chuyên nghiệp của Trung Quốc. Ví dụ cho mô hình này là CLB Sheffied United mua lại

số lượng cổ phần chính, nắm quyền điều hành CLB Chengdu Five Bulls, đổi tên thành CLB Chengdu Blades vào mùa giải 2005-2006.

Phát triển mô hình Bóng đá chuyên nghiệp địa phương - Thành phố vệ tinh Bóng đá: là một chương trình nhỏ nằm trong Dự án “Tầm nhìn Châu Á” của Liên đoàn Bóng đá Châu Á (AFC) trực tiếp triển khai. Đây là dự án được triển khai từ năm 2002, với mục tiêu đầu tư phát triển Bóng đá dài hạn.

Hầu hết các hạng mục đầu tư của Dự án đều tập trung vào việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, sân bãi... phục vụ cho Bóng đá phong trào, Bóng đá học đường để thu hút được nhiều hơn sự quan tâm của cộng đồng đến môn thể thao này. Ngày nay, Ở các nước có nền Bóng đá chuyên nghiệp phát triển trên thế giới, ví dụ như Anh, Đức, Tây Ban Nha, Italy, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan đều rất coi trọng bóng đá phong trào, bóng đá trường học.

Phong trào Bóng đá học đường của Bắc Ninh.

Cùng với các môn thể thao khác như: Điền kinh, cầu lông, đá cầu, võ cổ truyền... bóng đá cũng được đưa vào trường học. Khác với các môn học khác môn bóng đá được các em học sinh hào hứng đón chào và hăng say tập luyện, sớm trở thành phong trào rộng rãi ở một số trường Tiểu học (14 trường), THCS (18 trường) trên địa bàn tỉnh và các trường THPT: Lương Tài, Quê Võ 1, Hàn Thuyên, Yên Phong 2, Nguyễn Văn Cừ, Chuyên Bắc Ninh...

Trong những năm qua, phong trào TDTT trường học được ngành giáo dục đặc biệt quan tâm, các giờ GDTC chính khóa cũng như ngoại khóa trong các trường phổ thông có nhiều chuyển biến tích cực: 100% các trường học trên địa bàn tỉnh tổ chức tốt việc dạy và học chính khóa môn GDTC, đội ngũ giáo viên GDTC từng bước được bổ sung, tỷ lệ giáo viên GDTC được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn về chuyên môn ngày càng được nâng lên. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, học tập và thi đấu TDTT được quan tâm đầu tư đáng kể, một số trường mới được xây dựng đã có nhà thi đấu đa năng. Bên cạnh đó, hoạt động ngoại khóa TDTT được các trường chú trọng. Hàng năm, các trường học đều tổ chức tốt hội khỏe phù đồng (HKPD) cấp cơ sở để tuyển chọn lực lượng

vận động viên tham dự HKPD cấp huyện, thị và cấp tỉnh. HKPD cấp tỉnh là cơ sở để lựa chọn lực lượng tham gia HKPD toàn quốc và tuyển chọn vận động viên tài năng nhằm đào tạo thành những vận động viên đỉnh cao cho thể thao tỉnh nhà và quốc gia. Bên cạnh đó nhiều trường học chưa quan tâm và đầu tư đúng mức cho các hoạt động TDTT trong trường học, chưa tổ chức được các lớp năng khiếu TDTT trong nhà trường. Kinh phí đầu tư cho hoạt động thể thao trong trường học hiện nay là còn quá thấp so với yêu cầu. Tuy nhiên, hoạt động Bóng đá chất lượng chuyên môn cũng chỉ dừng ở mức phong trào, chưa có thành tích cao, chỉ một vài câu lạc bộ cơ sở có tổ chức hoạt động chặt chẽ, thường xuyên, còn chủ yếu là các tổ, nhóm tự phát hoạt động.

Trong thực tế qua khảo sát tại các trường thì hiện nay phần lớn các trường có điều kiện sân bãi dụng cụ phục vụ tốt cho Bóng đá thì các trường đều chọn môn này vì nó sẽ có nhiều học sinh được tham gia và môn này là môn dễ tổ chức tập luyện cho học sinh.

Bóng đá học đường là sân chơi giúp các em học sinh được vui đùa thỏa thích, tăng cường sức khỏe và giao lưu với nhau sau những giờ học văn hóa. Số lượng học sinh yêu bóng đá rất hùng hậu. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa ngành giáo dục và đào tạo với văn hóa, thể thao, du lịch Bắc Ninh mới chỉ tập trung vào lĩnh vực giáo dục thể chất và Hội khỏe Phù Đổng tổ chức theo định kỳ; tổ chức giải Bóng đá học sinh cấp tỉnh thường niên; phổ biến tình trạng giáo viên, hướng dẫn viên kiêm nhiệm; cơ sở vật chất tập luyện của nhà trường còn thiếu thốn, chưa được chú trọng... Từ thực tế đó, đã làm ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động tập luyện, thi đấu cũng như rèn luyện sức khỏe của học sinh.

Do vậy cần phát triển Bóng đá học đường, đưa môn bóng đá vào trường học dưới hình thức sinh hoạt ngoại khóa, phát triển số lượng các câu lạc bộ bóng đá nghiệp dư trong trường học,... tạo sân chơi bổ ích cho các em.

1.6. Các công trình nghiên cứu có liên quan.

1.6.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.

Các công trình nghiên cứu về giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao nói chung, phát triển phong trào bóng đá nói riêng trong trường học.

Nghiên cứu về giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao đã có nhiều công trình, tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Có thể kể đến các công trình, sách của các tác giả như: Phát triển thể chất qua tập luyện bóng đá của Goolvan, Gerven và Boutmans (1983) [30]; Lý luận và phương pháp GDTC của Novicov và Matveev (1980) [29]; Philin V.P (1996) [32] về Lý luận và phương pháp thể thao trẻ; Quản lý đào tạo VĐV trẻ của Nabatnhicova (1985) [26]. Một số tác giả như Zintl [57], Shephard và Astrand [76], Thomas [77] đã đi sâu nghiên cứu về phát triển phong trào huấn luyện bóng đá cho trẻ em, huấn luyện bóng đá học đường.

Trên thế giới, nghiên cứu về phát triển bóng đá được nhiều nhà khoa học quan tâm, trong đó phải kể đến Dobson, S và Goddard, J nghiên cứu về “The Economics of Football” (2001). Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã phân tích sức mạnh tài chính giữa các câu lạc bộ bóng đá ảnh hưởng đến kết quả cạnh tranh; mô hình nhu cầu khán giả tham dự; cá cược vào bóng đá và thị trường cổ phiếu trong bóng đá các câu lạc bộ Anh.

Theo Robert M. Malina, Joey C. Eisenmann Sean P. Cumming, Basil Ribeiro, Joao Aroso, (Maturity-associated variation in the growth and functional capacities of youth football (soccer) players 13-15 years -2003) nhóm tác giả đã nghiên cứu bóng đá ảnh hưởng tới học sinh lứa tuổi trung học cơ sở và các môn thể thao khác cùng lứa tuổi có sự thay đổi đáng kể về cơ thể, thành phần và năng lực chuyên môn (sức nhanh, sức mạnh và khéo léo) của các VĐV bóng đá.

Tại một diễn đàn về đào tạo Bóng đá cho trẻ em trên toàn thế giới, họ đưa ra nhiều nghiên cứu về bóng đá phát triển trong hệ thống các trường học.

Để phát triển được phong trào tập luyện môn bóng đá thì cần thiết phải đưa môn bóng đá vào trong trường học các cấp: Trường học chính là nơi phát hiện và phát triển những nhân tài cho đất nước.

Năm 2007, qua “Loạt thông tin của Tổ chức y tế thế giới về sức khỏe học đường”. Tài liệu này đã hướng đến hai vấn đề chính yếu: Thứ nhất, xác định tầm quan trọng của hoạt động thể chất đối với trẻ em và thanh thiếu niên ngày nay - phát triển tính linh hoạt, độ bền, sức mạnh và sự phối hợp cũng như kỹ năng vận động; Thứ hai, nó minh họa cách mà các trường học cùng với gia đình và cộng đồng có thể hỗ trợ cho học sinh, sinh viên được hoạt động theo nhiều phương thức để phát triển kỹ năng và sự ham thích mà qua đó sẽ giúp họ vận động cơ thể trong suốt cuộc đời. [84].

Năm 2008, trong chuyên mục nghiên cứu “Sức khỏe và sự phát triển thể chất thông qua hoạt động TDDT”, WHO đưa ra kết luận: Với nhiều lợi ích về nhiều mặt của hoạt động thể chất cùng với các hậu quả phải trả cho việc kém hoạt động, đã đến lúc chính phủ, cơ quan chức năng các nước phải hành động khẩn cấp để đưa việc đẩy mạnh hoạt động thể chất vào trong các chính sách, chiến lược phát triển y tế, xã hội và các chương trình mang tính toàn cầu. Ngoài ra, thành tựu đạt được ở cấp độ cao hơn của hoạt động thể chất trong cộng đồng là gián tiếp góp phần đến lợi nhuận trong các lĩnh vực quan trọng khác để phát triển con người và tiên bộ kinh tế. [85] Đây là công trình nghiên cứu khẳng định vai trò, tác dụng của TDDT trong việc phát triển thể chất của học sinh.

Cũng trong năm 2008 tác giả Amy M.tenhouse trong đề tài nghiên cứu “Các hoạt động ngoại khóa trong các trường Đại học - Tác động tới sinh viên” đã đưa ra các loại hình hoạt động ngoại khóa trong đó có môn Bóng đá. Thông qua tham gia các hoạt động ngoại khóa, sinh viên thường tương tác với các bạn cùng đam mê, sở thích, đưa hội nhập xã hội vào môi trường đại học.

Năm 2009, với đề tài “Sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động thể thao” của tác giả DonJ.Webber và Andrew mearman ở đại học West of England đã đi đến kết luận: Các trường đại học nên có nhiều chính sách để khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động TDDT. Các chính sách này bao gồm việc tổ chức nhiều hơn các hoạt động thể thao và cố gắng thay đổi nhận thức của sinh viên về

hoạt động thể thao, đặc biệt nên tập chung vào các môn thể thao mang tính xã hội, tranh đua và tổ chức chặt chẽ như bóng đá.

Năm 2005, trong công trình nghiên cứu “Ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đối với thành tích học tập học sinh trung học”, Kimiko Fujita đi đến kết luận: Sự tham gia vào các hoạt động ngoại khóa đặc biệt là tham gia các môn thể thao mang tính chất tập thể như các môn bóng có tác động tích cực đến thành tích học tập giữa các mẫu học sinh trung học tại Walnut Creek Christian Academy. Tham gia vào thể thao, xem truyền hình, và hoạt động xã hội cải thiện thành tích học tập, trong khi tham gia biểu diễn âm nhạc không cải thiện thành tích học tập giữa các đối tượng này. Công trình nghiên cứu đã khẳng định tầm quan trọng của việc tập luyện thể thao ngoại khóa bằng các môn tập thể tác động tích cực tới kết quả học tập của học sinh.

Tóm lại các hoạt động mang tính chất phát triển phong trào thể thao nói chung, bóng đá nói riêng và các hoạt động thể thao ngoại khóa luôn được các nhà khoa học cũng như các nhà hoạt động xã hội trên thế giới đặc biệt quan tâm.

1.6.2. Tình hình nghiên cứu trong nước.

Các công trình nghiên cứu về phát triển thể chất, thể thao ngoại khóa, phong trào bóng đá cho học sinh trong trường học các cấp:

Năm 2007, trong công trình nghiên cứu về “Thể thao trường học ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới”, tác giả Dương Nghiệp Chí [28] đã điểu qua các kế hoạch, chương trình phát triển TDTT trường học ở các nước trên thế giới như: Nhật, Mỹ, Canada, Úc, Anh, Hà Lan, Đức, Trung Quốc... và sau cùng là thực trạng chung GDTC ở Việt Nam. Tác giả đã đánh giá: Chất lượng GDTC ở nước ta nói chung (giảng dạy nội khóa và hoạt động ngoại khóa) còn thấp do những nguyên nhân hạn chế về tổ chức, giáo viên và CSVC. Về hoạt động Thể thao ngoại khóa, tác giả nhận định: Đây là hình thức giáo dục quan trọng góp phần nâng cao chất lượng GDTC. Tuy nhiên, việc thực hiện trong nhà trường còn chưa thật sự nề nếp, còn tùy tiện, mục đích và yêu cầu giáo dục còn chưa được đề cao.

Năm 2016, tác giả Đồng Hương Lan [47] đã hoàn thành luận án tiến sĩ: “Nghiên cứu phát triển thể chất của học sinh THPT chuyên các tỉnh Bắc Miền Trung”. Kết quả nghiên cứu của luận án đã đánh giá được thực trạng công tác GDTC, năng lực thể chất của học sinh THPT chuyên khu vực Bắc miền Trung. Trên cơ sở đó, xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sự phát triển thể chất của đối tượng nghiên cứu; lựa chọn và xây dựng được 08 giải pháp phát triển thể chất, đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho các nhà quản lý, các nhà chuyên môn, các học sinh trong việc tổ chức các hoạt động tập luyện TDTT cho học sinh tại nhà trường nhằm phát triển thể chất của học sinh, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDTC trong điều kiện thực tiễn hiện nay.

Năm 2017, tác giả Lê Đông Dương cũng đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ: Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh các trường tiểu học tỉnh Thanh Hóa. Thông qua cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng công tác GDTC cho học sinh tiểu học tỉnh Thanh Hóa từ đó lựa chọn được 12 giải pháp thuộc 3 nhóm nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh như mục tiêu phát triển GDTC của Đảng và nhà nước.

Năm 2000, tác giả Nguyễn Găng [37] trong đề tài: “Nghiên cứu hiệu quả của hoạt động ngoại khóa theo loại hình CLB TDTT hoàn thiện đối với sự phát triển thể chất các trường đại học Thành phố Huế” đã tiến hành thực nghiệm trên 3 nhóm SV (nam, nữ): nhóm thực nghiệm 1 (tập luyện ngoại khóa theo hình thức CLB TDTT đơn thuần), nhóm thực nghiệm 2 (tập luyện năng khiếu theo hình thức CLB TDTT hoàn thiện), nhóm đối chứng (tập luyện năng khiếu theo hình thức tự phát) và đã đưa ra kết luận: Hình thức tập luyện năng khiếu trong các CLB TDTT hoàn thiện cho hiệu quả cao nhất đối với sự phát triển thể chất của sinh viên...

Năm 2014, tác giả Võ Văn Vũ [80] đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ: “Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường Trung học phổ thông ở Đà Nẵng”. Kết quả nghiên cứu luận án đã lựa chọn được 05 giải pháp ưu tiên nâng cao hiệu quả GDTC và hoạt động thể thao ở trường THPT ở Đà Nẵng.

Cũng trong năm 2014, tác giả Mai Thị Thu Hà [39] cũng đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ của mình với tên: “Nghiên cứu hiệu quả tập luyện và thi đấu thể dục Aerobic trong hoạt động ngoại khóa đối với học sinh tiểu học”. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả đã xác định được nội dung tập luyện ngoại khóa môn Aerobic cho học sinh tiểu học, gồm 14 bài tập từ cơ bản đến nâng cao và bài tập thi đấu. Sau 8 tháng áp dụng chương trình ngoại khóa thể dục Aerobic đã khẳng định được tính hiệu quả tác động của bài tập đến sự phát triển thể chất học sinh tiểu học 8 - 10 tuổi.

Cũng trong năm 2014, tác giả Trần Hữu Hùng [44] cũng đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ: “Nghiên cứu cải tiến hình thức và nội dung tập luyện TDTT cho học sinh THCS khu vực cao nguyên Gia Lai - Kon Tum”. Kết quả nghiên cứu của luận án đã cải tiến được nội dung và hình thức tập luyện TDTT cho học sinh khối trường THCS tại khu vực cao nguyên Gia Lai - Kon Tum, một địa điểm ít được quan tâm nghiên cứu.

Năm 2016, tác giả Nguyễn Đức Thụy [72] đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp cơ sở với đề tài: “Một số giải pháp phát triển môn thể thao dân tộc cho sinh viên các Trường đại học cao đẳng Miền núi phía Bắc”. Kết quả nghiên cứu luận án đã đánh giá được thực trạng hoạt động và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các môn thể thao dân tộc của sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực miền núi phía Bắc; đồng thời đề xuất được 8 giải pháp phát triển các môn thể thao dân tộc cho đối tượng nghiên cứu.

Năm 2018, tác giả Lê Thị Thanh Thủy [41] đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp cơ sở với đề tài: “Nghiên cứu giải pháp phát triển thể lực cho học sinh Trung học cơ sở Tỉnh Bắc Ninh”. Kết quả nghiên cứu luận án đã lựa chọn được 12 giải pháp phát triển thể lực cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thuộc 3 nhóm giải pháp và xây dựng chi tiết nội dung các giải pháp phát triển thể lực cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Mỗi giải pháp đều được làm rõ về mục đích, nội dung, cách thực hiện, đơn vị phối hợp và phương pháp kiểm tra, đánh giá hiệu quả giải pháp.

Nghiên cứu về phát triển môn bóng đá phong trào:

Tác giả Hoàng Văn Thụ năm 2009 đã hoàn thành luận án tiến sĩ: “Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa để phát triển bóng đá đối với trẻ em 3-10 tuổi của Nghệ An”. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả đã xây dựng được 5 giải pháp đó là: Mở rộng tuyên truyền và quản lý điều hành; mở rộng hình thức huy động nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất TDTT; Đa dạng hóa loại hình bồi dưỡng nghiệp vụ cho huấn luyện viên, giáo viên, hướng dẫn viên bóng đá trẻ em; Đa dạng hóa loại hình tập luyện bóng đá của trẻ em; Đa dạng hóa loại hình tổ chức thi đấu bóng đá cho trẻ em. Các giải pháp đã đem lại hiệu quả tích cực, huy động nguồn lực lớn từ xã hội và nhân dân để đưa bóng đá đến với 2.150 trẻ em mẫu giáo và đưa tập luyện thi đấu bóng đá đến với 37.000 học sinh tiểu học của tỉnh Nghệ An.

Tác giả Lê Bích Hạnh (2009), qua quá trình nghiên cứu đã điều tra được thực trạng về con người, giải đấu, đất đai, cơ sở vật chất, tài chính, công tác chỉ đạo... là những tiềm năng có sẵn nhưng chưa được khai thác triệt để để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của tỉnh Hưng Yên. [17]

Tác giả Nguyễn Văn Linh (2018), qua nghiên cứu đề tài đã tìm hiểu thực trạng cũng như giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS của thị xã Từ Sơn. Tác giả đã đưa ra được 5 giải pháp. [22]

Qua các nghiên cứu trên cho thấy các tác giả đã có những góc nhìn toàn diện đối với thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện, tài chính và đánh giá được phần nào về sự quan tâm của các cấp Ủy Đảng, chính quyền đối với công tác phát triển môn bóng đá phong trào nói chung và bóng đá học đường nói riêng. Qua đó chúng tôi cũng thấy rằng chính nhờ sự tiếp xúc sớm với bóng đá mà các bạn trẻ thấy được sự hấp dẫn và lợi ích của môn thể thao này mang lại, từ đó đã góp phần tạo ra phong trào sôi nổi như hiện nay.

Nhận xét chương 1.

1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về GDTC thể hiện sự nhất quán coi trọng và đầu tư cho việc nâng cao chất lượng công tác GDTC trong trường học các cấp, tạo hành lang pháp lý để hoạt động GDTC trong trường học các cấp diễn

ra mạnh mẽ và thu được hiệu quả cao. Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 đã dành riêng một phần quan trọng cho GDTC và hoạt động thể thao trường học. [66]. Trong đó đã nêu ra các chỉ tiêu đến năm 2020 có 100% số trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình GDTC nội khóa, 45% số trường phổ thông có CLB TDTT, có CSVC đủ phục vụ cho hoạt động TDTT, có đủ GV và hướng dẫn viên TDTT, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa, 75% số HS được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

2. Học sinh THCS hoạt động thể lực giúp khả năng hấp thụ Oxy tối đa (VO_{2max}) của các em thấp hơn của người lớn song vẫn cao hơn các em cùng lứa tuổi không tập luyện TDTT [42], [60]. Ở lứa tuổi này khả năng quan sát phát triển, trở thành thuộc tính ổn định của cá nhân. Tuy nhiên tri giác của các em còn một số hạn chế: Thiếu kiên trì, còn vội vàng, hấp tấp trong tri giác, tính tổ chức, tính hệ thống trong tri giác còn yếu. Vì vậy giáo viên cần rèn luyện cho các em kỹ năng quan sát qua các giờ giảng lý thuyết, các giờ thực hành, hoạt động ngoài giờ lên lớp mà đặc biệt ở đây là các hoạt động giờ thực hành thể dục thể thao. Ở lứa tuổi này nếu các em có định hướng và tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên sẽ giúp các em không những phát triển thể chất mà còn nâng cao thành tích học tập.

3. Bóng đá học đường là nền tảng để kích thích đam mê chơi bóng của trẻ em. Ở đó, các em được vui chơi, nâng cao sức khỏe và tìm thấy niềm vui với trái bóng cũng như bộc lộ năng khiếu. Từ đó, tự bản thân các em có năng khiếu sẽ đưa ra sự chọn lựa tiếp theo cho mình là gia nhập các lò đào tạo hay đơn giản vẫn là chơi bóng cho vui. Hiểu theo cách khác, phát triển bóng đá học đường không chỉ giúp học sinh tăng cường sức khỏe, hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, mà còn tạo nguồn tuyển chọn tài năng bóng đá cho từng địa phương. Bóng đá học đường còn là sân chơi giúp các em học sinh được vui đùa thỏa thích, tăng cường sức khỏe và giao lưu với nhau sau những giờ học văn hóa. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa ngành giáo dục và đào tạo với văn hóa, thể thao, du lịch Bắc Ninh mới chỉ tập trung vào lĩnh vực giáo dục thể chất và Hội khỏe Phù

Đồng tổ chức theo định kỳ; tổ chức giải Bóng đá học sinh cấp tỉnh thường niên; phổ biến tình trạng giáo viên, hướng dẫn viên kiêm nhiệm; cơ sở vật chất tập luyện của nhà trường còn thiếu thốn, chưa được chú trọng... Từ thực tế đó, đã làm ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động tập luyện, thi đấu cũng như rèn luyện sức khỏe của học sinh.

Do vậy, cần phát triển Bóng đá học đường, đưa môn bóng đá vào trường học dưới hình thức sinh hoạt ngoại khóa, phát triển số lượng các câu lạc bộ bóng đá nghiệp dư trong trường học để tạo sân chơi bổ ích cho các em.

Hiệu quả của Bóng đá học đường là không thể phủ nhận, nhưng nó giống như việc ươm mầm, trồng cây, sự phát triển đòi hỏi cả một quá trình và sự ủng hộ của các cấp, các ngành liên quan, sự quan tâm của cả cộng đồng, sự chung tay góp sức của cha mẹ học sinh... để Bóng đá học đường thực sự trở thành một phong trào rèn luyện sức khỏe, hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao trong học sinh phổ thông. Đó là mục tiêu luận án hướng tới. Trên đây là những căn cứ lý luận cần thiết để tiến hành các bước nghiên cứu tiếp theo của luận án.

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Phương pháp này giúp cho việc hệ thống hoá các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hình thành cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu, đề xuất giả thuyết khoa học, xác định mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu. Luận án đã tiến hành tìm kiếm, thu thập các tài liệu về các vấn đề liên quan tới lĩnh vực nghiên cứu như: Giáo trình thể thao trường học, giáo trình sinh lý, tâm lý lứa tuổi, sách về bóng đá trong trường học, các bài báo khoa học có những công trình nghiên cứu liên quan tới phát triển phong trào TDTT quần chúng nói chung và phong trào bóng đá nói riêng. Trong quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài sử dụng 92 tài liệu tham khảo, gồm các tài liệu về văn bản chính sách quy phạm pháp luật về TDTT nói chung và bóng đá nói riêng; các tài liệu về sách, giáo trình chuyên khảo về giảng dạy, huấn luyện môn bóng đá; các công trình nghiên cứu khoa học về bóng đá và tham khảo một số website của các tổ chức quản lý, đào tạo bóng đá trẻ và đề án phát triển bóng đá của tỉnh Bắc Ninh, đề án cấp Bộ...

Thông qua phân tích, tổng hợp tài liệu, nghiên cứu thực trạng, luận án đã xác định được những căn cứ khoa học và thực tiễn để phát triển phong trào bóng đá trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra, bằng phương pháp này luận án đã xác định được thực trạng và phạm vi nghiên cứu của các công trình nghiên cứu liên quan, qua đó làm nổi bật được tính mới và cấp thiết lĩnh vực mà luận án nghiên cứu.

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn

Được sử dụng nhằm thu thập các thông tin giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu luận án. Quá trình nghiên cứu luận án sử dụng cả phương pháp phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn gián tiếp.

Phỏng vấn trực tiếp được sử dụng trong nghiên cứu các nội dung cụ thể sau:

Đánh giá thực trạng CSVN phục vụ công tác GDTC.

Đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên, chương trình GDTC, hình thức tổ chức giờ học thể dục nội khóa.

Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS Tỉnh Bắc Ninh.

Xác định giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS Tỉnh Bắc Ninh.

Đánh giá mức độ hứng thú đối với môn bóng đá cho học sinh THCS Tỉnh Bắc Ninh.

Phòng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi được sử dụng trong thu thập thông tin và nghiên cứu các nội dung liên quan.

Phương pháp phỏng vấn: được tiến hành và đánh giá bằng thang độ Likert 5 mức tương ứng:

Rất hiệu quả/Rất tốt/Rất ảnh hưởng: 5 điểm.

Hiệu quả/Tốt/Ảnh hưởng: 4 điểm.

Bình thường/Trung bình: 3 điểm.

Không hiệu quả/Không tốt/Không ảnh hưởng: 2 điểm.

Rất không hiệu quả/Rất không tốt/Rất không ảnh hưởng: 1 điểm.

Tương ứng phân loại theo số điểm đạt được:

Rất không hiệu quả/Rất không tốt/Rất ảnh hưởng: 1.00 -1.80 điểm.

Không hiệu quả/Không tốt/Không ảnh hưởng: 1.81 - 2.60 điểm.

Bình thường/Trung bình: 2.61 - 3.40 điểm.

Hiệu quả/Tốt/Ảnh hưởng: 3.41 - 4.20 điểm.

Rất hiệu quả/Rất tốt/Rất ảnh hưởng: 4.21 - 5.00 điểm.

Phòng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi được sử dụng trong thu thập thông tin và nghiên cứu các nội dung:

Phòng vấn 35 cán bộ giáo viên, trong đó có 26 giáo viên thể dục có thời gian giảng dạy từ 10 năm trở lên tại các trường THCS tỉnh Bắc Ninh và 9 chuyên gia GDTC tại Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh và các trường đại học có đào tạo chuyên ngành GDTC để xác định các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển thể lực cho học sinh;

Phòng vấn 1418 học sinh, 120 phụ huynh 30 giáo viên thể dục 30 giáo viên các môn học khác và 15 cán bộ quản lý thuộc 15 trường THCS tỉnh Bắc Ninh

trong đánh giá nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh về nhận thức, vai trò và tác dụng của tập luyện TDTT với việc phát triển thể lực; mức độ yêu thích và tính tích cực học tập môn học GDTC của học sinh;

Khảo sát 1.418 học sinh (trong đó có 733 nam và 685 nữ) thuộc 15 trường THCS tỉnh Bắc Ninh về thực trạng mức độ và nội dung tập luyện thể thao ngoại khóa; động cơ, nhu cầu hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh;

Phòng vấn được tiến hành bằng phiếu hỏi với 35 cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu), giáo viên tại 06 trường thuộc nhóm đối tượng phỏng vấn để kiểm nghiệm tính hiệu quả của các giải pháp lựa chọn của đề tài.

2.1.3. Phương pháp điều tra xã hội học

Sử dụng phương pháp này để điều tra thực trạng phong trào tập luyện môn bóng đá tại các trường THCS của tỉnh về:

Số lượng giải đấu hàng năm.

Số lượng người tham gia tập luyện.

Số lượng các câu lạc bộ bóng đá trong tỉnh.

Đội ngũ cán bộ TDTT của tỉnh, thực trạng CSVC cho môn bóng đá, về các giờ thể dục nội khóa có giáo viên lên lớp và về giờ ngoại khóa tự quản ngoài giờ học của học sinh các lớp trong mỗi trường, thực trạng công tác tổ chức thi đấu môn bóng đá. Kết quả được ghi chép cụ thể, rồi đối chiếu với các phiếu hỏi và các báo cáo tổng kết hàng năm của các phòng GD&ĐT để tìm ra câu trả lời cho các nội dung nghiên cứu.

Thông qua đó đánh giá được thực trạng để làm cơ sở lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh.

2.1.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Được sử dụng trong quá trình đánh giá trình độ thể lực của học sinh các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong quá trình đánh giá thực trạng trình độ thể lực của học sinh; theo dõi thể lực trước thực nghiệm và sau thực nghiệm. Trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng 04 test đánh giá trình độ thể lực được quy định theo quyết định Số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc phân loại trình độ thể lực của học sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo sử dụng các tiêu chí: Bật xa tại chỗ (cm) (đánh giá sức mạnh bật phát cơ chân), Chạy 30m xuất phát cao (s) (đánh giá sức nhanh), Chạy con thoi 1x400m (s) (đánh giá khả năng phối hợp vận động) và chạy tùy sức 5 phút (m) (đánh giá sức bền chung).

Đánh giá trình độ thể lực của học sinh theo từng tiêu chí sử dụng 4 test đánh giá theo quyết định Số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể các test được sử dụng gồm:

Test 1. Bật xa tại chỗ (cm).

1. Yêu cầu dụng cụ: Thảm cao su giảm chấn, kích thước 1 x 3 m (nếu không có thảm có thể thực hiện trên nền đất, cát mềm). Đặt một thước đo dài làm bằng thanh hợp kim hoặc bằng gỗ kích thước 3 x 0,3m trên mặt phẳng nằm ngang và ghim chặt xuống thảm (nền đất, cát mềm), tránh xô dịch trong quá trình kiểm tra.

2. Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra đứng hai chân mở rộng tự nhiên, ngón chân đặt sát mép vạch giới hạn; khi bật nhảy và khi tiếp đất, hai chân tiến hành cùng lúc. Thực hiện hai lần nhảy.

3. Cách tính thành tích: Kết quả đo được tính bằng độ dài từ vạch xuất phát đến vệt cuối cùng của gót bàn chân (vạch dấu chân trên thảm). Lấy kết quả lần cao nhất. Đơn vị tính là cm.

Test 2. Chạy 30m xuất phát cao (s).

1. Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đồng hồ bấm giây; đường chạy thẳng có chiều dài ít nhất 40m, chiều rộng ít nhất 2m. Kẻ vạch xuất phát và vạch đích, đặt cọc tiêu bằng nhựa hoặc bằng cờ hiệu ở hai đầu đường chạy. Sau đích có khoảng trống ít nhất 10m để giảm tốc độ sau khi về đích.

2. Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao. Thực hiện một lần

3. Cách tính thành tích: Thành tích chạy được xác định là giây và số lẻ từng 1/100giây.

Test 3. Chạy con thoi 4 x 10m (s).

1. Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đường chạy có kích thước 10 x 1,2m bằng phẳng, không trơn, bốn góc có vật chuẩn để quay đầu, hai đầu đường chạy có

khoảng trống ít nhất là 2m. Dụng cụ gồm đồng hồ bấm giây, thước đo dài, bốn vật chuẩn đánh dấu bốn góc đường chạy.

2. Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao. Khi chạy đến vạch 10m, chỉ cần một chân chạm vạch, nhanh chóng quay 180 độ chạy trở về vạch xuất phát và sau khi chân lại chạm vạch xuất phát thì lại quay trở lại. Thực hiện lặp lại cho đến hết quãng đường, tổng số bốn lần 10m với ba lần quay. Quay theo chiều trái hay phải là do thói quen của từng người. Thực hiện một lần.

3. Cách tính thành tích: Thành tích chạy được xác định là giây và số lẻ từng 1/100 giây.

Test 4. Chạy tụt sức 5 phút (m).

1. Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đường chạy dài ít nhất 52m, rộng ít nhất 2m, hai đầu kẻ hai đường giới hạn, phía ngoài hai đầu giới hạn có khoảng trống ít nhất 1m để chạy quay vòng. Giữa hai đầu đường chạy (tim đường) đặt vật chuẩn để quay vòng. Trên đoạn 50m đánh dấu từng đoạn 5m để xác định phần lẻ quãng đường ($\pm 5m$) sau khi hết thời gian chạy. Thiết bị đo gồm có đồng hồ bấm dây, số đeo và tích - kê ghi số ứng với mỗi số đeo.

2. Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao (tay cầm một tích – kê tương ứng với số đeo ở ngực). Khi chạy hết đoạn đường 50m, vòng (bên trái) qua vật chuẩn và chạy lặp lại trong thời gian 5 phút. Khi hết giờ, người được kiểm tra lập tức thả tích - kê của mình xuống ngay nơi chân tiếp đất. Thực hiện một lần.

3. Cách tính thành tích: đơn vị đo quãng đường chạy được là mét.

2.1.5. Phương pháp ISM- MICMAC

Phương pháp ISM là một công cụ cho phép phát hiện mối quan hệ và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các trình điều khiển của hệ thống được nghiên cứu (Warfield, 1973). Quy trình thực hiện ISM gồm 6 bước cơ bản để so sánh các cặp nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Bản câu hỏi được thiết kế để thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, chuyên gia về mối quan hệ giữa từng nhân tố với các nhân tố còn lại. Mối quan hệ giữa nhân tố i và nhân tố j được thể hiện trong ma trận tương tác cấu trúc như sau: V: Nhân

tổ i sẽ giúp đạt được/ dẫn đến nhân tố j ; A: Nhân tố j sẽ giúp đạt được/ dẫn đến nhân tố i ; X: Nhân tố i và j liên quan lẫn nhau; O: Nhân tố i và j không liên quan đến nhau. Từ đó xây dựng ma trận tiếp cận ban đầu, ma trận quan hệ so sánh cặp đầy đủ, ma trận tiếp cận cuối cùng, phân cấp các nhân tố và mối quan hệ cấp bậc trong mô hình ISM.

Phương pháp MICMAC: Sử dụng các kết quả từ phương pháp ISM, sau đó phân chia các nhân tố vào các cụm theo phương pháp nhân ma trận tác động chéo áp dụng cho phân loại (MICMAC). Trong đó, tổng các giá trị theo hàng được gọi là mức độ định hướng/độc lập (Driving Power-DrP) và tổng các giá trị theo cột được gọi là mức độ phụ thuộc (Dependent Power-DP). Các nhân tố được chia thành 4 cụm: Cụm tự trị gồm các nhân tố có DP và DrP thấp; Cụm phụ thuộc gồm các nhân tố có DP cao và DrP thấp; Cụm liên kết gồm các nhân tố có DP và DrP cao; Cụm độc lập/định hướng gồm các nhân tố có DP thấp và DrP cao.

Phương pháp tổng hợp thông tin: Từ mô hình phân cấp ISM và phân loại các đặc điểm thành 4 vùng theo phương pháp MICMAC để tìm ra các đặc điểm chung của sự độc lập đối với các nhân tố ảnh hưởng được quan tâm đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

2.1.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Sử dụng trong quá trình ứng dụng các giải pháp đã xây dựng của luận án trong việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Phương pháp thực nghiệm: Luận án sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh song song, so sánh tự đối chiếu.

Đối tượng thực nghiệm: Thực nghiệm được tiến hành trên 1.864 học sinh thuộc 15 trường THCS tỉnh Bắc Ninh, trong đó:

Nhóm thực nghiệm: Gồm 563 học sinh thuộc 6 trường THCS tỉnh Bắc Ninh gồm: Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo, Thành phố Bắc Ninh, Trường THCS Thành phố Từ Sơn đại diện cho các trường thuộc khối trường trọng điểm; Trường THCS Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh và Trường THCS Đình Bảng, Thành phố

Từ Sơn đại diện cho các trường thuộc khối thành thị; Trường THCS Phương Liễu, Huyện Quế Võ và Trường THCS Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du đại diện cho các trường thuộc khối trường nông thôn. Thực nghiệm ứng dụng các giải pháp lựa chọn của luận án được tiến hành trên các học sinh nam và nữ, kiểm tra theo dõi sự phát triển thể lực của học sinh trên mỗi trường 8 lớp học, trong đó có 2 lớp 6, 2 lớp 7, 2 lớp 8 và 2 lớp 9. Việc lựa chọn các lớp được tiến hành thông qua bốc thăm ngẫu nhiên thời điểm trước thực nghiệm. Nhóm đối chứng 2: Gồm 578 học sinh, nhóm đối chứng 1 gồm 480 học sinh thuộc 6 trường THCS tỉnh Bắc Ninh gồm: Trường THCS Từ Sơn, Thành phố Từ Sơn đại diện cho các trường thuộc khối trường trọng điểm; Trường THCS Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Trường THCS Châu Khê, Thành phố Từ Sơn đại diện cho các trường thuộc khối thành thị; Trường THCS Vũ Kiệt, Huyện Thuận Thành và Trường THCS thị trấn Thứa, Huyện Lương Tài đại diện cho các trường thuộc khối trường nông thôn. Kiểm tra theo dõi sự phát triển thể lực của học sinh nhóm đối chứng được tiến hành tại 8 lớp học mỗi trường, trong đó có 2 lớp 6, 2 lớp 7, 2 lớp 8 và 2 lớp 9. Việc lựa chọn các lớp được tiến hành thông qua bốc thăm ngẫu nhiên thời điểm trước thực nghiệm.

2.1.7. Phương pháp toán thống kê

Phương pháp toán thống kê được sử dụng trong việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của luận án. Các tham số đặc trưng mà quá trình nghiên cứu quan tâm là: \bar{x} , t , δ , χ^2 , C_v được tính theo các công thức sau:

1. Số trung bình cộng:

$$\bar{x} = \frac{\sum x_i}{n}$$

2. Phương sai:

$$\delta^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n} \quad (n > 30)$$

3. Độ lệch chuẩn:

$$\delta = \sqrt{\delta^2}$$

4. Hệ số biến sai:

$$C_V = \frac{\delta_x}{\bar{x}} \times 100\%$$

5. Công thức so sánh 2 số trung bình quan sát:

$$t = \frac{\bar{x}_A - \bar{x}_B}{\sqrt{\frac{\delta^2_A}{n_A} + \frac{\delta^2_B}{n_B}}} \quad (n \geq 30)$$

6. Tính khi bình phương (χ^2):

$$\chi^2 = \sum \frac{(Q_i - L_i)^2}{L_i}$$

Trong đó: Qi: Tần số quan sát.

Li: Tần số lý thuyết.

7. Tính nhịp độ tăng trưởng (W%) theo công thức của S.Brody (1927).

$$W = \frac{100 \times (V_2 - V_1)}{0,5 \times (V_1 + V_2)}$$

8. Kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

$$\alpha = \frac{K}{K - 1} \left(1 - \frac{\sum_{i=1}^K \sigma_{Y_i}^2}{\sigma_X^2} \right)$$

Trong đó:

α : Hệ số Cronbach Alpha.

K: số biến số.

Xích ma bình phương chính là Phương sai.

Y là biến thành phần.

X là biến tổng.

9. Phân tích nhân tố khám phá EFA [86], [87]

Bước 1 - Xác định các biến đo lường;

Bước 2 - Xác định ma trận tương quan R.

$$r_{xy} = \text{Cor}(X, Y) = \frac{\sum_{i=1}^n (X_i - \bar{X})(Y_i - \bar{Y}_i)}{\sqrt{\left[\sum_{i=1}^n (X_i - \bar{X}_i)^2 \right] \left[\sum_{i=1}^n (Y_i - \bar{Y}_i)^2 \right]}}$$

$$KMO = \frac{\sum_{i=1}^k \sum_{j=1}^k r_{X_i X_j}^2}{\sum_{i=1}^k \sum_{j=1}^k r_{X_i X_j}^2 + \sum_{i=1}^k \sum_{j=1}^k a_{X_i X_j}^2}$$

Với $r_{X_i X_j}$ là hệ số tương quan giữa biến X_i và X_j ,

$a_{X_i X_j}$ là hệ số tương quan riêng phần của X_i và X_j .

Bước 3 - Đánh giá kết quả rút trích và xác định số nhân tố.

Bước 4 - Xoay nhân tố.

Bước 5 - Giải thích kết quả và hiệu chỉnh nhân tố.

Việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài sẽ được xử lý bằng phần mềm R và Microsoft Excel xây dựng trên máy vi tính.

2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: Các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Khảo sát được tiến hành trên 15 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trong đó:

Có 05 trường THCS trọng điểm/11 trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, Trường trung học cơ sở Lê Văn Thịnh huyện Gia Bình, Trường Trung học cơ sở Từ Sơn, Thị xã Từ Sơn và trường trung học cơ sở Hàn Thuyên, huyện Lương Tài, Trường trung học cơ sở Nam Cao huyện Quế Võ.

Có 05 trường THCS khối thành thị/28 trường: Trường Trung học cơ sở Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh; Trường Trung học cơ sở Đại Phúc, thành phố Bắc

Ninh; Trường Trung học cơ sở Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Trường trung học cơ sở Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, Trường trung học cơ sở Đồng Nguyên, Từ Sơn.

Có 05 trường THCS khu vực nông thôn/61 trường gồm: Trường THCS Vũ Kiệt, Huyện Thuận Thành; Trường THCS Phương Liễu, Huyện Quế Võ; Trường THCS thị trấn Thứa, Huyện Lương Tài; Trường THCS Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du; Trường THCS Đại Bái, huyện Gia Bình.

2.2.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu thực trạng: 15 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2.2.3. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh và 15 trường THCS tại tỉnh Bắc Ninh.

2.2.4. Cơ quan phối hợp nghiên cứu

15 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2.2.5. Kế hoạch và thời gian nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Luận án tiến hành nghiên cứu trong 4 năm từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 12 năm 2023. Được chia thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn chuẩn bị: Từ tháng 12/2019 tới tháng 3/2020.

Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, tham khảo ý kiến các chuyên gia, mời GV hướng dẫn, xây dựng đề cương nghiên cứu, bảo vệ đề cương nghiên cứu trước hội đồng khoa học, chỉnh sửa và hoàn thiện đề cương nghiên cứu

Giai đoạn cơ bản: Từ tháng 03/2020 tới tháng 12/2022.

Thu thập các tài liệu tham khảo có liên quan, viết tổng quan cơ sở lý luận của luận án.

Viết và bảo vệ 3 chuyên đề luận án.

Hoàn thành báo cáo khoa học tổng quan của luận án.

Nghiên cứu thực trạng phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Lựa chọn và xây dựng nội dung các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn trong thực tế và đánh giá hiệu quả.

Thu thập, xử lý số liệu và viết từng phần kết quả nghiên cứu luận án.

Giai đoạn kết thúc: Từ tháng 12/2022 tới tháng 12/2023

Xử lý các số liệu nghiên cứu.

Đăng tải các bài báo khoa học công bố từng phần kết quả nghiên cứu luận án.

Viết, chỉnh sửa và hoàn thiện luận án.

Xin ý kiến các chuyên gia về kết quả nghiên cứu luận án.

Hoàn thiện thủ tục bảo vệ và bảo vệ luận án cấp cơ sở.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

3.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Đội ngũ giáo viên thể dục.

Giáo viên thể dục có vai trò rất lớn, quyết định đến chất lượng GDTC trong nhà trường. Thực tế cho thấy, “Không thầy đố mày làm nên” vì thế cần quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ giáo viên thể dục là rất phù hợp. Bởi giáo viên là người trực tiếp giảng dạy, truyền thụ cho học sinh những kiến thức, tri thức trong giờ học về lĩnh vực TDTT cũng như các kỹ năng vận động của con người. Đội ngũ giáo viên thể dục là lực lượng nòng cốt, trong phong trào thể dục và rèn luyện thân thể của học sinh trong nhà trường.

Nghiên cứu thực trạng việc giảng dạy và học tập môn GDTC trong nhà trường phổ thông cho thấy, hiện nay toàn tỉnh Bắc Ninh có 494 giáo viên được đào tạo GDTC chính quy đang đảm nhiệm công tác GDTC trong các trường phổ thông (Tiểu học: 104 GV/152 trường; THCS: 203 GV/135 trường; THPT: 187 GV/35 Trường). Con số đó khẳng định đang thiếu lực lượng đảm nhận nhiệm vụ này, nhiều trường không có GV GDTC hoặc có nhưng không đảm nhiệm hết số tiết do đó đang phải sử dụng giáo viên kiêm nhiệm giảng dạy môn GDTC. Chính vì vậy nó ảnh hưởng không tốt đến chất lượng và hiệu quả giờ học, chưa thực sự tạo hứng thú cho học sinh, thậm chí nhiều em còn sợ học môn GDTC.

Chất lượng giáo viên GDTC cũng chưa đồng đều do nhiều nguyên nhân như giáo viên tốt nghiệp nhiều trường khác nhau hoặc ở các trường đào tạo còn chưa đủ CSVC nên đội ngũ GV chất lượng chưa tốt; chất lượng giáo viên kiêm nhiệm và chính quy lại càng khác nhau. Để nâng cao chất lượng công tác GDTC nói chung và phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá nói riêng thì cần có giải pháp hợp lý.

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và giảng dạy môn học thể dục:

Theo triết học Mác - Lênin, công cụ lao động sẽ quyết định đến năng suất lao động, nên có thể khẳng định cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và giảng dạy môn học thể dục là một trong những điều kiện cơ bản giúp cho các hoạt động GDTC đạt chất lượng cao và hiệu quả. Chính vì vậy, để phục vụ cho các hoạt động dạy học nói chung, GDTC nói riêng thì không thể thiếu trang thiết bị, dụng cụ, cơ sở vật chất và dụng cụ tập luyện. Với những điều kiện thuận lợi trong học tập, tập luyện sẽ tạo tình cảm tốt, gây hứng thú cho học sinh, từ đó giúp học sinh tự giác, say mê tập luyện hơn.

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện TDTT trong các trường phổ thông trên địa bàn tương đối tốt, đáp ứng được yêu cầu dạy và học môn GDTC cũng như việc tập luyện của học sinh: 100% các trường đều có sân bãi, dụng cụ phục vụ cho giảng dạy và học tập; có 142 nhà thể chất và phòng tập; đã có nhà thể chất hiện đại (tại trường THPT Chuyên Bắc Ninh, THPT Quế Võ 1; THCS Phú Hòa, huyện Lương Tài; Tiểu học Đình Bảng 2, thành phố Từ Sơn...) và đưa vào sử dụng có hiệu quả; có 29 bể bơi đã đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, cơ sở vật chất tại các trường học để tổ chức phát triển Bóng đá học đường còn nhiều hạn chế.

Sự đầu tư của lãnh đạo nhà trường, các ban ngành đoàn thể có liên quan đối với công tác giáo dục thể chất:

Sự đầu tư của lãnh đạo nhà trường, các sở, ban, ngành đoàn thể có liên quan đối với công tác GDTC cũng như phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS, có vị trí rất quan trọng nhằm động viên giáo viên, học sinh yêu mến ngành nghề, môn học, có trách nhiệm hơn trong giảng dạy, học tập. Quan tâm đúng mức, đầu tư đúng chỗ sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mỗi người.

Sự quan tâm đó thể hiện bằng việc thực hiện các chính sách hợp lí nhằm từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho đội ngũ giáo viên. Chăm lo bồi dưỡng giáo viên thể dục vững mạnh cả về đạo đức chính

trị cả về năng lực chuyên môn đồng thời cần phải đầu tư kinh phí, sử dụng có hiệu quả trong xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị học tập thiết thực, các tài liệu tham khảo, sách báo chuyên môn phục vụ cho quá trình huấn luyện, tập luyện cũng như nghiên cứu các hoạt động TDTT từ đó giúp cho GDTC của các trường đạt được chất lượng và hiệu quả như mong muốn.

Thông qua việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (yếu tố về mặt lý thuyết) như chương trình, kế hoạch giảng dạy môn học thể dục, các tiêu chuẩn đánh giá, người dạy (giáo viên TDTT), điều kiện CSVC (sân tập, dụng cụ phục vụ tập luyện...), hoạt động TDTT ngoài giờ, giờ nội khóa... Nhưng trong đó chương trình môn học thể dục, đội ngũ giáo viên, CSVC, sự quan tâm của các ban ngành đoàn thể, lãnh đạo nhà trường là những yếu tố quan trọng nhất có vai trò quyết định đến phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS

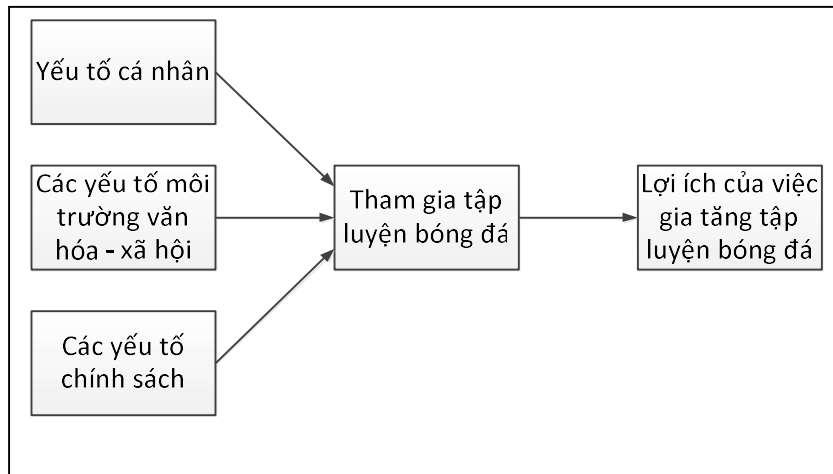
3.1.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

3.1.2.1 Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Qua phân tích thực tế, tham khảo, tổng hợp các công trình nghiên cứu có liên quan, luận án đưa ra giả thuyết về tác động trực tiếp và gián tiếp của một số yếu tố đối với sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thông qua khung khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng tới phong trào tập luyện môn bóng đá như sau:

Khung khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện:

Tổng hợp các công trình nghiên cứu, bước đầu đưa ra giả thuyết về tác động trực tiếp và gián tiếp của một số yếu tố đối với sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thông qua khung khái niệm ở sơ đồ 3.1.



Hình 1. Các yếu tố quyết định sự tham gia tập luyện môn bóng đá

Trong đó: Yếu tố cá nhân: Thể chất, tâm lý, quỹ

thời gian...

Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội: bạn bè, sự hỗ trợ của cha mẹ và các tổ chức...

Các yếu tố chính sách: các chính sách của chính quyền tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của học sinh như chính sách giáo dục, giao thông...

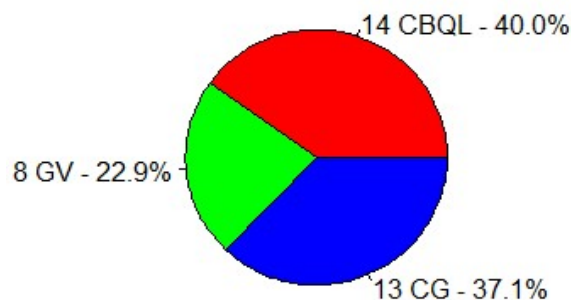
Tham gia tập luyện bóng đá: Tối thiểu 60 phút mỗi ngày, từ 1-3 buổi/tuần, với cường độ vận động vừa phải và mạnh mẽ để gia tăng đáng kể về nhịp tim và tần số hô hấp.

Lợi ích của việc gia tăng tập luyện bóng đá: Cải thiện sức khỏe tim mạch, cơ xương, thần kinh; Cải thiện nhận thức và học tập; Giảm nguy cơ mắc bệnh; Cải thiện chất lượng cuộc sống.

Từ khuôn khổ khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện, bước đầu xác định các yếu tố thành phần và nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh (xem bảng 3.1).

Cơ sở thực tiễn về xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

Từ các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá đề tài đã xác định, tiến hành phỏng vấn 35 người (14 cán bộ quản lý – 40.0%; 8 giáo viên thể dục – 22.9%; 13 chuyên gia – 37.1%) theo thang đo Likert với 5 mức độ. Đánh giá điểm: 1.00 - 1.80 là rất không đồng ý; 1.81 - 2.60 là không đồng ý; 2.61 - 3.40 là phân vân; 3.41 - 4.20 là đồng ý; 4.21 - 5.00 là rất đồng ý.



Biểu đồ 3.1. Đối tượng phỏng vấn xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Trước khi phân tích EFA cần đảm bảo số liệu phù hợp cho loại phân tích này, nghiên cứu đã sử dụng hai kiểm định là KMO Test và Bartlett Test. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.1.

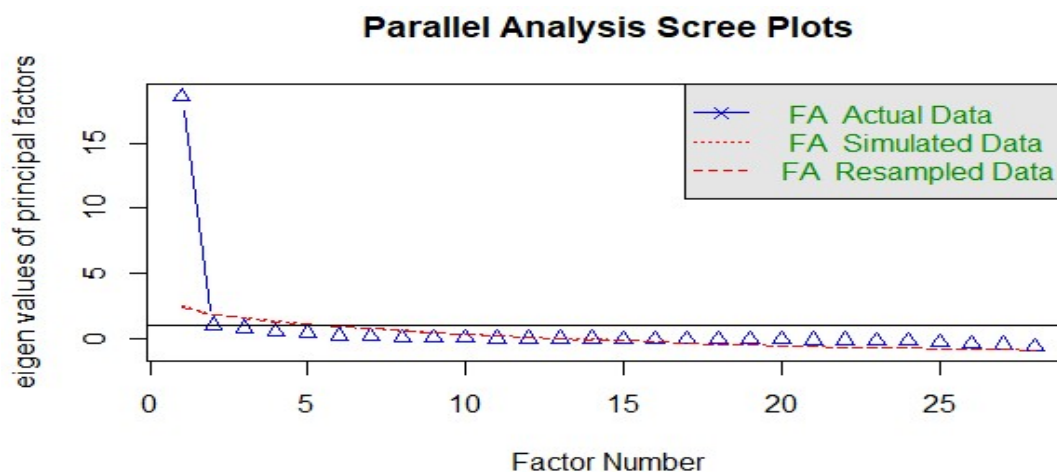
Bảng 3.1. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett cho phân tích EFA về các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)

Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố	Mã hóa	Độ tin cậy (MSA)
Yếu tố cá nhân	Thể chất	Giới tính	CN1	0.70
		Thể lực	CN2	0.67
		Khả năng chơi bóng đá	CN3	0.83
		Di truyền	CN4	0.35
	Tâm lý	Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	CN5	0.80
		Động lực	CN6	0.78
		Tự tin	CN7	0.74
		Kinh nghiệm	CN8	0.11
	Quỹ thời gian	Thời gian rảnh rỗi	CN9	0.42
		Thời gian tập luyện phù hợp	CN10	0.82
Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội	Gia đình	Khuyến khích	MT1	0.77
		Hỗ trợ chi phí	MT2	0.81
	Bạn bè	Thái độ	MT3	0.76
		Hỗ trợ	MT4	0.67
	Ngoại cảnh	Tiếp cận dịch vụ TDTT	MT5	0.73
		Giá trị văn hóa truyền thống	MT6	0.71
		Tôn vinh hoạt động thể thao	MT7	0.70
		Bối cảnh thành thị và nông thôn	MT8	0.19
		Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	MT9	0.75
		Cơ sở chăm sóc sức khỏe	MT10	0.11

Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố	Mã hóa	Độ tin cậy (MSA)
Các yếu tố chính sách	Nhà trường	Hoạt động ngoại khóa/CLB	CS1	0.92
		Sân tập	CS2	0.66
		Năng lực giáo viên	CS3	0.68
		Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao	CS4	0.71
		Tần suất kiểm tra sức khỏe thường xuyên	CS5	0.37
	Quy hoạch	Công trình văn hóa - thể thao	CS6	0.78
		Giao thông	CS7	0.93
		Hệ thống phát hiện và phát triển tài năng	CS8	0.18
Kiểm định	KMO	Độ tin cậy tổng thể (Overall MSA)	0.72	
	Bartlett	Giá trị (chisq)	1895.508	
		P (p.value)	4.782179e-200	
		Bậc tự do (df)	378	

Từ kết quả thu được ở bảng 3.1, Theo Kaiser (1974), để phân tích EFA thì giá trị KMO cần tối thiểu là 0.5. Với dữ liệu từ kết quả phỏng vấn, KMO Test là 0.72 cho thấy có thể sử dụng phân tích EFA cho bộ dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Với kiểm định Bartlett có giá trị 1895.508 với 378 bậc tự do và tương ứng với p-value = 4.782179e-200 < 5% nên có kết luận rằng tương quan giữa các nhân tố (items) là đủ lớn để sử dụng phân tích EFA.

Tiếp theo, luận án sử dụng phân tích song song để xác định số lượng yếu tố khi phân tích EFA cho các nhân tố cấu thành. Kết quả phân tích song song cho thấy số yếu tố = 1 (biểu đồ 3.2).



Biểu đồ 3.2. Phân tích song song xác định số lượng yếu tố khi phân tích EFA

Thực hiện phân tích EFA các biến cấu thành nhân tố với số yếu tố = 1 với phép xoay phổ biến mặc định trong phần mềm R và hệ số tải (Factor loading) > 0.5 được xem là mức có ý nghĩa thực tiễn (Nguyễn Khánh Duy, 2009). Kết quả được trình bày ở bảng 3.2.

Từ kết quả thu được ở bảng 3.2 cho thấy có 21/28 nhân tố có hệ số tải từ 0.82 - 0.99 (lớn hơn 0.5) và được xem là mức có ý nghĩa thực tiễn. Qua đó đã lựa chọn được 21 nhân tố để làm thang đo đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh (Yếu tố cá nhân: 7; Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội: 8; Các yếu tố chính sách: 6).

Để kiểm định tính hợp lý của thang đo đã lựa chọn, nghiên cứu đã thực hiện kiểm định Cronbach Alpha cho lần lượt 3 yếu tố. Một thang đo là hợp lý (Reliability) nếu giá trị Cronbach Alpha thu được lớn hơn 0.7. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.3 và các biểu đồ từ 3.2 đến 3.4.

Từ kết quả thu được ở bảng 3.3 và các biểu đồ từ 3.2 đến 3.4 cho thấy, giá trị Cronbach Alpha thu được của: Yếu tố cá nhân là 0.96; Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội và Các yếu tố chính sách là 0.98. Các giá trị Cronbach Alpha thu được đều lớn hơn 0.7. Đồng thời giá trị trung bình chung thu được khi đối chiếu với thang đo Likert 5 bậc đều ở mức đồng ý (3 nhân tố đạt 3.8 đến 4.2 điểm) và rất đồng ý (18 nhân tố đạt từ 4.3 đến 4.6 điểm). Do vậy, thang đo “Yếu tố cá nhân” cấu thành từ 7 nhân tố, “Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội” cấu thành từ 8 nhân tố và Các yếu tố chính sách cấu thành từ 6 nhân tố là hợp lý.

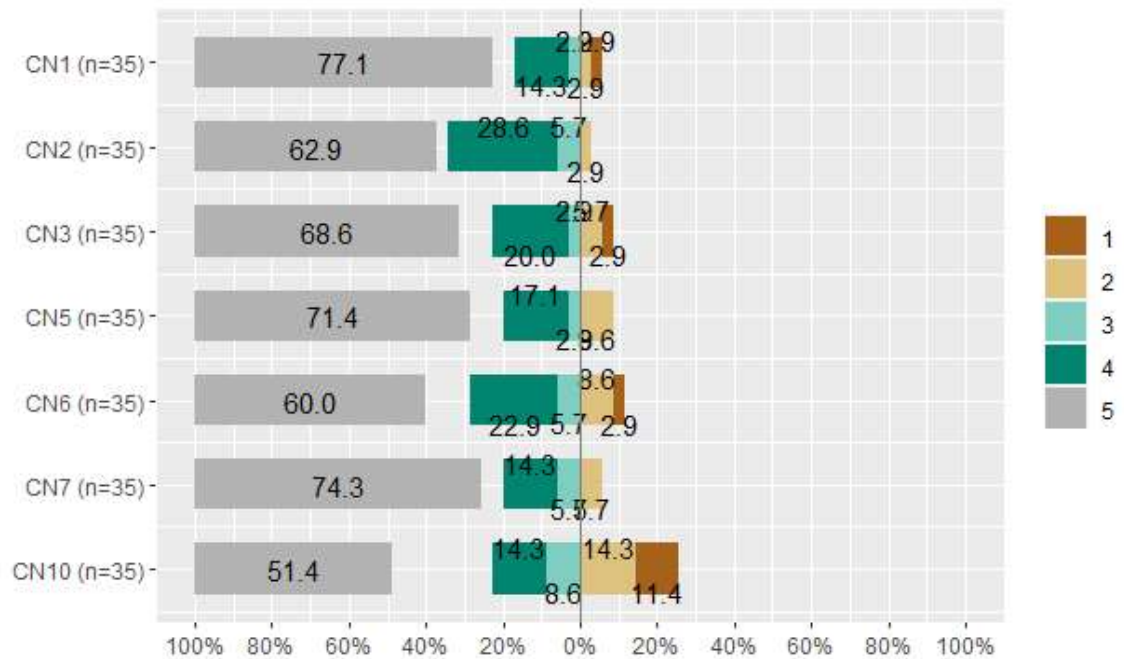
Bảng 3.2. Kết quả phân tích EFA các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)

Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố	Mã hóa	Hệ số tải > 0.5
Yếu tố cá nhân	Thể chất	Giới tính	CN1	0.96
		Thể lực	CN2	0.82
		Khả năng chơi bóng đá	CN3	0.93
		Di truyền	CN4	

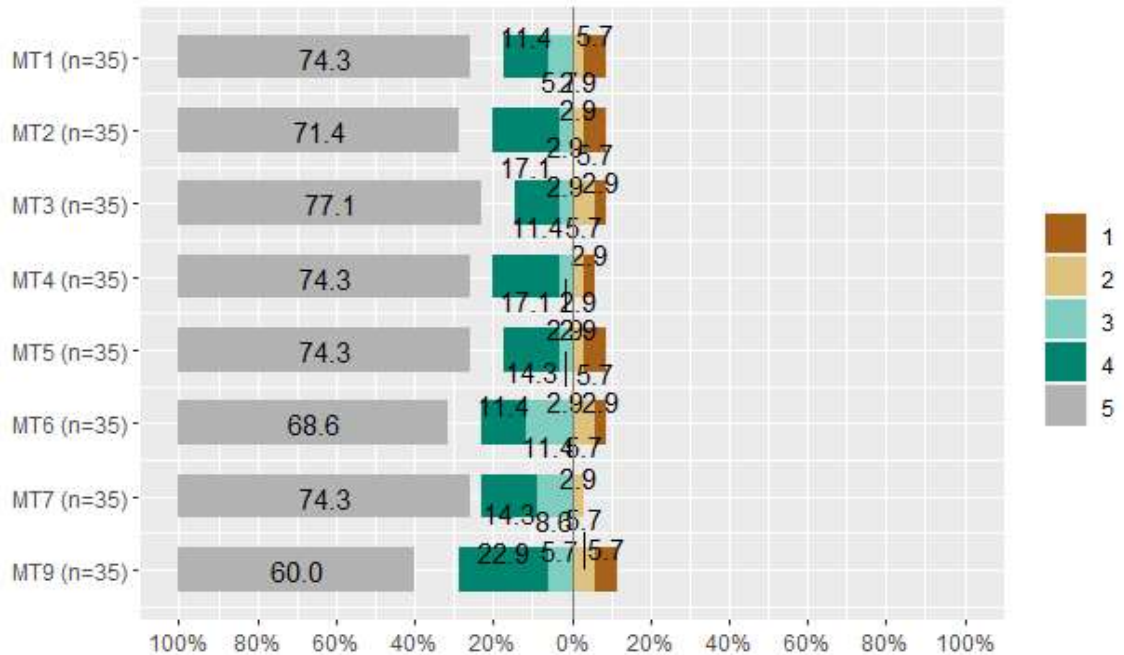
Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố	Mã hóa	Hệ số tải > 0.5
	Tâm lý	Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	CN5	0.96
		Động lực	CN6	0.93
		Tự tin	CN7	0.99
		Kinh nghiệm	CN8	
	Thời gian	Thời gian rảnh rỗi	CN9	
		Thời gian tập luyện phù hợp	CN10	0.87
Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội	Gia đình	Khuyến khích	MT1	0.99
		Hỗ trợ chi phí	MT2	0.98
	Bạn bè	Thái độ	MT3	0.97
		Hỗ trợ	MT4	0.81
	Ngoại cảnh	Tiếp cận dịch vụ TĐTT	MT5	0.98
		Giá trị văn hóa truyền thống	MT6	0.98
		Tôn vinh hoạt động thể thao	MT7	0.83
		Bối cảnh thành thị và nông thôn	MT8	
		Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	MT9	0.96
		Cơ sở chăm sóc sức khỏe	MT10	
Các yếu tố chính sách	Nhà trường	Hoạt động ngoại khóa/CLB	CS1	0.96
		Sân tập	CS2	0.92
		Năng lực giáo viên	CS3	0.93
		Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao	CS4	0.97
		Tần suất kiểm tra sức khỏe thường xuyên	CS5	
	Quy hoạch	Công trình văn hóa - thể thao	CS6	0.97
		Giao thông	CS7	0.83
		Hệ thống phát hiện và phát triển tài năng	CS8	
Giá trị riêng của các thành phần chính (SS loadings)			18.61	
Tỷ lệ phương sai được giải thích (Proportion var)			0.66	

Bảng 3.3. Kiểm định độ tin cậy thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)

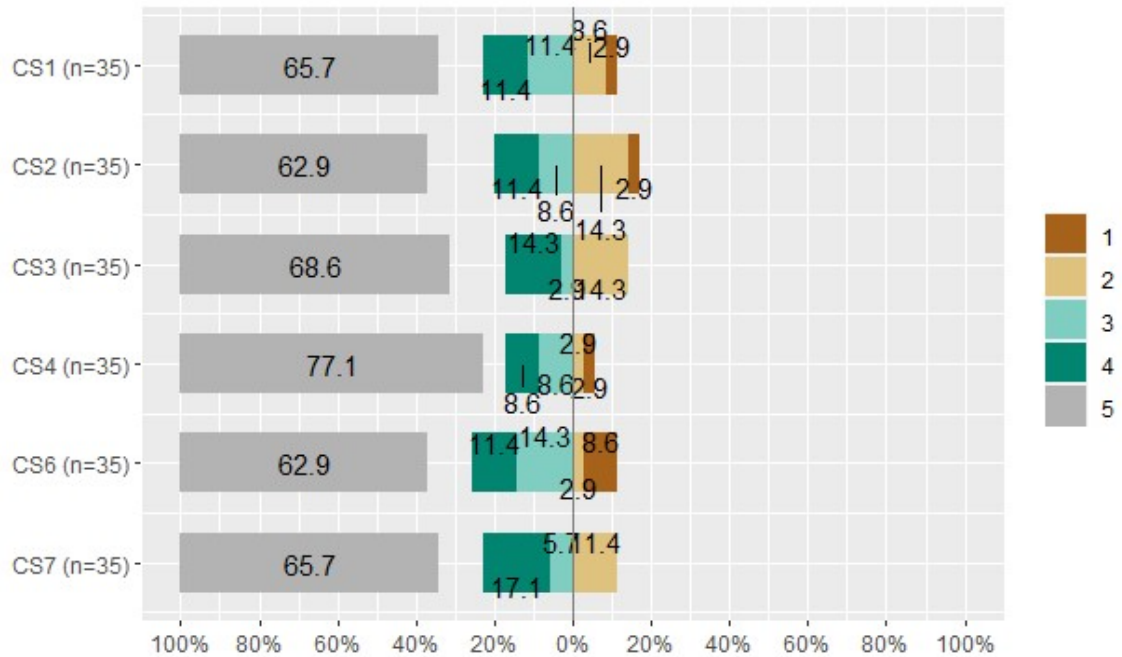
Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố	Mã hóa	\bar{x}	δ	Cronbach Alpha
Yếu tố cá nhân	Thể chất	Giới tính	CN1	4.6	0.91	0.96
		Thể lực	CN2	4.5	0.74	
		Khả năng chơi bóng đá	CN3	4.5	1.01	
	Tâm lý	Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	CN5	4.5	0.92	
		Động lực	CN6	4.3	1.10	
		Tự tin	CN7	4.6	0.85	
	Thời gian	Thời gian tập luyện phù hợp	CN10	3.8	1.49	
Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội	Gia đình	Khuyến khích	MT1	4.5	1.12	0.98
		Hỗ trợ chi phí	MT2	4.5	1.09	
	Bạn bè	Thái độ	MT3	4.5	1.01	
		Hỗ trợ	MT4	4.6	0.92	
	Ngoại cảnh	Tiếp cận dịch vụ TDTT	MT5	4.5	1.09	
		Giá trị văn hóa truyền thống	MT6	4.4	1.09	
		Tôn vinh hoạt động thể thao	MT7	4.6	0.77	
		Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	MT9	4.3	1.17	
Các yếu tố chính sách	Nhà trường	Hoạt động ngoại khóa/CLB	CS1	4.3	1.15	0.98
		Sân tập	CS2	4.2	1.25	
		Năng lực giáo viên	CS3	4.4	1.09	
		Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao	CS4	4.5	0.98	
	Quy hoạch	Công trình văn hóa - thể thao	CS6	4.2	1.29	
		Giao thông	CS7	4.4	1.03	



Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ mức độ lựa chọn của yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh



Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ mức độ lựa chọn của yếu tố môi trường văn hóa – xã hội ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh



Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ mức độ lựa chọn của yếu tố chính sách ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Ý nghĩa của từng nhân tố đối với việc tham gia tập luyện môn bóng đá như sau:

(1) Yếu tố cá nhân.

Thể chất.

Giới tính: Giới tính đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định sự tham gia của một cá nhân vào thể thao. Nữ giới tham gia thể thao ít hơn nam giới. Nguyên nhân của điều này là do sự phân biệt đối xử, lòng tự trọng, thiếu cơ hội, văn hóa, sự cạnh tranh với các hoạt động khác.

Thể lực: Có nền tảng thể lực tốt sẽ hướng tới học tập tốt và nhu cầu chơi các môn thể thao lành mạnh nhiều hơn. Có sức khỏe học sinh có khả năng định vị không gian, năng lực phối hợp vận động và có khả năng cao chơi tốt các môn thể thao

Khả năng chơi bóng đá: Khả năng và trình độ kỹ năng cũng có thể tác động đáng kể đến việc tham gia thể thao của mọi người. Những người có tài năng bẩm sinh hoặc có được kỹ năng thông qua luyện tập và rèn luyện có thể cảm thấy thoải mái và tự tin hơn khi tham gia thể thao.

Tâm lý.

Sự phát triển của tri giác, trí nhớ, sự chú ý, tư duy, khả năng tưởng tượng và ngôn ngữ sự hình thành nhân cách đạo đức khi đó các em bị kích thích từ những yếu tố bên ngoài lẫn bên trong. Giáo dục về lợi ích thể chất, tinh thần và cảm xúc của thể thao, như cải thiện sức khỏe thể chất, giảm căng thẳng và nâng cao lòng tự trọng... có thể giúp thúc đẩy hình thành động cơ và thái độ tích cực đối với thể thao. Nếu coi trọng tinh thần đồng đội, HS có thể bị thu hút bởi các môn thể thao đồng đội như Bóng đá, hoặc thích sự độc lập và tính tự giác có thể chọn các môn thể thao cá nhân như Bơi lội, Quần vợt

Động lực: Động lực cá nhân là vô cùng quan trọng. Người có động lực bản thân có nhiều khả năng tham gia vào các môn thể thao để giải trí, hoàn thiện bản thân hoặc cảm giác thành công.

Tự tin: Sự tự tin cũng là một yếu tố quyết định. Những người tin rằng họ có khả năng thành công trong một môn thể thao cụ thể có nhiều khả năng tham gia vào hoạt động đó hơn. Ngược lại, những người thiếu tự tin vào khả năng của mình có thể tránh xa thể thao vì sợ thất bại hoặc xấu hổ.

Thời gian.

Thời gian tập luyện phù hợp: Một trong những lý do phổ biến khác là thời gian tập luyện bất tiện đối với môn bóng đá cũng cản trở sự tham gia của học sinh. Học sinh sử dụng thời gian rảnh rỗi cho nhiều hoạt động, song thường rất bận rộn với việc học và cố gắng cân bằng với các việc khác, trước khi tính đến việc chơi hoặc tình nguyện dành thời gian cho thể thao.

(2) Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội.***Gia đình.***

Khuyến khích: Sự khuyến khích và ủng hộ từ người thân trong gia đình sẽ nuôi dưỡng thái độ tích cực và thúc đẩy các em tham gia tập luyện. Song nhân tố này cần dựa trên việc cung cấp đầy đủ thông tin để: Gia đình nhận thức tốt về lợi ích thể chất, tinh thần và cảm xúc mà thể thao mang lại; và cảm thấy an toàn, giảm bớt mối lo lắng về chấn thương khi các con tham gia tập luyện.

Hỗ trợ chi phí: Chi phí tham gia là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến việc tham gia thể thao. Chi phí thiết bị, tư cách thành viên cơ sở, phí huấn luyện và chi phí đi lại có thể tạo ra rào cản tài chính đối với một số cá nhân, đặc biệt là những người thuộc hộ gia đình có thu nhập thấp.

Bạn bè.

Thái độ: Thái độ tiêu cực từ bạn bè có thể ngăn cản các em tham gia thể thao.

Hỗ trợ: Việc thiếu sự hỗ trợ từ bạn bè có thể ngăn cản các cá nhân tham gia thể thao và có thể dẫn đến cảm giác đơn độc.

Các tổ chức.

Tiếp cận dịch vụ TDDT: Những người sống ở khu vực thành thị có thể được tiếp cận nhiều hơn với các hoạt động có tổ chức, trong khi những người khác ở khu vực nông thôn có thể phải đối mặt với những lựa chọn và nguồn lực hạn chế.

Giá trị văn hóa truyền thống: Các yếu tố văn hóa và giá trị truyền thống có thể ảnh hưởng đến việc tham gia thể thao của một cá nhân. Những cộng đồng dân cư ưu tiên hoạt động văn hóa và thể thao như những thành phần thiết yếu của lối sống lành mạnh sẽ có mức độ tham gia cao hơn.

Tôn vinh hoạt động thể thao: Khi biểu dương/khen thưởng những người thành công trong lĩnh vực thể thao sẽ truyền cảm hứng và giúp các em vượt qua các rào cản để tham gia tập luyện.

Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng: Người có ảnh hưởng hoặc các ngôi sao/thần tượng đóng vai trò quan trọng trong hình thành thái độ và hành vi của cá nhân đối với thể thao. Đặc biệt các VĐV và HLV nổi tiếng có thể truyền cảm hứng cho các em noi theo và tham gia thể thao.

(3) Các yếu tố chính sách.

Nhà trường.

Hoạt động ngoại khóa/CLB: Dành một tỷ lệ thời gian nhất định của chương trình hoạt động thể chất cho tập luyện môn tự chọn và tham gia CLB, trong đó có môn bóng đá. Qua đó thúc đẩy đam mê cho học sinh, giảm sự nhàm chán, trau dồi kỹ năng, kỹ xảo của môn thể thao tự chọn.

Sân tập: Sự sẵn có của CSVC và nguồn lực cũng rất quan trọng. Những cá nhân được tiếp cận với các cơ sở, thiết bị và tài nguyên huấn luyện thể thao được bảo trì tốt có nhiều khả năng tham gia thể thao hơn.

Năng lực giáo viên: Giáo viên có vai trò/hình mẫu quan trọng trong việc thu hút và khuyến khích trẻ em tham gia các hoạt động thể thao. Cùng với cha mẹ, là những người có ảnh hưởng tích cực đến các em. Cách giáo viên tương tác với các em quyết định kết quả của việc tham gia.

Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao: Môi trường cạnh tranh giúp các em cải thiện động lực, sự tuân thủ và cường độ tập luyện. Cùng với định hướng cạnh tranh sẽ thúc đẩy các em mong muốn phấn đấu để thành công trong các cuộc thi. Qua đó có thể ảnh hưởng đến mức độ nỗ lực tham gia tập luyện để chuẩn bị cho các cuộc thi đấu.

Quy hoạch.

Công trình văn hóa - thể thao: Là tạo ra hoặc tăng cường khả năng tiếp cận các địa điểm dành cho thể thao/bóng đá. Đặc biệt là chính sách sử dụng chung, đó là thỏa thuận giữa trường học và địa phương để tận dụng CSVC khi không hoạt động. Lợi ích của chính sách này là chi phí thấp và huy động CSVC sẵn có để tối đa hóa sự tiếp cận nhằm gia tăng người tập.

Giao thông: Mang đến cho các cá nhân cơ hội không chỉ để tương tác với cộng đồng mà còn là sự thuận lợi để tiếp cận những địa điểm tập luyện, qua đó tăng số người tham gia tập luyện.

Trong quá trình nghiên cứu, luận án đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS Tỉnh Bắc Ninh theo từng nhóm yếu tố trên.

Khảo sát được tiến hành trên 15 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trong đó:

Có 05/11 trường THCS trọng điểm: Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh; Trường THCS Lê Văn Thịnh huyện Gia Bình; Trường THCS

Từ Sơn, thành phố Từ Sơn; Trường THCS Hàn Thuyên, huyện Lương Tài; Trường THCS Nam Cao, huyện Quế Võ.

Có 05/28 trường THCS khu vực thành thị: Trường Trung học cơ sở Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh; Trường Trung học cơ sở Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh; Trường Trung học cơ sở Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Trường trung học cơ sở Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, Trường trung học cơ sở Đồng Nguyên, Từ Sơn.

Có 05/61 trường THCS khu vực nông thôn: Trường THCS Vũ Kiệt, huyện Thuận Thành; Trường THCS Phương Liễu, huyện Quế Võ; Trường THCS thị trấn Thứa, huyện Lương Tài; Trường THCS Hoàn Sơn, huyện Tiên Du; Trường THCS Đại Bái, huyện Gia Bình.

Đối tượng phỏng vấn: 1.418 học sinh THCS.

Thời điểm khảo sát: Kết thúc học kỳ I năm học 2019 - 2020.

3.1.2.2. Đánh giá thực trạng yếu tố cá nhân ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Để đánh giá được mức độ ảnh hưởng của yếu tố cá nhân tới phong trào tập luyện bóng đá của học sinh THCS luận án tiến hành phỏng vấn 1.418 học sinh. Kết quả chi tiết được trình bày tại bảng 3.4.

Bảng 3.4. Thực trạng các yếu tố cá nhân ảnh hưởng tới phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=1418)

Nội dung	Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
	m _i	%	m _i	%	m _i	%
Ảnh hưởng của thể chất tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá						
1. Giới tính	426	30	141	10	851	60
2. Thể lực	580	41	554	39	284	20
3. Khả năng chơi bóng đá	412	29	297	21	709	50
Ảnh hưởng của tâm lý tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá						
4. Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	596	42	312	22	510	36
5. Động lực	440	31	326	23	652	46
6. Tự tin	383	27	780	55	255	18
Ảnh hưởng của quỹ thời gian tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá						
7. Thời gian tập luyện phù hợp	580	55	355	25	283	20

Qua bảng 3.4 cho thấy, giới tính là yếu tố thứ cấp ảnh hưởng tới việc tham gia tập luyện của học sinh THCS, có những bạn nữ rất đam mê nhưng lại không vượt qua được sự phân biệt đối xử, lòng tự trọng và cũng ít cơ hội để thể hiện. Nhân tố thể lực được học sinh lựa chọn là nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất trong nhóm yếu tố thành phần thể chất, nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện; Đồng thời nhân tố thời gian cũng là nhân tố được lựa chọn nhiều nhất trong yếu tố thành phần tâm lý và yếu tố quỹ thời gian. Để làm rõ các nhân tố này, luận án tiến hành đánh giá chi tiết các nhân tố.

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của nhân tố thể lực, luận án đi tìm hiểu chi tiết và chính xác trình độ thể lực của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Luận án khảo sát thực trạng trình độ thể lực của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thông qua 1.418 học sinh, trong đó có 733 nam và 685 nữ thuộc 4 khối học: Lớp 6, lớp 7, lớp 8 và lớp 9. Mỗi khối gồm: 355 học sinh thuộc 15 trường THCS khảo sát. Lấy ngẫu nhiên mỗi trường 24 học sinh nam, nữ ở mỗi khối.

Các trường khảo sát được phân chia theo địa giới hành chính (với khu vực thành thị và nông thôn) và với tiêu chuẩn trường (với khối trường trọng điểm và trường đại trà). Cụ thể khảo sát được tiến hành trên 15 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trong đó có:

Thời điểm khảo sát: Kết thúc học kỳ I năm học 2019-2020.

Tiến hành đánh giá thực trạng trình độ thể lực của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thông qua 4/6 test sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Kết quả được trình bày tại bảng 3.5-3.8.

Bảng 3.5. Trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=355)

TT	Test	Khối trường trọng điểm (1)		Cv (%)	Khối trường khu vực thành thị (2)		Cv (%)	Khối trường khu vực nông thôn (3)		Cv (%)	t ₁₋₂	t ₂₋₃	t ₁₋₃
		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ				
Học sinh nam		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	160.34	11.90	7.42	163.44	13.37	8.18	161.59	8.94	5.60	1.53	0.99	0.56
2	Chạy 30m XPC (s)	6.21	0.27	4.42	6.20	0.32	5.13	6.29	5.49	5.24	0.60	0.39	0.36
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.95	0.65	5.05	12.86	0.70	5.42	13.03	5.39	5.36	4.80*	0.65	0.30
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	844.12	59.33	7.03	870.47	46.21	5.31	882.05	4.86	5.60	1.17	2.42*	4.44*
Học sinh nữ		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	146.06	10.58	7.25	147.63	11.30	7.65	150.45	11.89	7.90	1.05	1.36	1.80
2	Chạy 30m XPC (s)	7.09	0.27	3.82	7.07	0.37	5.26	7.03	0.36	5.11	2.72*	1.22	1.65
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	13.22	0.59	4.44	13.18	0.63	4.75	13.22	0.62	4.70	2.51*	0.62	0.02
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	722.20	86.04	11.91	756.03	42.12	5.57	776.63	63.56	8.18	1.74	0.66	1.39

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.6. Trình độ thể lực của học sinh lớp 7 (12 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=355)

TT	Test	Khối trường trọng điểm (1)		Cv (%)	Khối trường khu vực thành thị (2)		Cv (%)	Khối trường khu vực nông thôn (3)		Cv (%)	t1-2	t2-3	t1-3
		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ				
Học sinh nam		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	168.58	15.02	8.91	173.89	14.80	8.51	171.49	15.21	8.87	1.39	0.96	1.28
2	Chạy 30m XPC (s)	5.95	0.33	5.59	5.96	0.32	5.29	6.24	0.31	4.99	1.73	0.92	1.36
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.58	0.74	5.91	12.59	0.74	5.88	13.18	0.71	5.36	1.81	1.27	1.41
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	890.06	48.35	5.43	912.54	49.02	5.37	894.55	47.65	5.33	1.35	1.01	1.33
Học sinh nữ		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	153.30	11.57	7.55	154.06	11.42	7.41	147.99	11.76	7.94	1.78	1.11	1.28
2	Chạy 30m XPC (s)	6.97	0.37	5.35	7.00	0.37	5.21	6.73	0.34	5.08	1.95	1.37	1.19
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	13.10	0.72	5.52	13.43	0.72	5.36	13.16	0.69	5.22	2.06*	1.24	1.5
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	777.14	62.95	8.10	796.76	63.82	8.01	781.07	62.05	7.94	2.12*	0.98	0.97

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.7. Trình độ thể lực của học sinh lớp 8 (13 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=354)

TT	Test	Khối trường trọng điểm (1)		Cv (%)	Khối trường khu vực thành thị (2)		Cv (%)	Khối trường khu vực nông thôn (3)		Cv (%)	t ₁₋₂	t ₂₋₃	t ₁₋₃
		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ				
Học sinh nam		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	174.43	15.67	8.98	174.26	15.46	8.87	182.58	15.91	8.72	1.76	1.12	1.27
2	Chạy 30m XPC (s)	5.90	0.28	4.70	5.93	0.29	4.82	5.69	0.31	5.39	1.87	0.98	1.35
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.71	0.70	5.53	12.77	0.68	5.33	12.27	0.69	5.60	1.62	0.85	1.02
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	938.58	49.05	5.23	943.23	49.73	5.27	906.06	48.34	5.34	1.74	1.08	1.16
Học sinh nữ		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	156.33	11.57	7.40	156.59	11.36	7.25	151.42	11.81	7.80	1.81	0.88	1.59
2	Chạy 30m XPC (s)	6.77	0.35	5.12	6.98	0.35	5.06	6.77	0.38	5.61	1.65	0.83	2.01*
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.95	0.70	5.38	13.28	0.72	5.42	13.01	0.71	5.48	1.62	0.94	1.83
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	786.65	62.26	7.91	806.52	63.12	7.83	790.63	61.37	7.76	1.87	0.97	1.22

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.8. Trình độ thể lực của học sinh lớp 9 (14 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=354)

TT	Test	Khối trường trọng điểm (1)		Cv (%)	Khối trường khu vực thành thị (2)		Cv (%)	Khối trường khu vực nông thôn (3)		Cv (%)	t ₁₋₂	t ₂₋₃	t ₁₋₃
		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ				
Học sinh nam		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	176.59	9.98	5.65	177.64	10.13	5.70	170.29	9.86	5.79	1.83	1.34	1.62
2	Chạy 30m XPC (s)	5.88	0.17	2.84	5.91	0.18	3.09	5.67	0.19	3.36	1.39	1.28	1.81
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.29	0.66	5.40	12.60	0.66	5.23	12.35	0.63	5.09	1.68	1.71	1.53
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	923.88	35.47	3.84	947.21	35.96	3.80	928.54	34.95	3.76	1.97	1.36	1.61
Học sinh nữ		n=60			n=60			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	168.38	9.35	5.55	169.21	9.49	5.61	162.54	9.24	5.69	2.03*	2.11*	2.03*
2	Chạy 30m XPC (s)	6.04	0.37	6.08	6.19	0.39	6.22	6.07	0.39	6.39	1.59	1.59	1.53
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.82	0.66	5.12	13.14	0.68	5.17	12.89	0.67	5.23	1.61	1.71	1.66
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	890.51	29.43	3.31	912.99	29.83	3.27	895.00	29.00	3.24	1.33	1.63	1.74

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Qua bảng 3.5 đến bảng 3.8 cho thấy: Trình độ thể lực của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh từ khối 6 tới khối 9 ở tất cả các tiêu chí thu được đều cao hơn mức trung bình theo tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại trình độ thể lực theo quyết định 53 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời kết quả này cũng cao hơn nhiều so với kết quả điều tra thể chất nhân dân năm 2001, nhỉnh hơn một chút so với kết quả kiểm tra trình độ thể lực của học sinh THCS miền Bắc Việt Nam theo kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Đức Dũng và cộng sự năm (2014) [21], [34].

Khi so sánh trình độ thể lực của học sinh khối trường trọng điểm, khối trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn, xu hướng chung là kết quả kiểm tra thể lực của học sinh khối trường trọng điểm có thấp hơn so với khối trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn, nhưng sự khác biệt kết quả kiểm tra giữa các khối không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở các test kiểm tra và các khối học từ khối 7 tới khối 9. Riêng khối 6, kết quả kiểm tra có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở test khả năng phối hợp vận động ở nam và sức nhanh, khả năng phối hợp vận động ở nữ, khả năng phối hợp vận động và sức bền của nữ lớp 7 khối trường trọng điểm và khu vực thành thị; sức nhanh ở nữ khối trường trọng điểm và nông thôn; sức mạnh tốc độ ở nữ lớp 8 các khối trường. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P < 0.05$. Ở các tiêu chí còn lại, mặc dù có sự chênh lệch về kết quả kiểm tra nhưng sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê khi so sánh bằng tham số t ở ngưỡng $P > 0.05$.

Như vậy, có thể nhận xét, xu hướng chung kết quả kiểm tra thể lực của học sinh khối trường trọng điểm có thấp hơn so với khối trường khu vực thành thị và nông thôn ở các test kiểm tra nhưng sự khác biệt là chưa có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

Đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, thời gian tới phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, thời gian tới phong trào tập luyện môn bóng đá luận án tiến hành khảo sát các đối tượng nghiên cứu, kết quả được trình bày tại bảng 3.9.

Bảng 3.9. Kết quả khảo sát về sự ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, thời gian tới phong trào tập luyện môn bóng đá (n=1538)

Nội dung	Phụ huynh (n=120)		Học sinh (n=1418)	
	m _i	%	m _i	%
Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện bóng đá học đường				
Phát triển thể chất, tạo hưng phấn, giảm stress, giải trí, thư giãn giúp tiếp thu các môn học tốt hơn	89	74	1218	86
Tốn kém thời gian, tiền bạc gây mệt mỏi, ảnh hưởng tới việc học	31	26	200	14
Thời gian tập luyện phù hợp				
Lịch tập luyện chưa phù hợp	67	56	836	59
Không có thời gian để tập luyện	53	44	581	41

Qua bảng 3.9 cho thấy nhận thức về tầm quan trọng của tập luyện bóng đá học đường được phụ huynh và học sinh đánh giá rất cao trên 70%. Điều này chứng tỏ môn bóng đá học đường rất được yêu thích. Khi đánh giá về tác dụng của môn bóng đá thì có tới 74% phụ huynh cho rằng khi tập luyện bóng đá sẽ góp phần nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, tư duy trí tuệ, giảm stress, thư giãn, giải trí giúp cho việc học tập tốt hơn. Chỉ có 26% cho rằng tập luyện bóng đá làm tốn thời gian, tiền bạc cũng như gây mệt mỏi ảnh hưởng tới các môn học khác. Đó là những đánh giá khách quan của phụ huynh và học sinh. Qua đánh giá của phụ huynh và học sinh, luận án nhận thấy lượng lớn học sinh cho rằng tập luyện môn bóng đá không ảnh hưởng, ảnh hưởng tốt thậm chí rất tốt, đây là nhận thức hoàn toàn đúng, ảnh hưởng tích cực của môn bóng đá với học tập. Tuy nhiên vẫn còn hơn 10% học sinh cho rằng bóng đá ảnh hưởng xấu tới học tập, tốn kém tiền bạc, thời gian. Đây là nhận thức thiếu chính xác. Khi tập luyện với lượng vận động vừa phải cho trí óc giảm căng thẳng, thoải mái giúp cho bản thân học sinh dễ dàng tiếp thu bài học. Ở đây có thể do học sinh tập luyện quá sức, không đúng gây mệt mỏi sâu làm ảnh hưởng tới giờ học trên lớp.

Việc tham gia tập luyện bóng đá của các em học sinh xuất phát từ rất nhiều động cơ khác nhau: lợi ích bóng đá đem lại, phong trào của địa phương, đam mê với trái bóng... Không phải ai cũng biết tập luyện bóng đá thường xuyên sẽ giúp

con người phát triển toàn diện về cả thể chất lẫn tinh thần, cân đối thể hình. Khi nói về lợi ích của môn bóng đá mang lại có 74% phụ huynh cho rằng tăng cường sức khoẻ, phát triển phong trào tập luyện bóng đá, giải trí và giảm stress. Có thể thấy rằng đa số những học sinh đã từng tham gia môn bóng đá đều hiểu được vai trò và tác dụng của môn bóng đá. Điều đó cho thấy bóng đá có sức hút đặc biệt đối với những học sinh đã từng tham gia tập luyện môn thể thao này. Như vậy, để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong trường học các cấp cần chú ý tuyên truyền, tác động giúp nâng cao nhận thức của học sinh về tầm quan trọng, ý nghĩa của môn học này, từ đó giúp các em yêu thích môn học và có thái độ học tập tích cực hơn.

Tóm lại, về mức độ nhận thức lợi ích của việc tập luyện bóng đá thì hầu hết phụ huynh và học sinh đều nhận thức được những vấn đề tích cực mà môn bóng đá mang lại đó là môn bóng đá phát triển thể chất, tinh thần cho học sinh. Khi xem xét tới vấn đề thời gian thì phần lớn lại cho rằng không có thời gian để tham gia tập luyện và thời gian tập luyện lại không phù hợp với thời gian học và nghỉ ngơi của các em. Chính vì lí do đó chưa thể phát triển tốt nhất phong trào tập luyện cho học sinh.

3.1.2.3. Đánh giá thực trạng các yếu tố môi trường, văn hóa- xã hội ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Để đánh giá thực trạng các yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS Tỉnh Bắc Ninh, luận án tiến hành khảo sát các đối tượng nghiên cứu, kết quả được trình bày tại bảng 3.10.

Bảng 3.10. Kết quả khảo sát về sự ảnh hưởng của yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội tới phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=1538)

Nội dung		Phụ huynh (n=120)		Học sinh (n=1418)	
		m _i	%	m _i	%
Ảnh hưởng của gia đình tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá					
Khuyến khích	Sẵn sàng đồng hành	55	46	595	42
	Lo lắng chán thương	28	23	284	20
Hỗ trợ chi phí	Hỗ trợ chi phí tham gia CLB	25	21	298	21
	Hỗ trợ chi phí mua dụng cụ, tổ chức giải	12	10	241	17
Ảnh hưởng của bạn bè tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá					
Thái độ	Tiêu cực từ bạn bè	53	44	695	49
Hỗ trợ	Thiếu sự hỗ trợ từ bạn bè (Không có bạn cùng chơi)	67	56	723	51
Ảnh hưởng của ngoại cảnh tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá					
Tiếp cận dịch vụ TDTT	Đễ dàng tiếp cận với các sự kiện, dịch vụ các tổ chức, cơ sở kinh doanh tập luyện bóng đá	62	52	780	55
	Ít cơ hội tiếp cận với các sự kiện, dịch vụ các tổ chức, cơ sở kinh doanh tập luyện bóng đá	58	48	638	45
Giá trị văn hóa truyền thống	Tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao nói chung và môn bóng đá trong các dịp lễ hội truyền thống để lan tỏa	46	38	496	35
Tôn vinh hoạt động thể thao	Biểu dương khen thưởng để tạo động lực	36	30	383	27
Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	Những ngôi sao, thần tượng có thể truyền cảm hứng cho các em noi theo	38	32	539	38

Qua bảng 3.10 cho thấy việc tập luyện thể thao nói chung và đặc biệt là tập luyện môn bóng đá được phụ huynh, học sinh rất quan tâm. Chính những nhận thức về lợi ích thể chất, tinh thần và cảm xúc do môn bóng đá mang lại mà có tới trên 70% tổng số phụ huynh và học sinh cho rằng sẽ sẵn sàng ủng hộ đồng hành

cũng như sẵn sàng chi trả kinh phí cho con tham gia các hoạt động tập luyện môn bóng đá và mua dụng cụ cũng như bỏ tiền để cho con được tham gia các giải thi đấu.

Tuy nhiên có khoảng trên 20% cho rằng họ rất lo lắng khi cho con tham gia tập luyện bóng đá. Lo lắng sự mất an toàn, chấn thương trong khi tập luyện. Đây cũng là mối quan tâm chung và rất thích đáng để có thể phát triển được môn bóng đá phong trào nói chung và bóng đá học đường nói riêng.

Bạn bè cũng là nhân tố có ảnh hưởng tới các em khi tham gia tập luyện, trên 40% ý kiến các em và phụ huynh cho rằng thái độ của bạn bè ảnh hưởng tới việc tham gia tập luyện của các em. Yếu tố hỗ trợ của bạn bè được phụ huynh và các em học sinh tán thành trên 50%. Ở lứa tuổi của các em nếu như có bạn bè cùng tham gia thì sẽ có động lực tốt hơn vì các em còn lo lắng ngại ngùng và cảm giác sợ sự đơn độc.

Tác động của ngoại cảnh cũng ảnh hưởng lớn tới phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh. Trên 50% ý kiến phụ huynh và học sinh cho rằng họ dễ dàng tiếp cận với các sự kiện, dịch vụ, các tổ chức, cơ sở kinh doanh bóng đá. Ngoài ra thì gần 50% cho rằng họ có ít cơ hội tiếp cận với các sự kiện liên quan tới bóng đá. Đây là các ý kiến phần lớn của phụ huynh, học sinh khu vực nông thôn. Ảnh hưởng của giá trị truyền thống chiếm trên 30%, hoạt động tôn vinh thể thao chiếm 30% và những ngôi sao, thần tượng sân cỏ, những người truyền cảm hứng cho các em cũng chiếm hơn 30% ý kiến lựa chọn, đánh giá.

3.1.2.4. Đánh giá thực trạng các yếu tố chính sách ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Khảo sát thực trạng các yếu tố chính sách ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS Tỉnh Bắc Ninh thông qua quan sát sư phạm, phân tích tổng hợp các tài liệu liên quan và phỏng vấn 1.418 học sinh, 15 cán bộ quản lý, 68 giáo viên (trong đó có 30 giáo viên thể dục) thuộc 15 trường THCS tỉnh Bắc Ninh (phụ lục 4). Kết quả được trình bày tại bảng 3.11.

Bảng 3.11. Kết quả khảo sát về sự ảnh hưởng của yếu tố chính sách tới phong trào tập luyện môn bóng đá (n=1501)

Nội dung	Cán bộ quản lý (n=15)		Giáo viên thể dục (n=30)		Giáo viên các môn khác (n=38)		Học sinh (n=1418)	
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
Ảnh hưởng của nhà trường tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá								
Hoạt động ngoại khóa/Câu lạc bộ	10	67	20	67	24	63	1148	81
Sân tập	12	81	24	80	23	62	1163	82
Năng lực giáo viên	10	67	13	43	20	67	1035	73
Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao	3	21	6	20	5	17	354	25
Ảnh hưởng của quy hoạch								
Công trình văn hóa - thể thao	8	53	20	66	22	58	978	69
Giao thông	7	45	15	50	18	47	964	68

Qua bảng 3.11 cho thấy các nhân tố như hoạt động ngoại khóa, sân tập, năng lực giáo viên là các nhân tố ảnh hưởng lớn nhất tới phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Có tới 67% cán bộ quản lý và giáo viên thể dục chọn yếu tố hoạt động ngoại khóa /câu lạc bộ. Bên cạnh đó có trên 80% học sinh cho rằng nhân tố ngoại khóa và sân tập là hai nhân tố ảnh hưởng đến phát triển phong trào tập luyện. Nhân tố năng lực giáo viên cũng được cho là rất quan trọng, nếu như giáo viên không có chuyên môn nghiệp vụ, thiếu khả năng tổ chức các sự kiện liên quan đến bóng đá như tổ chức giải, tổ chức hoạt động tập luyện cho số lượng đông đảo thì khó có thể phát triển phong trào bóng đá học đường cho các em. Yếu tố quy hoạch cũng là yếu tố được quan tâm đó là nếu có thể tạo ra hoặc tăng cường khả năng tiếp cận các đặc điểm dành cho hoạt động thể chất/bóng đá. Một thành phần khác của chính sách công trình thể thao, không gian công cộng có thể ảnh hưởng đến hoạt động tập luyện bóng đá là chính sách sử dụng chung là thỏa thuận giữa trường học và cộng đồng để cung cấp cơ sở vật

chất của trường, khu dân cư không hoạt động. Nhân tố giao thông cũng là nhân tố để gia tăng số người tập luyện khi có những địa điểm tập luyện gần.

Để đánh giá chi tiết hơn luận án đi tìm hiểu, đánh giá từng nhân tố được coi là quan trọng hàng đầu trong việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Nhân tố hoạt động ngoại khóa/câu lạc bộ:

Phân phối chương trình GDTC nội khóa cho học sinh cho thấy: Chương trình môn học nội khóa được phân bổ với 70 tiết/năm với từ 8 đến 9 nội dung bao gồm cả lý thuyết và môn thể thao tự chọn và được áp dụng bắt đầu từ năm 2009-2010. Trong đó, nội dung chính khóa đã được quy định rõ ràng cho từng khối học và nội dung tự chọn được tiến hành theo hướng dẫn: Ngoài 4 môn được biên soạn trong chương trình và sách, giáo viên có thể lựa chọn môn thể thao khác theo sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh, nhằm phát triển các môn thể thao thể mạnh ở địa phương và phù hợp với điều kiện của nhà trường trên nguyên tắc: Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh tổ chức biên soạn chương trình (xây dựng mục tiêu, lựa chọn nội dung, kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá và biên soạn chi tiết) bảo đảm thời lượng, nội dung vừa sức học sinh, tổ chức thẩm định và phê duyệt chương trình trước khi đưa vào giảng dạy. Thời gian để học môn tự chọn chiếm 12 tiết đây sẽ là thời gian để sắp xếp thêm môn Bóng đá nhằm phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS trên địa bàn tỉnh phù hợp đề án phát triển bóng đá chuyên nghiệp để đi lên thành phố trực thuộc trung ương.

Khảo sát thực tế cho thấy, cả 15 trường thuộc nhóm đối tượng khảo sát đã thực hiện đầy đủ chương trình giảng dạy môn học GDTC nội khóa theo quy định của Bộ GD&ĐT. Luận án khảo sát thực trạng mức độ và nội dung tập luyện thể thao ngoại khóa của 1418 học sinh (trong đó có 733 nam và 685 nữ) thuộc 15 trường THCS tỉnh Bắc Ninh bằng phiếu hỏi (phụ lục 5). Kết quả được trình bày tại bảng 3.12.

Qua bảng 3.12 cho thấy: Để nghiên cứu sâu hơn thực trạng TDTT ngoại khóa của các trường THCS tỉnh Bắc Ninh, luận án tiến hành đánh giá về các môn

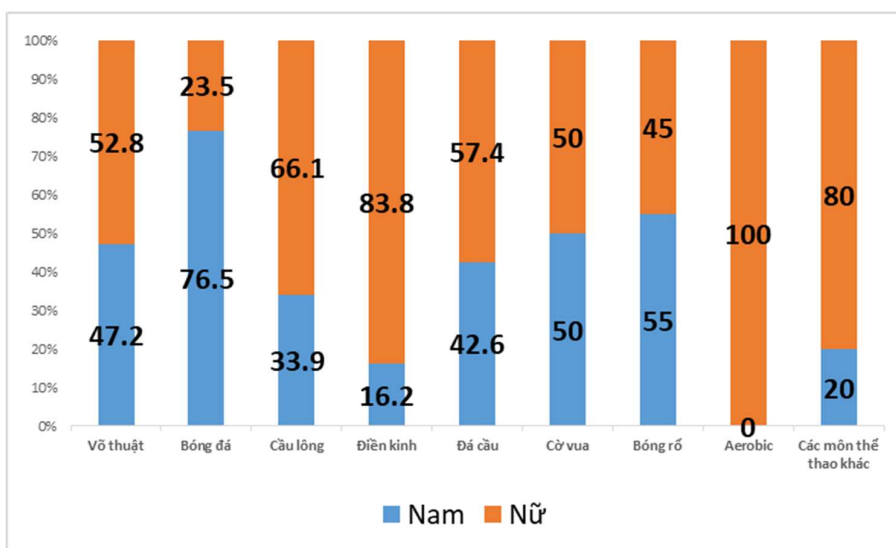
thể thao được học sinh lựa chọn tập luyện ngoại khóa, mức độ tham gia hoạt động, hình thức hoạt động, số lượng các môn thể thao học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa, cách thức tổ chức hoạt động ngoại khóa cũng như nguyên nhân tham gia cho thấy, các môn thể thao được học sinh lựa chọn tập luyện có tỷ lệ không đồng đều ở từng môn và môn bóng đá được tỷ lệ học sinh lựa chọn nhiều nhất chiếm 34.5%. Đây cũng là một trong những cơ sở quan trọng nhất để phát triển bóng đá học đường cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Mức độ tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa được lựa chọn nhiều nhất đó là có tập luyện nhưng không thường xuyên chiếm 55.4% và hình thức hoạt động chủ yếu là vào giờ thể dục giữa giờ và sau giờ học chiếm hơn 60%. Mỗi học sinh thường tham gia tập luyện một môn thể thao và chủ yếu là tập luyện tự phát. Có một tỷ lệ nhỏ học sinh không tham gia tập luyện và nguyên nhân chủ yếu là do không có thời gian cũng như không có người hướng dẫn chiếm tới hơn 50% số học sinh. Để thể hiện rõ mức độ và nội dung tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh luận án minh họa tại các biểu đồ 3.6 - 3.10.

Bảng 3.12. Khảo sát thực trạng mức độ và nội dung tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

TT	Nội dung	Số lượng		Trong đó				χ^2
		(1418)		Nam (733)		Nữ (685)		
		n	%	n	%	n	%	
1	Các môn thể thao học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa							
1.1	Võ thuật	246	17.3	116	47.2	130	52.8	263.19***
1.2	Bóng đá	489	34.5	374	76.5	115	23.5	
1.3	Cầu lông	124	8.7	42	33.9	82	66.1	
1.4	Điền kinh	68	4.8	11	16.2	57	83.8	
1.5	Đá cầu	235	16.6	100	42.6	135	57.4	
1.6	Cờ vua	40	2.8	20	50.0	20	50.0	
1.7	Bóng rổ	111	7.8	61	55.0	50	45.0	
1.8	Aerobic	60	4.2	0	0.0	60	100.0	
1.9	Các môn thể thao khác	45	3.2	9	20.0	36	80.0	
2	Mức độ tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa							
2.1	<i>Có thường xuyên</i>	496	34.9	296	59.7	200	40.3	38.49***
	> 60 phút / ngày	15	1.1	14	93.3	1	6.7	
	30 – 60 phút / ngày	66	4.6	55	83.3	11	16.7	
	< 30 phút / ngày	415	29.3	227	54.7	188	45.3	
2.2	<i>Có nhưng không thường xuyên</i>	786	55.4	396	50.4	390	49.6	
	> 60 phút / lần	34	2.4	22	64.7	12	35.3	
	30 -60 phút /lần	359	25.3	181	50.4	178	49.6	
	< 30 phút /lần	393	27.7	193	49.1	200	50.9	
2.3	<i>Không tập</i>	136	9.6	41	30.1	95	69.9	
3	Hình thức hoạt động TDTT							
3.1	Tập thể dục buổi sáng	126	8.9	66	52.4	60	47.6	34.82***
3.2	Tập thể dục giữa giờ	530	37.4	268	50.6	262	49.4	
3.3	Tập sau giờ học	354	25.0	188	53.1	166	46.9	
3.4	Tập theo nhóm lớp	125	8.8	64	51.2	61	48.8	
3.5	Tập theo CLB	95	6.7	55	57.9	40	42.1	
3.6	Tập theo đội tuyển	45	3.2	30	66.7	15	33.3	
3.7	Tự tập lúc rảnh rỗi	103	7.3	58	56.3	45	43.7	
3.8	Hình thức tập khác	40	2.8	4	10.0	36	90.0	

TT	Nội dung	Số lượng		Trong đó				χ^2
		(1418)		Nam (733)		Nữ (685)		
		n	%	n	%	n	%	
4	Số lượng môn thể thao học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa							
4.1	Chơi 1 môn thể thao	647	45.6	348	53.8	299	46.2	72.39***
4.2	Chơi 2-3 môn thể thao	617	43.5	338	54.8	279	45.2	
4.3	Chơi nhiều hơn 3 môn thể thao	58	4.1	37	63.8	21	36.2	
4.4	Không chơi	96	6.8	10	10.4	86	89.6	
5	Cách thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa và tham gia							
5.1	Tự phát (học sinh tự tập, tự chơi)	694	48.9	394	56.8	300	43.2	26.01***
5.2	Định hướng, hướng dẫn của giáo viên	249	17.6	135	54.2	114	45.8	
5.3	Tham gia các cuộc thi đấu giữa các khối lớp trong nhà trường	218	15.4	104	47.7	114	52.3	
5.4	Tham gia các hình thức tổ chức khác	257	18.1	100	38.9	157	61.1	

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

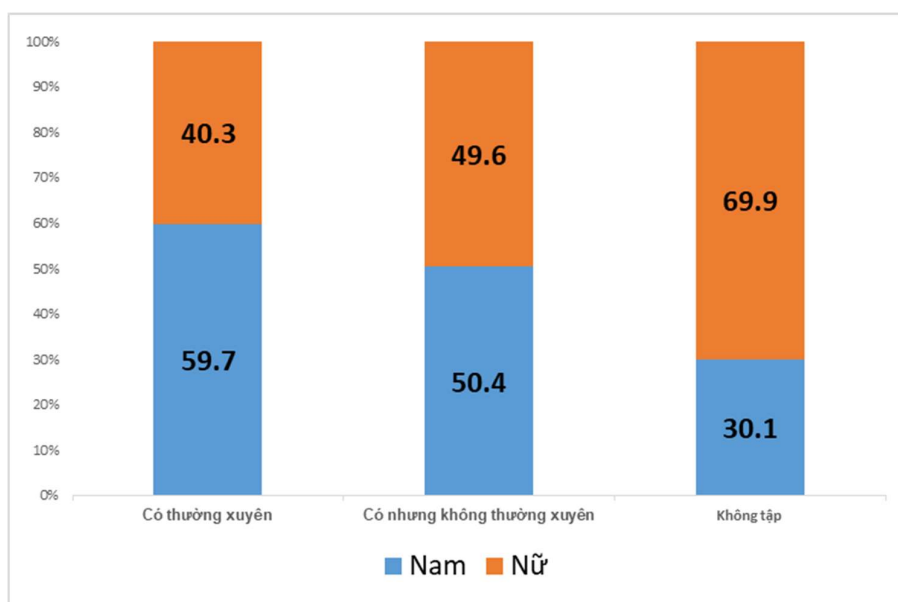


Biểu đồ 3.6. Tỷ lệ các môn thể thao học sinh tham gia tập luyện của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Tỷ lệ học sinh muốn tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ học sinh thực tế tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa ở cả nam và nữ. Mức chênh lệch đạt được xấp xỉ 20%. Như vậy, có rất nhiều học sinh muốn tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa nhưng chưa tham gia tập luyện. Nếu có những biện pháp hợp lý, tìm hiểu nguyên nhân rõ ràng có thể thu hút thêm nhóm đối tượng này tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa. Tương ứng là số lượng học sinh có nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khóa các môn thể thao cũng cao hơn rất nhiều so với số lượng học sinh tham gia tập luyện thực tế ở cả nam và nữ. Tỷ lệ học sinh có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa cũng phân tán giữa các môn.

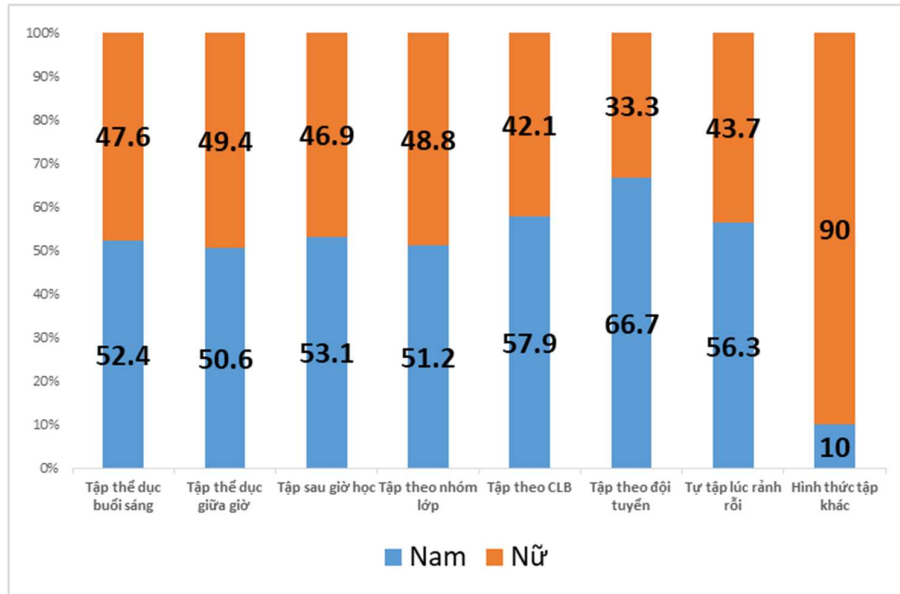
Nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khóa nhiều nhất ở học sinh nam tập trung vào các môn Bóng đá, Đá cầu, Võ, nhưng bóng đá được các em lựa chọn nhiều nhất chiếm 34.5%, đá cầu 16.6% các môn khác có tỷ lệ phân tán hơn và thấp hơn. Thấp nhất thuộc về môn Cờ.

Nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khóa nhiều nhất ở học sinh nữ tập trung vào các môn Đá cầu, Võ thuật và Cầu lông. Tỷ lệ chênh lệch giữa các môn này thấp hơn so với nam.



Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ mức độ tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

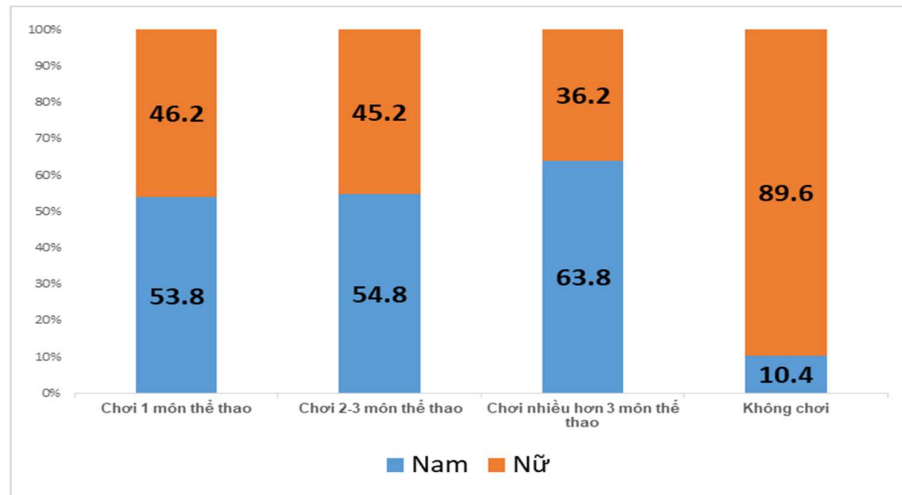
Về mức độ tham gia hoạt động ngoại khóa TDTT: học sinh tham gia thường xuyên chiếm 34.9% và thường tập nhỏ hơn 30 phút/ ngày. Tỷ lệ học sinh tham gia nhưng không thường xuyên chiếm tỷ lệ lớn nhất khoảng 56%. Số học sinh không tham gia tập luyện ngoại khóa là 136 em chiếm khoảng gần 10% và chủ yếu là nữ, chiếm gần 70%. Để thể hiện rõ hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa của học sinh trường THCS tại tỉnh Bắc Ninh, luận án minh họa tại biểu đồ 3.8.



Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ về hình thức hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh một số trường trung học cơ sở tại tỉnh Bắc Ninh

Qua biểu đồ 3.8 cho thấy học sinh chủ yếu tham gia tập vào giờ thể dục giữa giờ (chiếm 37.4%) và tập sau giờ học (25,1%), số ít học sinh còn lại lựa chọn tham gia hoạt động theo nhóm lớp hoặc CLB... Trong đó, học sinh nam tham gia hoạt động TDTT nhiều hơn học sinh nữ. So sánh bằng thông số χ^2 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.001$.

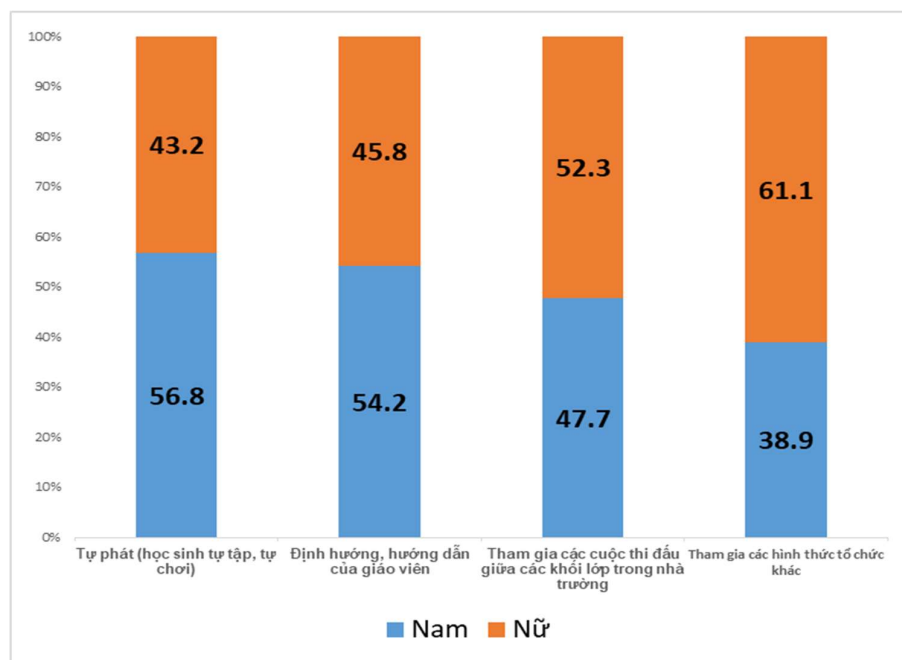
Để thể hiện rõ số lượng môn thể thao học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh tham gia hoạt động ngoại khóa, luận án minh họa tại biểu đồ 3.9.



Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ số lượng môn thể thao học sinh tham gia của các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Về số lượng môn thể thao học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa: có tỷ lệ đồng đều ở các mức chơi 1 môn thể thao (45.6%) và chơi từ 2-3 môn thể thao (43.5%), tỷ lệ học sinh chơi nhiều hơn 3 môn thể thao chiếm tỷ lệ thấp hơn. Bên cạnh đó còn nhiều học sinh không tham gia môn thể thao nào (6.8%) trong đó học sinh nữ nhiều hơn học sinh nam. So sánh bằng thông số χ^2 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $\chi^2 > \chi^2$ ở ngưỡng $P < 0.001$.

Đánh giá về cách thức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa luận án thể hiện tại biểu đồ 3.10.



Biểu đồ 3.10. Tỷ lệ đánh giá cách thức tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Về cách thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa chưa thực sự phong phú và đa dạng. Trong đó, học sinh nam nhiều hơn học sinh nữ. So sánh bằng thông số χ^2 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng < 0.001 , cụ thể:

Học sinh hoạt động TDTT ngoại khóa tự phát (tự chơi, tự tập) chiếm tỷ lệ cao là 48.9%. Hoạt động TDTT ngoại khóa có định hướng, hướng dẫn của giáo viên chiếm tỷ lệ hạn chế là 17,6%. Tổ chức các cuộc thi đấu giữa các khối lớp trong nhà trường có tỷ lệ ít chiếm 15.4%.

Về nguyên nhân học sinh tham gia hoạt động TDTT: kết quả phỏng vấn cho thấy còn nhiều nguyên nhân. Trong đó, học sinh nam nhiều hơn học sinh nữ. So sánh bằng thông số χ^2 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng nam và nữ với $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất $p < 0.001$, cụ thể: Nguyên nhân do không có thời gian rảnh rỗi là 20.1%; Do không có người hướng dẫn, chỉ dạy là 30.1%; Do sức khỏe không cho phép có tỷ lệ rất ít là 0.2%; Do không ưa thích môn thể thao nào chiếm tỷ lệ là 6.1%; Do các môn thể thao không hấp dẫn là 26.9% và các nguyên nhân khác là 16.6%.

Tóm lại: các hoạt động TDTT ngoại khóa của học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh đã được sự quan tâm của các thầy cô giáo cũng như của nhà trường, tuy nhiên chưa thực sự phát triển như mong muốn và kỳ vọng. Kết quả phỏng vấn 1.418 em học sinh (cả nam và nữ) cho thấy tỷ lệ học sinh thường xuyên tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa còn hạn chế, các hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa thiếu sinh động, số lượng môn thể thao học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa còn ít, cách thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa chủ yếu là sự tự phát. Bên cạnh đó, nguyên nhân của việc học sinh ít hoặc không tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa không phải do các em không ưa thích thể thao mà do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Nhân tố sân tập:

Đối với tất cả các trường học thì CSVC là một trong những yếu tố quan trọng để duy trì và phát triển các môn thể thao, là điều kiện trực tiếp để phục vụ

cho công tác giảng dạy của giáo viên cũng như việc tập luyện của các em học sinh khi tham gia học GDTC. Do đó, đề tài tiến hành điều tra, khảo sát kết hợp với phỏng vấn để tìm hiểu các thông tin về CSVC phục vụ tập luyện môn bóng đá của các trường THCS tỉnh Bắc Ninh. Kết quả khảo sát thu được trình bày ở bảng 3.13.

Bảng 3.13. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ môn Bóng đá trong các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=15)

CSVC	Tổng		Tỷ lệ trung bình/ Trường	Chất lượng	Mức độ đáp ứng nhu cầu /trường
	Số lượng	Diện tích (m ²)			
I. Sân tập, nhà tập có khán đài					
Sân vận động (sân)	0				
Nhà thể thao (nhà)	0				
Bể bơi (bể)	7				
<i>Các loại khác</i>	0				
II. Sân tập, nhà tập không có khán đài có thể phục vụ môn bóng đá					
Sân vận động (sân)	29	750	0.29	Tốt	Khá
Điền kinh (sân)	100	-	1	Trung bình	Trung bình
Quần vợt (sân)	0	-	-		
Bóng chuyền (sân)	1	-	0.08	Trung bình	Thấp
Bóng rổ (sân)	0	-	-		
Nhà tập luyện (nhà)	30	900	0.30	Tốt	Thấp
Bể bơi (bể)	2	-	0.14	-	-
Đường chạy điền kinh (đường)	0	-	-	-	-
<i>Các loại khác (sân chơi, bãi tập)</i>	2	600	0.14	-	-
III. Dụng cụ tập luyện					
Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ trung bình (%)	Chất lượng	Mức độ đáp ứng nhu cầu
Bóng đá	(quả)	35	0.35	Khá	Thấp
Gôn, lưới môn bóng đá	(bộ)	8	0.57	Trung bình	Thấp

Qua bảng 3.13 cho thấy: Số lượng trường có sân bóng đá ở mức thấp chiếm 29% đó là Trường trung học cơ sở Lê Văn Thịnh huyện Gia Bình, trường THCS Từ Sơn, Thành phố Từ Sơn, trường THCS Suối Hoa, THCS Đình Bảng, THCS Nguyễn Văn Cừ, trường THCS Vũ Kiệt, Thuận Thành... Đó là những trường có số lượng sân bóng và cột gôn chất lượng tốt. Sân bóng đá ở các trường còn lại nhỏ hơn so với tiêu chuẩn quy định, ít được tu sửa nên chất lượng sân và cột gôn chỉ đạt mức trung bình yếu. Với các loại sân tập, nhà tập có khán đài, hầu hết các trường THCS tỉnh Bắc Ninh trong nhóm trường được khảo sát đều không có các loại sân tập này.

Nếu tính tỷ lệ trung bình các loại sân tập, nhà tập không có khán đài trên tổng số trường khảo sát thì tỷ lệ cao nhất mới chỉ đạt 0.43 nhà tập luyện/trường, có nghĩa là cứ 4 trường khảo sát mới có gần 2 trường có nhà tập thể chất không có khán đài. Các loại sân tập, nhà tập khác còn chiếm tỷ lệ ít hơn. Các loại sân tập, nhà tập đều được đánh giá chất lượng ở mức trung bình trở lên. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng thì đều ở mức độ thấp.

Với các dụng cụ tập luyện: Số lượng gôn, bóng, lưới số lượng rất ít, chất lượng chủ yếu ở mức độ trung bình và mức độ đáp ứng nhu cầu rất thấp nếu so sánh với số lượng học sinh tham gia học tập môn bóng đá cả nội khóa và ngoại khóa. Đây không chỉ là khó khăn trong công tác GDTC cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh mà là đặc điểm chung trong công tác GDTC tại các trường học trên cả nước.

Tóm lại, CSVC phục vụ phát triển môn bóng đá trong các trường THCS tỉnh Bắc Ninh còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập GDTC nội khóa và ngoại khóa của học sinh. Chính vì vậy, cần có những giải pháp phù hợp trong sử dụng CSVC cũng như nâng cao số lượng và chất lượng CSVC phục vụ GDTC nội khóa và hoạt động thể thao ngoại khóa cũng như để phát triển môn bóng đá cho đối tượng nghiên cứu.

Nhân tố năng lực giáo viên:

Đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên môn học Thể dục tại 15 trường THCS tỉnh Bắc Ninh (danh sách các trường được trình bày tại phụ lục 9) thông qua phân

tích hồ sơ cán bộ và phỏng vấn trực tiếp các giáo viên Thể dục tại các Trường. Thời điểm thống kê: Năm học 2019-2020. Kết quả được trình bày tại bảng 3.14.

Bảng 3.14. Thực trạng đội ngũ giáo viên Thể dục tại các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 15 trường)

Trường	Tổng số	Tỷ lệ HS/GV	Giới tính		Trình độ		Thâm niên (năm)		Chuyên ngành bóng đá
			Nữ	Nam	Sau đại học	Đại học	>10	<10	
Tổng số GV	32	-	12	20	3	29	17	15	2
Tổng số HS	11375	355.4	-	-	-	-	-	-	-
Tổng số lớp	267	8.9	-	-	-	-	-	-	-
Tỷ lệ GV/trường	2.14	-	-	-	-	-	-	-	-

Qua bảng 3.14 cho thấy: Trong 15 trường khảo sát có tổng số 32 GV Thể dục (không tính giáo viên kiêm nhiệm giảng dạy Thể dục tại các trường). Như vậy, trung bình mỗi trường có 2.13 giáo viên Thể dục. Trong 15 trường khảo sát có tổng số 11375 học sinh, với tổng số 267 lớp. Như vậy, trung bình mỗi giáo viên thể dục phải giảng dạy 8.9 lớp học, tương đương 355 học sinh. Đây là con số tính riêng cho giờ học GDTC chính khóa, chưa tính hoạt động Thể thao ngoại khóa. Trên thực tế, vì trường THCS Đình Bảng, THCS Châu Khê và THCS Thị trấn Chờ có tới 3 giáo viên Thể dục nên các trường còn lại, chủ yếu là 2 giáo viên thể dục. Như vậy, có thể thấy số lượng giáo viên Thể dục tại các trường còn rất thiếu, dẫn tới giáo viên phải làm việc nhiều, ít có thời gian chăm lo cho hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh.

Về đặc điểm đội ngũ giáo viên Thể dục tại các trường trong diện khảo sát: Có khoảng 40% số giáo viên Thể dục là nữ. Trong 32 GV, chỉ có 03 có trình độ sau đại học (thạc sĩ) số còn lại đều có trình độ đại học, không có GV có trình độ dưới đại học. Thâm niên công tác của các giáo viên có trên 50% là từ 10 năm trở lên, đây là lực lượng GV có kinh nghiệm giảng dạy và có trình độ chuyên môn tốt. Tuy nhiên, trong thời gian 3 năm tính tới thời điểm tiến hành khảo sát, chỉ có

02 giáo viên Thể dục được đào tạo về chuyên ngành bóng đá và được cử tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật các kiến thức mới. Đây là một trong số những vấn đề dẫn tới hạn chế trong đổi mới phương pháp dạy học cũng như cập nhật các kiến thức, phương pháp mới trong dạy học Thể dục nói chung và phát triển bóng đá học đường nói riêng trong các trường THCS tỉnh Bắc Ninh, và cần có các giải pháp phù hợp để cải thiện vấn đề trên.

Như vậy, có thể thấy đội ngũ giáo viên dạy học Thể dục tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh còn thiếu về số lượng và chưa được thường xuyên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn cũng như cập nhật các kiến thức mới trong dạy học môn học này.

Nhân tố quy hoạch:

Luận án tiến hành thống kê và đánh giá hiện trạng các sân tập tại tỉnh Bắc Ninh, bao gồm: Thành phố Bắc Ninh, Thành phố Từ Sơn, thị xã Thuận Thành, thị xã Quế Võ, huyện Lương Tài, huyện Yên Phong, huyện Gia Bình.

Bảng 3.15. Cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ phong trào tập luyện Bóng đá tại tỉnh Bắc Ninh

TT	CSVC/Dịch vụ	Số lượng	Hiện trạng
1	Sân bóng đá (ngoài trời)	60	Có 40 sân mới, 20 sân cũ chất lượng mặt sân khá
2	Phòng thay đồ, nhà vệ sinh	40	Tốt
3	Phòng y tế	08	Dùng chung, đáp ứng tốt
4	Cho thuê đồ	50	Đầy đủ dịch vụ
5	Trọng tài	50	Đáp ứng nhu cầu

Qua kết quả bảng 3.15 cho thấy: số sân bóng đáp ứng tốt nhu cầu tập luyện có tổng cộng 60 sân, trong đó có 40 sân mới, 20 sân cũ chất lượng mặt sân khá.

Về CSVC: toàn bộ các sân lớn đều có phòng thay đồ, tuy nhiên chỉ có 8 đơn vị là có phòng y tế.

Về dịch vụ: có 50 đơn vị có cho thuê đồ, cho thuê trọng tài.

Định hướng của các cơ quan ban ngành về phát triển môn Bóng đá.

Để tìm hiểu về định hướng phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá, đề tài đã trực tiếp phỏng vấn cán bộ phòng GD&ĐT Thành phố Bắc Ninh và lãnh đạo một số trường THCS trên địa bàn về định hướng phát triển môn bóng đá. Trên cơ sở đó đã tổng hợp và thu được kết quả như sau:

Về phía phòng GD&ĐT thành phố Bắc Ninh rất ủng hộ việc phát triển môn bóng đá. Tuy nhiên, các trường cần căn cứ trên cơ sở thực tiễn xây dựng kế hoạch và đề xuất bổ sung, điều chỉnh môn bóng đá vào chương trình học chính khóa hoặc ngoại khóa, trên cơ sở đó phòng sẽ xem xét để đưa nội dung bóng đá vào chương trình môn thể dục, thể thao tự chọn để môn này được phát triển rộng rãi trong các trường học.

Về phía các đơn vị nhà trường, hầu hết các lãnh đạo nhà trường khi được hỏi đều cho biết: Nhà trường có định hướng đề xuất xây dựng CSVC và tổ chức cho học sinh học tập môn bóng đá. Ngoài ra hàng năm, một số trường còn đề nghị xin bổ sung giáo sinh thực tập chuyên ngành bóng đá về trường dạy để đẩy mạnh phong trào tập luyện bóng đá của nhà trường.

Như vậy, nhìn chung các trường cũng như Sở GD&ĐT đều ủng hộ và có định hướng cho việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh. Đây là một nhân tố quan trọng, phù hợp cho sự phát triển phong trào tập luyện bóng đá của học sinh THCS của tỉnh.

3.1.2. Đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Ngày 18 tháng 12 năm 2007, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định Số: 89/2007/QĐ-UBND Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2006 - 2015 và định hướng đến năm 2020” [76]. Trong đó có 07 giải pháp phát triển tổng thể phong trào TDTT trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, đây là các giải pháp chung, định hướng phát triển toàn diện cả phong trào tập luyện TDTT thường xuyên trong nhân dân; Đầu tư phát triển thể thao thành tích cao; nâng cao chất lượng GDTC trong nhà

trường phổ thông; đổi mới quản lý nhà nước về TDTT; Quy hoạch đất giành cho các công trình TDTT các cấp, tăng cường đầu tư xây dựng CSVC các công trình TDTT cũng như thực hiện xã hội hoá hoạt động TDTT, chứ chưa có các giải pháp chi tiết. Đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào bóng đá học đường cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thông qua khảo sát 15 trường THCS thuộc các khối trường trọng điểm, trường thuộc khu vực thành thị và trường thuộc khu vực nông thôn bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Kết quả cho thấy:

Việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá học đường cho học sinh đã được Ban giám hiệu các trường và các giáo viên Thể dục rất quan tâm, tuy nhiên, các biện pháp, giải pháp được sử dụng trong phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh mới chỉ dừng lại ở việc khắc phục các vấn đề mang tính chất tình huống, thời điểm. Sau khi áp dụng các giải pháp, biện pháp, việc đánh giá tác động của các giải pháp, biện pháp chưa được rộng rãi.

Việc đề xuất các giải pháp, biện pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh chưa được tiến hành trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác GDTC cho học sinh mà chỉ được tiến hành trên cơ sở một hoặc một vài biểu hiện phát sinh trong quá trình dạy, học môn học GDTC.

Việc đề xuất các giải pháp, biện pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh mới chỉ được tiến hành riêng lẻ trong phạm vi thành phố Từ Sơn và chưa có các giải pháp hiệu quả chưa được tiến hành đồng bộ trên nhiều trường để giải quyết các vấn đề chung cũng như hỗ trợ nhau trong quá trình dạy học môn học GDTC.

Nhiều trường học có nhận thức đúng các vấn đề phát sinh trong quá trình dạy học môn học GDTC cho học sinh nhưng chưa có các biện pháp điều chỉnh, chưa tác động các giải pháp phát huy các ưu thế và khắc phục các nhược điểm trong quá trình dạy và học môn học này.

Để có những giải pháp đồng bộ, có hiệu quả để phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh nói chung và cho học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh nói riêng cần có những phân tích sâu về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng

trên căn cứ áp dụng các cơ sở khoa học lý luận và thực tiễn, nghiên cứu đề xuất các giải pháp giải quyết đồng bộ các vấn đề phát sinh trên cơ sở phát huy tối đa các ưu điểm, tiềm năng sẵn có để phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh.

Qua nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh có thể rút ra các thuận lợi và khó khăn cơ bản sau:

Thuận lợi:

Tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện tốt chương trình GDTC theo quy định; Nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh về tầm quan trọng của công tác GDTC và việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá của học sinh đa số là đúng đắn, đây là một ưu thế nổi bật để phát triển công tác GDTC cho học sinh; Công tác GDTC tại các trường THCS tỉnh Bắc Ninh đã được Chi ủy, Ban giám hiệu các trường quan tâm đầy đủ, hợp lý.

Việc tổ chức giờ học GDTC cho học sinh đã được tiến hành theo quy định với cả dạy học lý thuyết và dạy học thực hành; Các phương pháp dạy học về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu giảng dạy; Các phương tiện GDTC tại các trường tương đối đa dạng. Học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh tập luyện thể thao ngoại khóa đa dạng cả về nội dung và hình thức; Học sinh có nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa cao; Một số trường đã chú ý tới việc sử dụng các giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh.

Khó khăn:

Vẫn còn những nhận thức chưa tích cực, thiếu chính xác về lợi ích, tác dụng của bóng đá học đường, lực lượng giáo viên và CSVC phục vụ công tác GDTC nói chung và phát triển bóng đá học đường nói riêng còn thiếu cả về số lượng và chất lượng.

Học sinh phần lớn tập luyện thể thao ngoại khóa theo hình thức tự phát nên hiệu quả chưa cao. Cần có các giải pháp tác động nhằm nâng cao mức độ yêu thích và tính tích cực của học sinh trong hoạt động nội khóa cũng như ngoại khóa.

Việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá học đường cho học sinh đã được quan tâm và đã có những biện pháp, giải pháp được áp dụng để khắc phục những vấn đề phát sinh. Tuy nhiên, các biện pháp, giải pháp mới chỉ khắc phục các vấn đề mang tính tình huống, ứng dụng riêng lẻ trong phạm vi từng trường và chưa được nghiên cứu xác định tính hiệu quả của các giải pháp đã áp dụng.

3.1.3. Bàn luận kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 1

Bàn luận về thực trạng phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường trung học cơ sở Tỉnh Bắc Ninh

Khác với các công trình nghiên cứu của các tác giả có liên quan trong lĩnh vực GDTC và thể thao trường học như: Âu Xuân Đôn (2001) [36], Mai Thị Thu Hà (2001) [38], Trần Hữu Hùng (2014) [44], Đồng Thị Hương Lan (2016) [47], Trần Dũng (2017), Lê Thị Thanh Thủy (2018), Nguyễn Mỹ Việt (2021)... Trong quá trình nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, tiếp cận từ quan điểm: Việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh phụ thuộc vào các yếu tố như: Các điều kiện kinh tế, xã hội; chế độ dinh dưỡng; hoạt động vận động; môi trường... Tuy nhiên, khi nghiên cứu phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, địa bàn nghiên cứu đã được xác định chi tiết, kèm theo các điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường sống và sinh hoạt cũng là những yếu tố được xác định. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án đặc biệt quan tâm tới nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới phát triển phong trào tập luyện bóng đá của học sinh trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thông qua các yếu tố cá nhân, các yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội, các yếu tố chính sách. Trên cơ sở góc độ tiếp cận trên, luận án đã tiến hành lựa chọn được 21 nhân tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thuộc 3 nhóm gồm:

Nhóm các yếu tố cá nhân (3 yếu tố);

Nhóm các yếu tố môi trường, văn hóa-xã hội (3 yếu tố);

Nhóm các yếu tố chính sách (2 yếu tố).

Ngoài ra, luận án tiến hành đánh giá định hướng của các cơ quan ban ngành về phát triển bóng đá học đường của tỉnh, chiến lược phát triển bóng đá nói chung của tỉnh. Điểm khác biệt nữa là luận án tiến hành đánh giá sâu một số nhân tố tác động trực tiếp, thực trạng trình độ thể lực của học sinh và tỷ lệ phân loại trình độ thể lực của học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với quan điểm tiếp cận, đặc điểm thể lực của học sinh phụ thuộc vào tính chất vùng miền cũng như đặc điểm trường, luận án đã tiến hành so sánh trình độ thể lực của học sinh thuộc khối các trường trọng điểm (phân loại theo đặc điểm trường), khối các trường khu vực thành thị và khối các trường khu vực nông thôn (phân loại theo địa giới hành chính). Kết quả cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về trình độ thể lực của học sinh theo các nhóm trường THCS tỉnh Bắc Ninh. Điều này giúp khẳng định, khi lựa chọn và xây dựng giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh không cần tiến hành phân nhóm giải pháp theo các khối trường. Đây là căn cứ quan trọng trong nghiên cứu các nhiệm vụ tiếp theo của luận án.

Một điểm khác biệt nữa so với các đề tài đã nghiên cứu trước, quá trình nghiên cứu luận án đã tiến hành đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Việc làm này giúp đánh giá chính xác những giải pháp, biện pháp đã được ứng dụng trong phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS trên địa bàn nghiên cứu, trên cơ sở đó, tính toán kế thừa các ưu điểm và khắc phục các nhược điểm trong quá trình lựa chọn và ứng dụng các giải pháp.

Bàn luận về kết quả đánh giá thực trạng các yếu tố cá nhân ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh trung học cơ sở Tỉnh Bắc Ninh.

Luận án đã tiến hành khảo sát thực trạng trình độ thể lực của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở 04 test đánh giá trình độ thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả cho thấy, trình độ thể chất của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh cao hơn nhiều so với kết quả điều tra thể chất nhân dân năm 2001, nhìn

hơn một chút so với kết quả kiểm tra trình độ thể lực của học sinh THCS miền Bắc Việt Nam theo kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Đức Dũng và cộng sự năm (2014) [34]. Song song với đó, luận án tiến hành phân loại trình độ thể lực của học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả cho thấy, đa số học sinh có trình độ thể lực mức đạt (trên 60%); tỷ lệ học sinh có trình độ thể lực đạt tốt chỉ xấp xỉ 20%. Tuy nhiên, vẫn còn tới 17% số học sinh nam và 19% số học sinh nữ trong diện khảo sát có trình độ thể lực ở mức không đạt. Sức bền và khả năng phối hợp vận động là 2 nội dung có kết quả kiểm tra thể lực thấp nhất của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Tỷ lệ học sinh các khối không có sự khác biệt nhiều về kết quả phân loại trình độ thể lực. Đồng thời, với quan điểm trình độ thể lực của học sinh phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế, xã hội, môi trường sống... nên luận án đã tiến hành so sánh trình độ thể lực của học sinh theo các nhóm trường: Nhóm trường trọng điểm (phân theo đặc điểm trường), nhóm trường khu vực thành phố và nhóm trường khu vực nông thôn (phân theo địa giới hành chính). Kết quả so sánh trình độ thể lực của học sinh các khối trường trọng điểm, khối trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn có xu hướng chung là kết quả kiểm tra thể lực của học sinh khối trường trọng điểm có thấp hơn khối trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn, nhưng sự khác biệt kết quả kiểm tra giữa các nhóm chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P > 0.05$. Như vậy, có thể nói, thể lực của học sinh các nhóm trường khác nhau là tương đương nhau. Như vậy, khi lựa chọn và xây dựng giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, không cần xây dựng riêng các giải pháp cho từng khối trường mà có thể áp dụng chung hệ thống các giải pháp cho tất cả các trường.

Về thực trạng nhận thức của phụ huynh, học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh về vai trò, tác dụng của tập luyện bóng đá: Nếu như phụ huynh và học sinh nhận thức chính xác về vấn đề này, đây là lợi thế trong quá trình nâng cao chất lượng, hiệu quả GDTC và phát triển tốt phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Có hơn 70% phụ huynh và

học sinh cho rằng môn bóng đá giúp cho học sinh phát triển thể chất, tinh thần, giảm stress, phát triển trí tuệ tư duy, tính đồng đội. Tuy nhiên vẫn có tới có tới hơn 20% chưa nhận thức đúng về vấn đề này, coi tập bóng đá hay tập luyện TDDT là không quan trọng, gây tốn kém thời gian, tốn kém tiền bạc, không có tác dụng và gây mệt mỏi, ảnh hưởng xấu tới việc học... con số 26% là không lớn nhưng sẽ là đối tượng có thể gây ảnh hưởng không tốt tới những học sinh có nhận thức chưa chắc chắn, động cơ tập luyện TDDT chưa bền vững. Chính vì vậy, cần có các giải pháp tác động nhằm nâng cao nhận thức của nhóm đối tượng này về vị trí, vai trò của phát triển bóng đá học đường và thể thao trường học.

Đây là căn cứ quan trọng định hướng các bước nghiên cứu tiếp theo của luận án.

Bàn luận về kết quả đánh giá thực trạng các yếu tố môi trường, văn hóa-xã hội ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

Gia đình, bạn bè, các yếu tố ngoại cảnh có tác động lớn tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Về yếu tố gia đình: Có 46% ý kiến phụ huynh cho rằng họ sẵn sàng đồng hành cùng con trong việc tham gia tập luyện bóng đá. Về phía học sinh thì 42% cho rằng bố mẹ các em sẽ đồng hành ủng hộ các em tham gia. Bên cạnh đó 23% phụ huynh lo lắng không cho con tham gia tập luyện bóng đá vì lo ngại chấn thương trong tập luyện, thi đấu. Nếu phụ huynh được cung cấp đầy đủ thông tin phòng ngừa chấn thương và an toàn khi tập luyện, giảm bớt nỗi lo lắng họ sẽ yên tâm hơn khi cho con, em mình tham gia tập luyện. Nhân tố hỗ trợ chi phí dụng cụ, tập luyện, thi đấu được phụ huynh tán thành từ 10-21% đây là con số không lớn nhưng cũng thể hiện sự đầu tư, quan tâm của phụ huynh tới phong trào tập luyện môn bóng đá. Sự khuyến khích củng cố từ cha mẹ, anh, chị, em có thể nuôi dưỡng thái độ tích cực đối với tập luyện môn bóng đá và thúc đẩy các cá nhân tích cực tham gia.

Thái độ của bạn bè cũng là yếu tố ảnh hưởng tới các em học sinh khi tham gia tập luyện môn bóng đá. Khi bạn bè không tham gia và có thái độ tiêu cực cũng là rào cản để các em hướng tới việc tập luyện, 49% các em học sinh cho rằng thái độ tiêu cực từ bạn bè ảnh hưởng tới việc tham gia tập luyện của các em, 51% các em cho rằng nếu có bạn bè cùng chơi, cùng tham gia tập luyện sẽ là động lực để các em tham gia.

Ảnh hưởng của ngoại cảnh tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá: Có 45% các em học sinh dù đam mê bóng đá nhưng các em lại ít cơ hội được tham gia các sự kiện, tổ chức, hoạt động liên quan tới bóng đá do không ở gần các cơ sở và không có điều kiện tập luyện tốt nhất. 27% học sinh cho rằng nếu như các em được động viên khen thưởng thì sẽ có động lực hơn tham gia tập luyện môn bóng đá. Những người có ảnh hưởng như ngôi sao bóng đá, thần tượng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thái độ của các em đối với thể thao. Và 38% các em cho rằng các em được truyền cảm hứng từ các ngôi sao, thần tượng.

Bàn luận về kết quả đánh giá thực trạng các yếu tố chính sách ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh Trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

Về nội dung hoạt động thể thao ngoại khóa: Học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh hoạt động thể thao ngoại khóa các môn rất đa dạng. Các môn thể thao được học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh yêu thích tập luyện thể thao ngoại khóa nhiều nhất gồm: Bóng đá, võ thuật, đá cầu. Các môn thể thao được tập luyện ngoại khóa nhiều nhất ở nam là Bóng đá, Đá cầu, Võ. Các môn được yêu thích và tập luyện nhiều nhất ở nữ là Đá cầu, võ thuật, Cầu lông. Các môn thể thao khác chiếm tỷ lệ ít hơn. Kết quả nghiên cứu của luận án có khác so với kết quả nghiên cứu của một số tác giả quan tâm tới vấn đề tập luyện thể thao ngoại khóa trước đó như: Tác giả Trần Kim Cương [30] khi nghiên cứu tỷ lệ % học sinh các trường học (tiểu học, THCS, THPT và CD dạy nghề) tỉnh Ninh Bình, tập luyện thể thao ngoại khóa trên tổng số học sinh, tập trung nhiều nhất ở các môn: bóng đá (4.2%), cầu lông (3.7%), điền kinh (3.3%), bóng bàn (1.04%), đá cầu

(0.84%), cờ vua (0.78%), võ thuật (0.3%). Và khác xa với kết quả mà tác giả Trần Thị Xoan [81] ghi nhận thực trạng các môn được SV nữ đại học Cần Thơ tập luyện năng khiếu là: điền kinh (29.31%), phối hợp nhiều môn (26.72), thể dục (16.68%), bóng đá (4.2%), bóng chuyền (6.7%), bóng bàn (6.51%) và cầu lông (8.05%). Hay tác giả Nguyễn Đức Thành [63] khi nghiên cứu về thực trạng hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh đã cho thấy các môn thể thao được SV yêu thích tập luyện nhiều nhất là bóng đá - 25.83%, bóng chuyền - 15.41%, cầu lông - 12.94%, bơi lội - 7.39%, võ thuật - 7.1% và bóng rổ - 7.04%. Số lượng học sinh các trường THCS tham gia tập luyện ngoại khóa chủ yếu 1-2 môn thể thao. Chỉ có 4.09% tổng số học sinh tham gia tập luyện trên 3 môn thể thao ngoại khóa. Điều này có thể giải thích do đặc điểm lứa tuổi học sinh, điều kiện địa lý, kinh tế, văn hóa... của từng vùng miền đã có ảnh hưởng đáng kể tới thực trạng nội dung tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh trong trường học các cấp. Tỷ lệ học sinh có nhu cầu tập luyện môn bóng đá lớn nhất chính là cơ sở quan trọng nhất để có thể phát triển môn bóng đá cho học sinh.

Về mức độ tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên có tới 34.98% tổng số học sinh tham gia tập luyện. Đây là tín hiệu rất đáng mừng để nâng cao thể chất của học sinh. Chỉ có một số rất ít chiếm khoảng 10% là không tập ngoại khóa bao giờ. Có tới 50% tổng số học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa khoảng 30 phút/lần.

Về hình thức tập luyện thể thao ngoại khóa và cách thức tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa: Học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh tập luyện thể thao ngoại khóa chủ yếu theo hình thức tổ chức tập luyện không có người hướng dẫn và hình thức tự tập luyện là chính. Các hình thức tập luyện theo các CLB thể thao và theo nhóm, lớp cũng được đông đảo học sinh tham gia tập luyện, hình thức tập luyện có ít học sinh tham gia tập luyện thường xuyên nhất là tập luyện theo đội tuyển thể thao. Kết quả nghiên cứu này trùng với kết quả nghiên cứu của các tác giả Hoàng Minh Tản [62] khi nghiên cứu về SV thuộc Đại học

Thái Nguyên; tác giả Nguyễn Ngọc Việt [79] khi nghiên cứu về học sinh tiểu học: “Hoạt động thể thao ngoại khóa còn mang nặng tính tự phát, chưa thường xuyên và chưa có hệ thống, tập luyện chủ yếu theo mùa vụ, tự do và chưa có hướng dẫn tập luyện...”; tác giả Trần Thị Xoan [81] khi nghiên cứu về phong trào thể thao ngoại khóa của nữ SV Cần Thơ hay tác giả Nguyễn Đức Thành [63]: “Thực trạng hình thức tập luyện thể thao ngoại khóa của SV các trường Đại học Thành phố HCM là đa dạng nhưng cũng khá tản mạn, tự phát...”. Đây cũng là khó khăn chung của hoạt động thể thao ngoại khóa trong trường học các cấp tại Việt Nam do thiếu lực lượng GV, cán bộ hướng dẫn môn học GDTC; công tác xã hội hóa trong tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong trường học các cấp cũng còn gặp nhiều khó khăn, chưa phát triển ở nhiều nơi. Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, việc phát triển các CLB thể thao ngoại khóa trong trường học các cấp nói chung và trong các trường THCS nói riêng là tương đối phát triển; học sinh tham gia các CLB thể thao ngoài trường học (như bóng đá cộng đồng, Dance Sport, Gym, Rumba, võ thuật, cầu lông, bóng rổ...) là tương đối phát triển hơn so với học sinh ở một số tỉnh khác. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa cho học sinh, vấn đề này vẫn cần được chú ý hơn nữa. Tuy nhiên đây là tín hiệu tốt để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho các em.

Về nguyên nhân không tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa: Kết quả nghiên cứu đã cho thấy tỷ lệ học sinh muốn tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ học sinh thực tế tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa ở cả nam và nữ. Mức chênh lệch xấp xỉ 20%. Như vậy, có rất nhiều học sinh muốn tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa nhưng chưa tham gia tập luyện. Học sinh có nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa cao hơn số người đã tham gia tập luyện nhiều, chứng tỏ, nếu có các giải pháp tác động phù hợp sẽ giúp thu hút đông đảo hơn số lượng học sinh tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa. Việc phát triển phong trào thể thao ngoại khóa tại các trường THCS tỉnh Bắc Ninh là có tiềm năng. Có 13% tổng số học sinh không tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa cho rằng không có thời gian để tham gia, hơn 22% cho rằng không có

người hướng dẫn và có 19% cho rằng các môn thể thao ngoại khóa chưa hấp dẫn. Nếu như việc tập luyện thể thao ngoại khóa mà các em có thể tập luyện môn thể thao mình yêu thích thì sẽ là động lực rất lớn. Số lượng học sinh đam mê môn bóng đá là rất lớn nên nếu tổ chức tốt hoạt động thể thao ngoại khóa sẽ phát triển được phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh. Khi tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh cần đặc biệt chú ý tới những vấn đề này.

Về thực trạng CSVC phục vụ công tác GDTC và tập luyện môn bóng đá trong trường học: Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy: Thực trạng CSVC phục vụ GDTC còn thiếu cả về số lượng và yếu về chất lượng, mức độ đáp ứng nhu cầu học tập GDTC nội khóa và thể thao ngoại khóa cho học sinh đều ở mức thấp. Điều này cũng tương đồng với thực tế công tác GDTC và thể thao trường học trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể: Khi đánh giá về CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập môn học thể dục tại các trường THCS tỉnh Bắc Ninh cho thấy các loại nhà tập có khán đài, nhà tập không có khán đài và các công trình kiên cố phục vụ GDTC còn rất hạn chế tại các trường; các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện khác tương đối đa dạng về thể loại nhưng rất ít về số lượng, chất lượng chủ yếu ở mức độ trung bình và mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng chỉ ở mức độ thấp. Thiếu hụt về CSVC, trang thiết bị dụng cụ phục vụ công tác giảng dạy, tập luyện môn học GDTC nội khóa và ngoại khóa là thực trạng chung trong trường học các cấp trên cả nước hiện nay. Còn CSVC để phát triển môn bóng đá trong trường học thì chỉ có 29% số lượng trường có sân bóng đá đó là các trường mới được xây dựng và sửa chữa như: THCS Hoàng Hoa Thám, trường THCS Suối Hoa, Trường THCS Đình Bảng... còn lại các trường khác có thể tận dụng sân điền kinh mức trung bình để làm sân bóng đá. Chính vì vậy, cần thiết phải có những giải pháp giúp tận dụng, bảo quản và phát huy hiệu quả của hệ thống CSVC sẵn có, đồng thời có những biện pháp giúp tăng cường CSVC như các biện pháp xã hội hóa trong đầu tư CSVC tập luyện, phát huy sự sáng tạo của cán bộ, giáo viên trong việc tự trang bị các dụng cụ tập luyện TDDT... Kết quả nghiên cứu của luận án

cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác như: Đỗ Đình Quang (2013) [53], Mai Thị Bích Ngọc (2017) [50], Lê Đông Dương (2017) [33], Lê Thị Thanh Thủy (2018) [54]

Về thực trạng đội ngũ giáo viên: Kết quả khảo sát cho thấy trung bình mỗi trường THCS chỉ có 2.14 giáo viên thể dục, mỗi giáo viên phải đảm nhiệm gần 10 lớp học. Tuy nhiên, đây mới là giáo viên chuyên trách, ngoài lực lượng này, một số trường còn sử dụng lực lượng giáo viên kiêm nhiệm trong giảng dạy GDTC cho học sinh với tư tưởng đây là “môn học phụ”. Trong thời gian 3 năm tính tới thời điểm tiến hành khảo sát, chỉ có 01 giáo viên Thể dục được cử tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật các kiến thức mới. Phương pháp dạy học cũng như các kiến thức luôn được bổ sung mới và cập nhật. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục là chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc nâng cao hiệu quả dạy học cho học sinh, chính vì vậy, cập nhật các kiến thức mới, phương pháp mới là vấn đề rất quan trọng trong việc đổi mới dạy học các môn học, trong đó có môn học GDTC. Các trường THCS tỉnh Bắc Ninh cần tạo điều kiện nhiều hơn cho các giáo viên học tập, bồi dưỡng và tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao chiếm khoảng 20% mức độ ảnh hưởng tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá.

Khi khảo sát mức độ ảnh hưởng của nhân tố quy hoạch nhìn chung trên toàn tỉnh có 60 sân bóng đá ngoài trời và có chất lượng ở mức khá có thể đáp ứng nhu cầu phần nào của những người đam mê tập luyện bóng đá. Tại 60 điểm tập luyện đó thì 40 điểm có nhà vệ sinh, phòng thay đồ, 50 sân đáp ứng tốt nhu cầu cho thuê trọng tài, thuê đồ để tổ chức sự kiện có 8 sân có phòng y tế để xử lý những chấn thương đơn giản, nhẹ nhàng.

Bàn luận kết quả đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh Trung học cơ sở Tỉnh Bắc Ninh:

Khác với các công trình nghiên cứu khoa học trước đây về giải pháp, biện pháp nâng cao hiệu quả GDTC nội khóa hoạt động thể thao ngoại khóa như: Đỗ Đình Quang (2013) [53], Nguyễn Đức Thụy (2016) [72], Nguyễn Văn Toàn

(2015) [73], Võ Văn Vũ (2014) [80]... đã tiến hành lựa chọn và xây dựng giải pháp trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới vấn đề nghiên cứu, chưa có tác giả nào tiến hành nghiên cứu thực trạng sử dụng các giải pháp để giải quyết các vấn đề nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu luận án đã tiến hành đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kết quả cho thấy: Việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh đã được quan tâm và đã có những biện pháp, giải pháp được áp dụng để khắc phục những vấn đề phát sinh. Tuy nhiên, các biện pháp, giải pháp mới chỉ khắc phục các vấn đề mang tính tình huống, ứng dụng riêng lẻ trong phạm vi từng trường và chưa được nghiên cứu xác định tính hiệu quả của các giải pháp đã áp dụng. Quá trình đánh giá thực trạng các giải pháp đã sử dụng là căn cứ quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Từ kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 1 luận án có các nhận xét sau:

1. Xác định được 3 yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thuộc 3 nhóm yếu tố:

Nhóm các yếu tố cá nhân (3 yếu tố);

Nhóm các yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội (3 yếu tố);

Nhóm các yếu tố chính sách (2 yếu tố).

2. Luận án đã tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả cho thấy:

Về các yếu tố cá nhân ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá của học sinh: Thực trạng thể chất của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh chủ yếu ở mức đạt, còn nhiều học sinh chưa đạt theo quy định khi so sánh với thể chất người Việt Nam cùng lứa tuổi và tiêu chuẩn thể lực của Bộ GD&ĐT quy định. Trình độ thể lực của học sinh thuộc các khối trường là tương đương nhau, trong quá trình xây dựng giải pháp phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh không cần thiết phải xây dựng theo từng khối trường.

Cần có các giải pháp tác động nhằm nâng cao nhận thức, mức độ yêu thích và tính tích cực của học sinh trong việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá.

Về các yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội ảnh hưởng tới phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh: Thực trạng nhận thức của phụ huynh, học sinh về phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh nhìn chung phụ huynh rất tán thành và ủng hộ việc các em tham gia tập luyện thể thao nói chung và bóng đá nói riêng tuy nhiên vẫn còn nhiều phụ huynh lo lắng việc con, em mình gặp phải rủi ro chấn thương, va chạm. Chính vì vậy cần có giải pháp để nâng cao hiểu biết, phòng tránh chấn thương và tập luyện an toàn. Ngoại cảnh cũng ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá, nhiều em học sinh rất đam mê nhưng lại ít có cơ hội tiếp xúc và tham gia tập luyện thi đấu do thời gian tập luyện chưa phù hợp.

Về các yếu tố chính sách ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá của học sinh: Các trường THCS tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện tốt chương trình GDTC theo quy định, lực lượng giáo viên và CSVC phục vụ công tác GDTC còn thiếu cả về số lượng và chất lượng; Vẫn còn các giáo viên và học sinh nhận thức chưa đúng về tầm quan trọng của công tác GDTC nói chung và phát triển môn bóng đá học đường nói riêng. Còn nhiều học sinh có nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa nhưng chưa tham gia tập luyện, chứng tỏ việc phát triển phong trào thể thao ngoại khóa cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh là có tiềm năng cao.

Tỷ lệ học sinh có tham gia tập luyện ngoại khóa còn thấp (20.8%), không tham gia tập (23.71%), còn lại là có tập nhưng không thường xuyên. Môn thể thao được các em lựa chọn tham gia tập luyện ngoại khóa nhiều nhất là Bóng đá ở nam và đá cầu ở nữ (thường xuyên là 17.22%, có nhưng không thường xuyên là 17.38%) với lý do chủ yếu là ưa thích môn Bóng đá. Vẫn còn nhiều yếu tố làm ảnh hưởng đến tổ chức chương trình tập luyện ngoại khóa môn bóng đá học đường cho học sinh THCS là: CSVC, trang thiết bị tập luyện và đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên đáp ứng tổ chức chương trình tập luyện ngoại khóa môn bóng đá học đường;

các nhu cầu, mong muốn của học sinh, phụ huynh về tập luyện ngoại khóa môn bóng đá học đường chưa thực sự đáp ứng nhu cầu. Đánh giá mức độ động cơ, mong muốn của học sinh, phụ huynh về tập luyện ngoại khóa môn Bóng đá học đường chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu.

3.2. Lựa chọn và đánh giá hiệu quả giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

3.2.1. Xác định các nguyên tắc lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

3.2.1.1. Căn cứ lý luận

Để có các căn cứ lý luận lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, luận án căn cứ vào. Các quan điểm, đường lối, chỉ thị, nghị quyết... của Đảng và Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục TDTT về công tác GDTC trong trường học các cấp nói chung và trong các trường THCS nói riêng.

Tiếp cận các quan điểm về khái niệm GDTC (nội khóa), thể thao ngoại khóa, giáo dục thể chất và giải pháp;

Các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS như: Các yếu tố hình thái, chức năng, trạng thái tinh thần; Các yếu tố tự nhiên; Các yếu tố xã hội, trong đó đặc biệt chú ý tới đặc điểm vận động và công tác GDTC trong trường học. Đặc điểm phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS, trong đó nhấn mạnh các thời kỳ nhạy cảm trong phát triển các tổ chất thể lực của học sinh;

Đặc điểm hình thái, tâm lý và sinh lý của học sinh THCS;

Căn cứ vào kết quả của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan tới công tác phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trong trường học các cấp; nghiên cứu về GDTC và thể thao trường học...

Các căn cứ lý luận đã được luận án nghiên cứu chi tiết trong chương 1. Tổng quan các vấn đề nghiên cứu.

3.2.1.2. Căn cứ thực tiễn

Ngoài các căn cứ lý luận đã đề cập, trong quá trình nghiên cứu lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, luận án còn tuân thủ các căn cứ sau:

Thông qua phân tích nhân tố khám phá EFA đã nhận diện và xác định được 21 nhân tố phụ thuộc của 3 nhóm dùng để phân tích ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Các nhân tố được mã hóa để phân tích trong mô hình ISM và MICMAC như trình bày trong bảng 3.16.

Thông qua đánh giá thực trạng và ý kiến 27 cán bộ quản lý, chuyên gia xây dựng ma trận tương tác cấu trúc dựa trên mối quan hệ giữa các nhân tố. Các nội dung của phiếu phỏng vấn chuyên sâu được tập trung so sánh từng cặp nhân tố theo quy tắc của phương pháp ISM. Kết quả từ quá trình khảo sát mức độ tương tác được tổng hợp lại ở bảng 3.17.

Với nguyên lý đối xứng qua đường chéo, một bảng dữ liệu so sánh cặp nhân tố được thiết lập đầy đủ, từ đó xây dựng ma trận tiếp cận ban đầu dựa trên ma trận tương tác cấu trúc ở bảng 3.18.

Các giá trị “0” ở bảng 3.18 được dịch chuyển sang “1” trong bước này nếu mối quan hệ giữa các nhân tố thể hiện được tính chất bắc cầu. Cụ thể, nếu nhân tố 2 có liên quan đến nhân tố 1 và nhân tố 1 có liên quan đến nhân tố 3 thì nhân tố 2 cũng liên quan đến nhân tố 3. Khi đó, giá trị trong ô 2-3 được chuyển từ “0” sang “1” và ký hiệu là “1*”, những ký hiệu là “1*” để phân biệt với mối quan hệ trực tiếp từ ma trận ban đầu được thiết lập. Tương tự, ta có các giá trị quan hệ bắc cầu còn lại, và được thể hiện ở bảng 3.19.

Phân cấp các nhân tố: Từ ma trận tiếp cận cuối cùng, các nhân tố quan hệ theo hàng và quan hệ theo cột được xác định ở bảng 3.20.

Hình thành mô hình ISM: Từ kết quả phân cấp được trình bày ở bảng 3.20, sơ đồ cấu trúc được hình thành với sự kết hợp xem xét mối quan hệ từ bảng 3.17, một sơ đồ thể hiện mối quan hệ theo cấp bậc được hình thành với đầy đủ mối quan hệ giữa các nhân tố, hỗ trợ cho quá trình đánh giá mức độ quan trọng của các nhân tố ở giai đoạn tiếp theo, được thể hiện ở hình 3.2.

Sử dụng phương pháp MICMAC: Từ kết quả của phương pháp ISM, hình thành các cụm bằng phương pháp MICMAC. Để phân chia được nhân tố vào các cụm, tiến hành tính các giá trị hàng và cột dựa trên ma trận tiếp cận cuối cùng. Trong đó, mức độ độc lập (DrP) và mức độ phụ thuộc (DP) được trình bày ở bảng 3.21.

Bảng 3.16. Các nhân tố ảnh hưởng được quan tâm đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố trực thuộc/phụ	Mã hóa
Yếu tố cá nhân	Thể chất	Giới tính	1
		Thể lực	2
		Khả năng chơi bóng đá	3
	Tâm lý	Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	4
		Động lực	5
		Tự tin	6
	Thời gian	Thời gian tập luyện phù hợp	7
Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội	Gia đình	Khuyến khích	8
		Hỗ trợ chi phí	9
	Bạn bè	Thái độ	10
		Hỗ trợ	11
	Ngoại cảnh	Tiếp cận dịch vụ TDTT	12
		Giá trị văn hóa truyền thống	13
		Tôn vinh hoạt động thể thao	14
		Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	15
Các yếu tố chính sách	Nhà trường	Hoạt động ngoại khóa/Câu lạc bộ	16
		Sân tập	17
		Năng lực giáo viên	18
		Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao	19
	Quy hoạch	Công trình văn hóa - thể thao	20
		Giao thông	21

Bảng 3.17. Ma trận tương tác cấu trúc dựa trên mối quan hệ giữa các nhân tố

i/j	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
1	1	O	O	O	O	O	O	A	O	O	O	O	O	O	A	O	O	A	O	O	O			
2		1	V	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O			
3			1	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O			
4				1	V	O	A	X	O	O	O	O	X	O	O	O	O	A	O	O	O			
5					1	O	O	O	O	O	O	O	O	O	A	O	O	A	O	O	O			
6						1	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O			
7							1	O	O	O	O	O	O	O	O	A	O	O	O	X	O			
8								1	O	O	O	O	O	O	O	X	O	O	O	O	O			
9									1	O	O	V	O	O	O	O	V	O	V	V	O			
10										1	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O			
11											1	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O			
12												1	O	O	O	X	A	O	O	A	O			
13													1	O	O	O	O	O	O	O	O			
14														1	O	O	O	O	O	O	O			
15															1	O	O	O	O	O	O			
16																1	A	O	O	A	O			
17																	1	O	X	O	O			
18																		1	V	O	O			
19																				1	O	O		
20																						1	O	
21																								1

Bảng 3.18. Ma trận tiếp cận ban đầu dựa trên ma trận tương tác cấu trúc

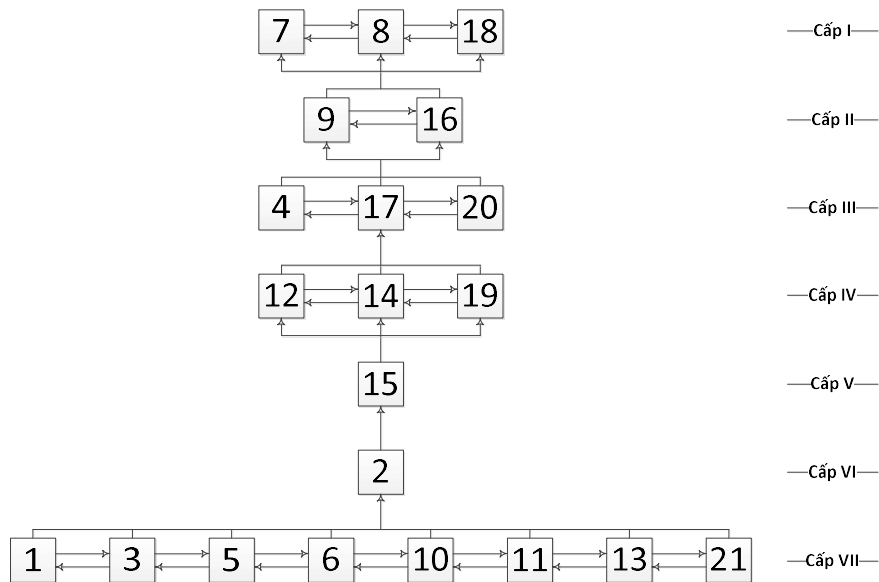
i/j	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
5	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
8	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
9	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0	
10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
14	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
15	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	
16	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0	
18	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	
19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	
20	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	
21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1

Bảng 3.19. Ma trận tiếp cận cuối cùng

i/j	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	1*	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1*	0	0	0	0	0
5	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	0	0	0	1	1*	0	1	1*	0	0	0	1*	0	1*	0	1*	0	0	0	1	0
8	1	0	0	1	1*	0	1*	1	0	0	0	1*	0	1*	0	1	0	0	0	0	0
9	0	0	0	0	0	0	1*	0	1	0	0	1	0	0	0	1*	1	0	1	1	0
10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	0	0	0	0	0	0	1*	1*	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0
13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
14	0	0	0	1	1*	0	0	1*	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
15	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
16	1*	0	0	1*	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1*	0
17	0	0	0	0	0	0	1*	1*	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0
18	1	0	0	1	1	0	0	1*	0	0	0	0	0	1*	0	0	1*	1	1	0	0
19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1*	0	0	0	1*	1	0	1	0	0
20	0	0	0	1*	0	0	1	1*	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0
21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1

Bảng 3.20. Phân cấp các nhân tố

Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố trực thuộc/phụ	Cấp
Yếu tố cá nhân	Thể chất	1. Giới tính	VII
		2. Thể lực	VI
		3. Khả năng chơi bóng đá	VII
	Tâm lý	4. Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	III
		5. Động lực	VII
		6. Tự tin	VII
Thời gian	7. Thời gian tập luyện phù hợp	I	
Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội	Gia đình	8. Khuyến khích	I
		9. Hỗ trợ chi phí	II
	Bạn bè	10. Thái độ	VII
		11. Hỗ trợ	VII
	Ngoại cảnh	12. Tiếp cận dịch vụ TDTT	IV
		13. Giá trị văn hóa truyền thống	VII
14. Tôn vinh hoạt động thể thao		IV	
		15. Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	V
Các yếu tố chính sách	Nhà trường	16. Hoạt động ngoại khóa/Câu lạc bộ	II
		17. Sân tập	III
		18. Năng lực giáo viên	I
		19. Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao	IV
	Quy hoạch	20. Công trình văn hóa - thể thao	III
		21. Giao thông	VII

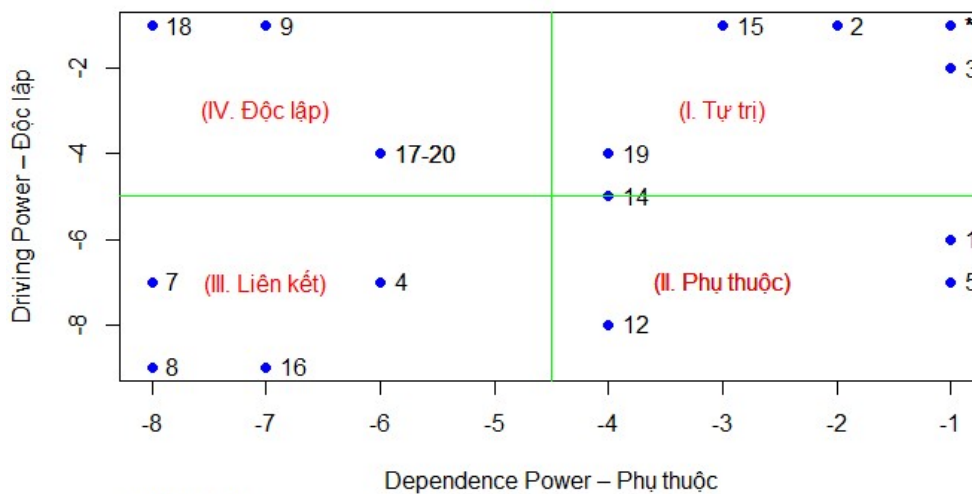


Hình 3.2. Mối quan hệ cấp bậc trong mô hình ISM

Bảng 3.21. Mức độ định hướng và phụ thuộc của từng nhân tố

Yếu tố chính	Yếu tố thành phần	Nhân tố xem xét	Phụ thuộc (DP)	Độc lập (DrP)
Yếu tố cá nhân	Thể chất	1. Giới tính	6	1
		2. Thể lực	1	2
		3. Khả năng chơi bóng đá	2	1
	Tâm lý	4. Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	7	6
		5. Động lực	7	1
		6. Tự tin	1	1
	Thời gian	7. Thời gian tập luyện phù hợp	7	8
Các yếu tố môi trường văn hóa - xã hội	Gia đình	8. Khuyến khích	9	8
		9. Hỗ trợ chi phí	1	7
	Bạn bè	10. Thái độ	1	1
		11. Hỗ trợ	1	1
	Ngoại cảnh	12. Tiếp cận dịch vụ TDTT	8	4
		13. Giá trị văn hóa truyền thống	1	1
		14. Tôn vinh hoạt động thể thao	5	4
		15. Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	1	3
Các yếu tố chính sách	Nhà trường	16. Hoạt động ngoại khóa/Câu lạc bộ	9	7
		17. Sân tập	4	6
		18. Năng lực giáo viên	1	8
		19. Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao	4	4
	Quy hoạch	20. Công trình văn hóa - thể thao	4	6
		21. Giao thông	1	1

Từ kết quả bảng 3.21, một ma trận tác động chéo áp dụng cho phân loại được thiết lập dựa trên nguyên lý đồ thị, với trục tung tương ứng với mức độ định hướng (DrP) và mức độ phụ thuộc (DP) được diễn đạt thông qua trục hoành, cụ thể được trình bày ở biểu đồ 3.11.



Biểu đồ 3.11. Ma trận tác động chéo theo phương pháp MICMAC

Từ biểu đồ 3.11, các nhân tố thuộc cụm độc lập bao gồm: 9. Hỗ trợ chi phí; 17. Sân tập; 18. Năng lực giáo viên; 20. Công trình văn hóa - thể thao. Đây là các nhân tố có tính chất độc lập cao, giúp định hướng các nhân tố thuộc cụm mang tính chất phụ thuộc cao.

Các nhân tố phụ thuộc cao là: 1. Giới tính; 5. Động lực; 12. Tiếp cận dịch vụ TDDT. Với các nhân tố thuộc cụm này, thông thường tính chủ động là không đáng kể và có tác động không đáng kể đến kết quả được xem xét.

Các nhân tố thuộc cụm tự trị bao gồm: 2. Thể lực; 3. Khả năng chơi bóng đá; 6. Tự tin; 10. Thái độ; 11. Hỗ trợ; 13. Giá trị văn hóa truyền thống; 14. Tôn vinh hoạt động thể thao; 15. Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng; 19. Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao; 21. Giao thông. Còn các nhân tố thuộc cụm liên kết bao gồm: 4. Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện; 7. Thời gian tập luyện phù hợp; 8. Khuyến khích; 16. Hoạt động ngoại khóa/Câu lạc bộ. Đây là các nhân tố mang tính chất trung gian trong việc tạo cầu nối giữa cụm độc lập và cụm phụ thuộc. Mặc dù tính độc lập đã bị tác động đáng kể bởi tính phụ thuộc, nhưng các nhân tố thuộc 2 cụm này vẫn có một mức độ quan trọng nhất định, tác

động đến kết quả cuối cùng. Các nhân tố thuộc 2 cụm này có thể xem xét chúng vẫn nằm trong cụm định hướng.

Từ kết quả của phương pháp ISM - MICMAC, mức độ quan trọng và mức độ về mối quan hệ giữa các nhân tố và các cụm nhân tố được xác định. Các nhân tố thuộc cụm độc lập và lân cận tạo ra các tác động lớn đến khả năng tham gia tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Các nhân tố bao gồm: 9. Hỗ trợ chi phí; 17. Sân tập; 18. Năng lực giáo viên; 20. Công trình văn hóa - thể thao; 4. Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện; 7. Thời gian tập luyện phù hợp; 8. Khuyến khích; 16. Hoạt động ngoại khóa/Câu lạc bộ. Đồng thời kết hợp với các nhân tố trong cụm tự trị. Cùng với các nhân tố trong cụm tự trị có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đề xuất xây dựng các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS tỉnh Bắc Ninh.

Trên cơ sở tuân thủ các căn cứ lý luận và thực tiễn, chúng tôi tiến hành lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

3.2.2. Lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Thông qua các căn cứ trên luận án đã lựa chọn được 8 giải pháp để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh như sau:

Giải pháp 1. Nâng cao hiểu biết và thực hành về phòng ngừa thương tích và an toàn.

Giải pháp 2. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá.

Giải pháp 3. Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.

Giải pháp 4. Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.

Giải pháp 5 Tăng cường vinh danh nhằm giảm thiểu các rào cản văn hóa, xã hội.

Giải pháp 6. Cung cấp nhiều lựa chọn thể thao.

Giải pháp 7. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.

Giải pháp 8. Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa(Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học.

Để lựa chọn được các giải pháp phù hợp, có hiệu quả trong phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 35 chuyên gia, cán bộ, giảng viên thuộc trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Viện Khoa học TDTT; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh, và một số cán bộ quản lý, giáo viên lâu năm của các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh bằng phiếu hỏi (phụ lục 5) đồng thời kiểm định thang đo đã xây dựng bằng hệ số Cronbach's Alpha để kiểm định độ tin cậy của các giải pháp.

Cách trả lời phỏng vấn theo 5 mức tương ứng. Rất đồng ý: 5 điểm, Đồng ý: 4 điểm, Bình thường: 3 điểm, Không đồng ý: 2 điểm và Rất không đồng ý: 1 điểm.

Luận án sẽ lựa chọn những giải pháp đạt từ 75% tổng điểm tối đa để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3.22.

Bảng 3.22. Kết quả phỏng vấn lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=35)

TT	Giải pháp	Tổng điểm	%
1	Nâng cao hiểu biết và thực hành về phòng ngừa thương tích và an toàn	125	71.42
2	Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá	165	94.29
3	Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá	135	77.14
4	Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao	160	91.43
5	Tăng cường vinh danh nhằm giảm thiểu các rào cản văn hóa, xã hội	129	73.71
6	Cung cấp nhiều lựa chọn thể thao	140	80.00
7	Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên	158	90.29
8	Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học)	145	82.86

Từ kết quả thu được ở bảng 3.22 đã có 02 giải pháp bị loại bỏ do tổng điểm phỏng vấn đạt từ 71.42 - 73.71% và nhỏ hơn 75%. Lựa chọn được 6 giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Đây là các giải pháp có tỷ lệ lựa chọn từ 77.14 – 94.29%. Đó là các giải pháp:

Giải pháp 1: Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá.

Giải pháp 2: Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.

Giải pháp 3: Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.

Giải pháp 4: Cung cấp nhiều lựa chọn thể thao.

Giải pháp 5: Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.

Giải pháp 6: Cải tiến phương pháp dạy học giáo dục thể chất nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học).

Song song với việc thống kê kết quả phỏng vấn lựa chọn theo tổng điểm tối đa, luận án tiến hành xác định tính tương quan nội tại của phiếu hỏi bằng hệ số Cronbach's Alpha. Theo quy ước của De Vellis (1991) thì một tập hợp các mục hỏi dùng để đo lường được đánh giá tốt phải có hệ số α của Cronbach ≥ 0.8 và chỉ số tương quan tổng giữa các mục hỏi (Corrected Item - Total Correlation) phải >0.3 . Các mức giá trị của Alpha: lớn hơn 0,8 là thang đo lường tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được; từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng trong trường hợp khái niệm nghiên cứu là mới hoặc là mới trong bối cảnh nghiên cứu. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, nếu hệ số Cronbach's Alpha <0.80 hoặc hệ số tương quan của biến thành phần với biến tổng <0.30 , chúng tôi sẽ tiến hành loại biến rác và kiểm tra lại hệ số Cronbach's Alpha tổng sau khi loại biến. Kết quả được trình bày tại bảng 3.23.

Bảng 3.23. Kết quả kiểm định mức độ tin cậy của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Cronbach's Alpha			Số lượng mục (n)	
0.871			6	
Item-Total Statistics				
Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan tổng thể	Cronbach's Alpha nếu loại biến
GP2	23.54	78.433	0.477	0.859
GP3	23.46	79.955	0.418	0.869
GP4	23.08	76.949	0.442	0.857
GP6	23.08	77.428	0.293	0.864
GP7	23.50	76.348	0.406	0.858
GP8	23.46	79.955	0.418	0.869

Từ kết quả thu được ở bảng 3.23 cho thấy: Hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) của tổng 6 giải pháp phỏng vấn thu được để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh là 0.871, khi so sánh với giá trị

(Cronbach's Alpha nếu loại biến) của từng giải pháp phỏng vấn chỉ từ 0.857 đến 0.869 và đều < 0.871 . Tuy nhiên giá trị “Tương quan tổng thể” thu được ở 6 giải pháp phỏng vấn thì có biến quan sát GP6 (giải pháp 6) giá trị thu được là $0.293 < 0.3$. Do vậy, phải loại bỏ giải pháp 6 và kết quả phỏng vấn thu được đảm bảo độ tin cậy, là thang đo lường ở mức tốt. Như vậy, các giải pháp trên phù hợp để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi tiến hành kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, chúng tôi tiến hành kiểm tra xem mô hình lý thuyết có phù hợp với thực tế không bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (Sử dụng kiểm định KMO trong phân tích EFA). Nếu các biến đưa vào phù hợp và có quan hệ tuyến tính, chúng tôi sẽ giữ nguyên các biến (thể hiện ở $0.5 \leq KMO \leq 1.00$ và $sig < 0.05$). Nếu hệ số tải nhân tố của các biến thành phần < 0.50 , chúng tôi sẽ loại dần từng biến và tiến hành phân tích nhân tố lại để đạt được mô hình chuẩn nhất. Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 3.24.

Bảng 3.24. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (KMO and Bartlett's Test) của các nhóm giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

KMO and Bartlett's Test						
Hệ số KMO (tổng)						0.723
Bartlett's Test of Sphericity		Approx. Chi-Square				110.809
		Df (Số lượng mục phân tích)				5
		Sig.				0.000
Total Variance Explained (hệ số giải thích của các nhân tố)						
Nhóm	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Tổng	% phương sai	% tích lũy	Hệ số tải nhân tố	% phương sai	% tích lũy
1	0.759	19.878	81.749	2.328	19.878	19.878
Component Matrix^a (Tổng phương sai trích)						
						Component
						1
						0.739

Qua bảng 3.24 cho thấy: Các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh mà luận án đã xây dựng hoàn toàn phù

hợp khi được kiểm định thực tế, thể hiện ở Hệ số KMO = 0.723, thỏa mãn yêu cầu $0.5 \leq KMO \leq 1.00$ ở ngưỡng $Sig < 0.001$. Hệ số tải nhân tố = 2.328 > 1.00 và tổng phương sai trích đạt 0.739, thỏa mãn yêu cầu trong khoảng từ 0.5 tới 1.00.

Kết quả phân tích nhân tố các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh được trình bày ở bảng 3.25.

Bảng 3.25. Kết quả phân tích nhân tố giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Mã hóa	Tiêu chuẩn 1	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 3
GP2	0.875		
GP3		0.848	
GP4		0.819	
GP7		0.816	
GP8			0.848

Qua bảng 3.25 cho thấy: Sau khi kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và tiến hành phân tích nhân tố khám phá, luận án đã lựa chọn được 5 giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh gồm:

Giải pháp 1. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của câu lạc bộ, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá.

Giải pháp 2. Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.

Giải pháp 3. Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.

Giải pháp 4. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.

Giải pháp 5. Cải tiến phương pháp dạy học giáo dục thể chất nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học).

Như vậy, qua phỏng vấn cũng như xác định độ tin cậy nội tại của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và kiểm định sự phù hợp của mô hình lý thuyết trên thực tế bằng kiểm định KMO, luận án đã lựa chọn được 5 giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh tương ứng

với 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

3.2.3. Xây dựng các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

3.2.3.1. Xây dựng các giải pháp

Giải pháp 1. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của câu lạc bộ, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá.

Mục đích: Tổ chức nhiều giải thi đấu bóng đá nội bộ, giao lưu thể thao giúp học sinh có cơ hội giao lưu, học hỏi lẫn nhau, tăng cường tình đoàn kết, yêu thể thao, xây dựng động cơ vững chắc cho các cá nhân đã tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa, đồng thời cũng là hình thức quảng bá về môn bóng đá với những đối tượng chưa tham gia tập luyện, truyền niềm đam mê bóng đá với những cá nhân khác.

Nội dung:

Tổ chức các buổi thi đấu bóng đá nội bộ trong trường, có thể tổ chức thi đấu giữa các lớp trong trường. Luân phiên tổ chức 1 - 2 tháng tổ chức giải cho 1 khối vào giờ thể thao ngoại khóa.

Cách thực hiện:

Tổ chức các buổi thi đấu bóng đá giữa các lớp trong cùng khối học hoặc giữa các khối học trong trường. Phương pháp này dễ tổ chức, không tốn kém kinh phí, thu hút được nhiều người tham gia và tiếp xúc với môn thể thao vua.

Phối hợp với các trường THCS lân cận tổ chức các buổi giao lưu bóng đá theo từng khối học.

Tổ chức các giải thi đấu bóng đá trong toàn trường định kỳ hàng năm và yêu cầu tất cả các lớp học phải tham gia. Đây không chỉ là biện pháp kích thích các em tham gia tập luyện để thi đấu mà còn giúp các em tiếp xúc với môn thể thao vua thông qua hoạt động cổ vũ cho đồng đội, từ đó thêm yêu thích TDTT nói chung và môn Bóng đá nói riêng.

Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, thông báo trước mỗi buổi tổ chức giao lưu bóng đá nội bộ hay phối hợp với các trường khác để đông đảo học sinh biết và tham gia thi đấu, tham gia cổ vũ, nhằm lan tỏa niềm đam mê thể thao với các em, kêu gọi sự ủng hộ từ phụ huynh từ vật chất cho tới tinh thần.

Đơn vị phối hợp:

Chi ủy, Ban Giám hiệu ra chủ trương;

Các giáo viên Thể dục, Đoàn thanh niên các trường và những người yêu thích bóng đá phối hợp thực hiện.

Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện giải pháp:

Đánh giá thực trạng số lượng các giải thi đấu thể thao được tổ chức, số lượng các buổi giao lưu thể thao, thành tích đạt được (đánh giá thông qua thống kê thực tế).

Đánh giá thông qua sự ủng hộ của phụ huynh, sự đầu tư của các doanh nghiệp

Giải pháp 2. Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.

Mục đích: Nâng cao nhận thức của gia đình, học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh về vai trò và tầm quan trọng của công tác phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh, tạo tiền đề vững chắc cho việc triển khai các giải pháp tiếp theo của luận án. Đây là một trong những giải pháp trọng tâm của luận án.

Nội dung:

Tuyên truyền về vị trí, tầm quan trọng của công tác GDTC và phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh.

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, phổ biến kiến thức khoa học về TĐTT.

Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh và học sinh tiếp xúc trực quan với các hình ảnh đẹp về bóng đá trong trường học.

Phổ biến các kiến thức chuyên môn hướng dẫn tập luyện môn bóng đá.

Cách thực hiện:

Tổ thể dục phối hợp với các phòng chức năng đặc biệt là Đoàn thanh niên nhà trường quán triệt các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác

TDTT trong trường học. Làm cho lực lượng cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh hiểu rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác GDTC trong trường học các cấp, hiểu rõ về mục đích, tác dụng của bóng đá học đường.

Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh của Nhà trường về tầm quan trọng của công tác GDTC trong Nhà trường cũng như phong trào tập luyện bóng đá trong trường học.

Tuyên truyền bằng hệ thống hình ảnh, pano, áp phích về tầm quan trọng của môn bóng đá với sức khỏe.

Giáo viên giảng dạy Thể dục có nhiệm vụ thông qua bài giảng liên hệ với thực tế giúp học sinh hiểu được vai trò, ý nghĩa, tác dụng và lợi ích của TDTT cũng như môn bóng đá học đường.

Tổ chức các cuộc thi đấu bóng đá trong trường học, phổ biến kiến thức khoa học về TDTT thông qua hệ thống thông tin chính thức (phát thanh, cổng thông tin điện tử của trường nếu có) hoặc các thông tin dựa trên mạng xã hội (Facebook, Fanpage, Website của Trường...).

Đơn vị phối hợp:

Ban giám hiệu chỉ đạo;

Đoàn thanh niên phối hợp thực hiện;

Tổ môn thể dục tổ chức thực hiện.

Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện giải pháp:

Đánh giá thông qua nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh về tầm quan trọng của tập luyện môn bóng đá trong trường học (sử dụng phương pháp phỏng vấn và quan sát sự phạm).

Đánh giá qua các hoạt động tổ chức được trong thực tế.

Giải pháp 3. Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.

Mục đích: Khắc phục khó khăn trong điều kiện thiếu thốn CSVC phục vụ phát triển môn bóng đá trong trường học, khó khăn chung của các trường học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các trường THCS tỉnh Bắc Ninh hoạt động

theo kinh phí cấp bởi ngân sách nhà nước nên việc tăng cường CSVC phục vụ tập luyện môn bóng đá nội khóa và ngoại khóa phải được sự đồng ý, phê duyệt và cấp ngân sách từ đầu năm, đồng thời, công tác này cũng gặp rất nhiều khó khăn. Một biện pháp đơn giản hơn có thể tận dụng ngay tại trường là sử dụng phù hợp, tận dụng tối đa và bảo quản hợp lý hệ thống CSVC sẵn có của Nhà trường. Mục đích của việc làm này là tận dụng và bảo quản tốt CSVC sẵn có của Nhà trường để phục vụ công tác GDTC nội khóa và ngoại khóa, hạn chế khó khăn do thiếu trang thiết bị dụng cụ tập luyện, giúp phát triển được môn bóng đá học đường đem lại hiệu quả tốt hơn, thêm nữa bổ sung CSVC tập luyện TDTT cho học sinh trong trường học mà không phụ thuộc vào vốn ngân sách Nhà nước, tăng cường xã hội hóa CSVC TDTT trong các trường.

Nội dung:

Tăng cường bảo quản CSVC;

Kêu gọi sự hỗ trợ CSVC phục vụ tập luyện từ phía địa phương

Phát động thi đua sáng kiến về tận dụng, sử dụng và bảo quản CSVC;

Thiết kế giáo án giảng dạy hợp lý tận dụng tối đa CSVC sẵn có của Trường;

huy động sự đóng góp tự nguyện từ phía phụ huynh

Tăng cường ý thức bảo vệ của công trong học sinh Nhà trường.

Kêu gọi đầu tư từ bên ngoài, hợp tác hai bên cùng phát triển, sáng chế CSVC phục vụ tập luyện

Cách thực hiện:

- Tận dụng tối đa CSVC sẵn có của Nhà trường trong việc tập luyện môn bóng đá. Ví dụ, thiết kế giáo án giảng dạy dựa trên cơ sở các trang thiết bị, dụng cụ sẵn có của Nhà trường, sử dụng nhà thể chất hoặc sân thể chất để tập luyện môn bóng đá khi không có giờ học.

Chi ủy, Ban giám hiệu liên hệ với các doanh nghiệp, địa phương kêu gọi sự ủng hộ các trang thiết bị, dụng cụ cũng như sân bãi tập luyện cho học sinh tại địa phương.

Có chế độ bảo quản phù hợp với mỗi loại trang thiết bị, dụng cụ, CSVC tập luyện.

Có hướng dẫn sử dụng phù hợp với từng loại CSVC sẵn có.

Tăng cường phát động thi đua có sáng kiến kinh nghiệm về việc tận dụng và bảo quản hợp lý CSVC sẵn có của Nhà trường.

Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ của công cho học sinh nhà trường, tăng cường phát động các phong trào tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn trường.

Ban giám hiệu cho chủ trương xã hội hóa các hoạt động TDTT cũng như đầu tư CSVC phục vụ tập luyện TDTT.

Liên hệ với các trung tâm bóng đá cộng đồng trong tỉnh để cùng lên phương án sử dụng sân bãi dụng cụ và cùng phối hợp. Các trường học gần các sân vận động lớn có thể tận dụng sân bóng đá để tập thể dục và phát triển bóng đá học đường.

Liên hệ với các doanh nghiệp địa phương kêu gọi tài trợ các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, sự đóng góp ủng hộ từ phía phụ huynh học sinh.

Đơn vị phối hợp:

Ban giám hiệu chỉ đạo;

Tổ môn thể dục tổ chức thực hiện.

Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện giải pháp:

Tần suất và hiệu quả sử dụng CSVC (đánh giá thông qua theo dõi trực tiếp tần suất sử dụng và khảo sát hiệu quả sử dụng).

Số buổi lao động bảo vệ CSVC (qua tổng hợp);

Ý thức học sinh trong sử dụng CSVC (qua khảo sát thực tế).

Số lượng CSVC được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa (thống kê số lượng CSVC có được từ nguồn xã hội hóa).

Số lượng học sinh tham gia tập luyện.

Số lượng dụng cụ, CSVC tận dụng được từ phía địa phương.

Giải pháp 4. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.

Mục đích: Giúp các giáo viên Thể dục cập nhật các kiến thức, phương pháp huấn luyện bóng đá học đường cho học sinh, cách thức tổ chức sự kiện bóng đá. Đối với các trường học gần trung tâm huấn luyện hoặc trường thể dục thể thao Bắc Ninh có thể liên hệ nhờ hỗ trợ địa điểm tập luyện hoặc có thể nhờ đội ngũ hướng dẫn chuyên môn. Hằng năm có thể xin đoàn thực tập là các sinh viên chuyên ngành bóng đá về hỗ trợ, giúp việc mỗi kỳ 2 tháng.

Giúp các giáo viên Thể dục cập nhật các kiến thức, phương pháp mới, trao đổi kinh nghiệm về dạy và học môn học GDTC.

Nội dung:

Nhà trường nhận các giáo viên thể dục về thực tập để hỗ trợ phát triển phong trào cũng như phát triển thể chất cho học sinh. Phối hợp với trung tâm huấn luyện và trường thể dục thể thao Bắc Ninh để liên hệ địa điểm hoặc hỗ trợ chuyên môn nhằm phát triển môn bóng đá trong trường học. Cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Khuyến khích cán bộ, giáo viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Thường xuyên tổ chức bình giảng, hội giảng để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như phổ biến các phương pháp dạy học GDTC mới.

Cách thực hiện:

Tích cực theo dõi các thông tin về việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên.

Các giáo viên sau khi được cử đi học sẽ phải tổng kết lại các kiến thức đã học và tổ chức trao đổi chuyên môn với các giáo viên Thể dục khác trong trường.

Khuyến khích và tạo điều kiện để giáo viên tham gia tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn cũng như cập nhật các kiến thức mới trong dạy học GDTC.

Tổ chức bình giảng theo học kỳ, hội giảng thường kỳ 2-3 năm/lần để các giáo viên trao đổi học thuật, nâng cao trình độ chuyên môn.

Đơn vị phối hợp:

Chi ủy, Ban giám hiệu cho chủ trương thực hiện;

Các giáo viên tổ Thể dục thực hiện.

Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện giải pháp:

Đánh giá giải pháp thông qua:

Số lượng GV được tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn;

Số lượng GV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Giải pháp 5. Cải tiến phương pháp dạy học giáo dục thể chất nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học).

Mục đích: Đây là giải pháp trọng tâm nhất. Cho các em học sinh được tự chọn nội dung tập luyện yêu thích. Khuyến khích các giáo viên đổi mới phương pháp dạy học từ lấy “người dạy làm trung tâm” chuyển sang lấy học sinh làm trung tâm. Từ lấy “dạy” làm trung tâm chuyển sang lấy “học” làm trung tâm. Từ đó nâng cao tính tích cực học tập của học sinh để nâng cao hiệu quả dạy học và thể chất cho học sinh.

Nội dung:

Với mục đích phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá: Môn bóng đá là môn mà các em học sinh yêu thích nhất nên ở những giờ nội khóa tự chọn thì cho các em được đăng kí tập luyện. Ngoài các phương pháp chung thường được sử dụng, khuyến khích sử dụng phương pháp tập luyện vòng tròn, phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu. Đây là những phương pháp có thể tận dụng tốt CSVN sẵn có cũng như nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

Cách thực hiện:

Trước khi soạn giáo án giảng dạy, giáo viên cần căn cứ vào nội dung giảng dạy, cấu trúc phần cơ bản của giáo án để lựa chọn phương pháp phù hợp. Ví dụ, dạy nội dung mới có thể sử dụng phương pháp nêu vấn đề, phương pháp vòng tròn, phương pháp thi đấu... Để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá có thể dùng phương pháp trò chơi, phương pháp thi đấu... Các phương pháp sử dụng nên luân phiên và xen kẽ nhau. Tránh trong một giáo án chỉ dùng đơn độc 1 hoặc 2 phương pháp.

Tổ chức họp tổ môn để thống nhất các phương pháp sử dụng trong các giờ học nội khóa cũng như nội dung tự chọn trong giờ học nội khóa. Cũng cần trao

đổi góp ý, hoàn thiện các giáo án dạy học môn học GDTC cho từng nội dung, từng khối học. Thống nhất giáo án dạy học trong toàn tổ môn.

Bộ môn (tổ môn) thể dục khuyến khích sử dụng các phương pháp giảng dạy theo quy định. Tổ chức giảng dạy mẫu theo phương pháp mới. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các phương pháp.

Đơn vị phối hợp:

Ban Giám hiệu ra chủ trương;

Tổ môn Thể dục thực hiện.

Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện giải pháp:

Đánh giá thông qua số lượng học sinh tham gia tập luyện bóng đá ngoại khóa và hiệu quả các phương pháp dạy học được sử dụng; hứng thú của học sinh với môn học cũng như qua đánh giá hiệu quả của giáo viên (đánh giá thông qua quan sát sự phạm và phỏng vấn học sinh, giáo viên, đánh giá thông qua sự phát triển thể chất).

Bộ môn (tổ môn) Thể dục chịu trách nhiệm kiểm tra giáo án giảng dạy và ký xác nhận đã kiểm tra đúng định hướng, yêu cầu vào giáo án giảng dạy. Nội dung đổi mới được bộ môn (tổ môn) đánh giá theo thang điểm 10).

Thành lập ban kiểm tra dạy và học. Ban kiểm tra dạy và học có trách nhiệm kiểm tra giáo viên có thực hiện đúng giáo án giảng dạy không.

3.2.3.2. Khảo nghiệm các giải pháp

Tổ chức khảo nghiệm:

Mục đích khảo nghiệm: Thông qua khảo nghiệm nhằm khẳng định sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh đã đề xuất.

Đối tượng khảo nghiệm: Nghiên cứu đã tiến hành trưng cầu ý kiến của 35 người (14 cán bộ quản lý - 40.0%; 8 giáo viên thể dục - 22.9%; 13 chuyên gia - 37.1%).

Nội dung và quy trình khảo nghiệm: Để tiến hành khảo nghiệm sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Thực hiện thông qua phiếu phỏng vấn và đánh giá

các giải pháp theo thang đo Likert. Đồng thời xác định mối quan hệ giữa tính cần thiết và khả thi của các giải pháp đề xuất.

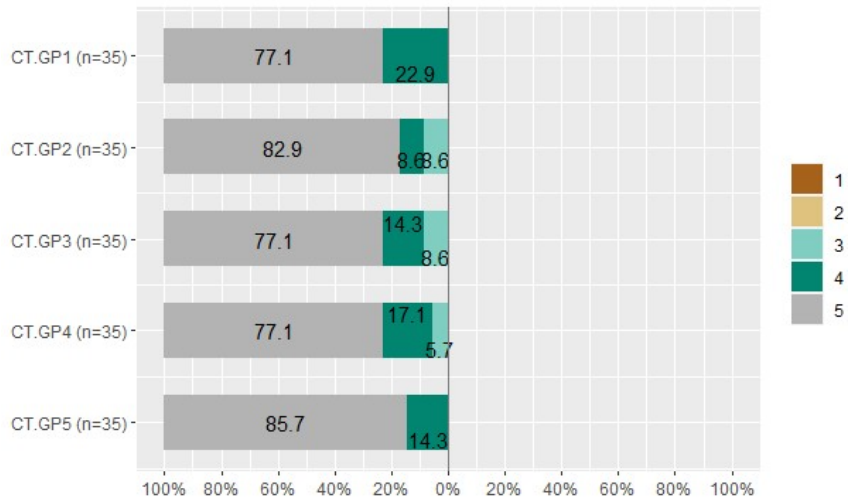
Kết quả khảo nghiệm: Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh được thể hiện ở bảng 3.26, biểu đồ 3.12 đến biểu đồ 3.14.

Từ kết quả thu được ở biểu đồ 3.12 cho thấy: Tỷ lệ đánh giá tính cần thiết của các giải pháp theo thang đo Likert ở mức rất cần thiết chiếm từ 77.1 - 85.7%, mức cần thiết chiếm từ 5.7 - 8.6%; còn tính khả thi của các giải pháp ở biểu đồ 3.13 về mức rất khả thi chiếm từ 68.6 - 88.6%, mức khả thi chiếm từ 11.4 - 28.6%. Như vậy, đánh giá các giải pháp theo thang đo Likert chiếm tỷ lệ cao ở mức 4 - 5 điểm đối với tính cần thiết và tính khả thi.

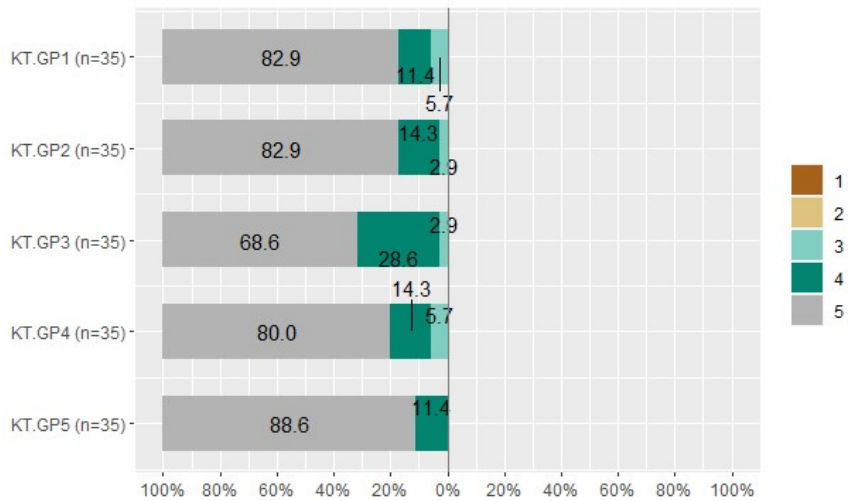
Phân tích kết quả thu được ở bảng 3.26 cho thấy, điểm trung bình chung của các giải pháp khảo nghiệm tính cần thiết từ 4.69 - 4.86 điểm, còn tính khả thi từ 4.66 - 4.89 điểm, như vậy đều lớn hơn 4.20 điểm thuộc mức rất cần thiết và rất khả thi. Do vậy, các giải pháp đã lựa chọn nhận được ý kiến đánh giá của các cán bộ quản lý, chuyên gia và HLV ở mức rất cần thiết và rất khả thi. Từ kết quả thu được ở biểu đồ 3.14, giá trị tương quan thứ hạng Spearman giữa tính cần thiết và tính khả thi là 0.900 thuộc mức tương quan rất mạnh. Như vậy, giá trị R có hệ số tương quan dương cho phép đi đến kết luận là tương quan thuận, tức là tính cần thiết tăng thì tính khả thi cũng tăng. Điều đó chứng tỏ các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh đã lựa chọn có tính cần thiết và tính khả thi cao.

Bảng 3.26. Kết quả khảo sát tính cần thiết và khả thi của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n = 35)

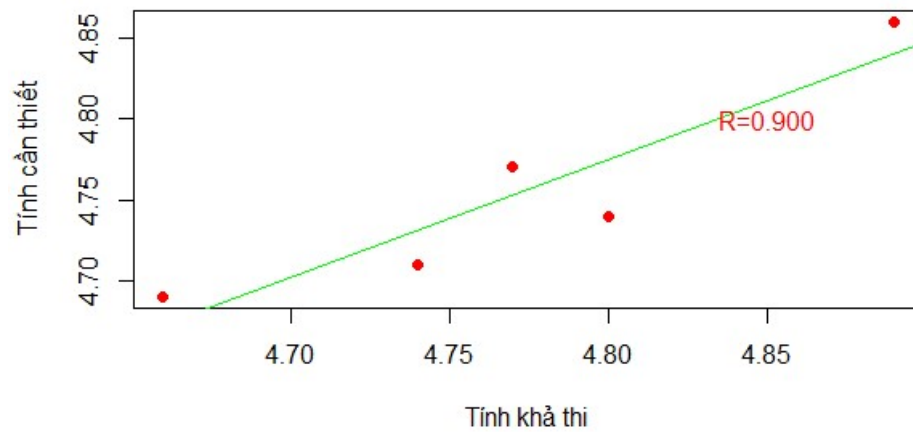
T T	Giải pháp	Tính cần thiết				Tính khả thi			
		Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$	Hạng	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$	Hạng
1	Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá	CT. GP1	4.77	0.43	2	KT. GP1	4.77	0.55	3
2	Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá	CT. GP2	4.74	0.61	3	KT. GP2	4.80	0.47	2
3	Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao	CT. GP3	4.69	0.63	5	KT. GP3	4.66	0.54	5
4	Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên	CT. GP4	4.71	0.57	4	KT. GP4	4.74	0.56	4
5	Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học)	CT. GP5	4.86	0.36	1	KT. GP5	4.89	0.32	1
	\bar{x}		4.75				4.78		
	R (trương quan Spearman's)	0.900							



Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ đánh giá theo về tính cần thiết của các giải pháp



Biểu đồ 3.13. Tỷ lệ đánh giá về tính khả thi của các giải pháp



Biểu đồ 3.14. Mối tương quan thứ bậc giữa tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp

Phỏng vấn lựa chọn tiêu chuẩn đánh giá mức độ đáp ứng trong nhà trường của giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

Một trong những nội dung quan trọng của công tác GDTC trường học là mức độ đáp ứng mục tiêu TDTT trong nhà trường. Trên cơ sở tham khảo tài liệu, quan sát sự phạm và phỏng vấn trực tiếp 35 chuyên gia, giáo viên, giảng viên, HLV, luận án xác định được 04 tiêu chuẩn, đó là:

Mức độ phát triển thể chất: đánh giá bằng 4 test đã được lựa chọn tại mục 3.1.4.2.

Mục tiêu phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao: Đánh giá số lượng VĐV năng khiếu được phát hiện, bồi dưỡng; Số lượng học sinh đạt thành tích thể thao trong năm.

Mục tiêu phát triển phong trào TDTT ngoại khóa: Số lượng học sinh duy trì tập luyện đều đặn; Số lượng học sinh bỏ tập; Số lượng học sinh tham gia tập luyện mới.

Để lựa chọn những tiêu chí phù hợp nhất để đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu TDTT trong nhà trường của giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, luận án tiến hành phỏng vấn 35 chuyên gia, giáo viên, giảng viên, HLV bằng phiếu hỏi. Luận án sẽ lựa chọn những tiêu chí có sự ưu tiên cao trên 70% tổng điểm tối đa và mức độ ưu tiên 1, ưu tiên 2 đảm bảo vượt trội so với ưu tiên 3 ($P < 0,05$). Kết quả trình bày tại bảng 3.27.

Bảng 3.27. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu thể dục thể thao trong nhà trường của giải pháp phát triển môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=35)

TT	Tiêu chí	Ưu tiên 1		Ưu tiên 2		Ưu tiên 3		Tổng điểm	
		m_i	Điểm	m_i	Điểm	m_i	Điểm	Điểm	%
1	Mức độ phát triển thể chất	22	66	12	24	1	1	91	86.67
2	Mục tiêu gia tăng số học sinh tập luyện bóng đá ngoại khóa	21	63	13	26	1	1	90	85.71
3	Mục tiêu phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao	18	54	5	10	12	12	76	72.38
4	Mục tiêu phát triển phong trào TDTT năng khiếu	23	69	12	24	0	0	93	88.57

Kết quả bảng 3.27 cho thấy, có 3 tiêu chí luận án phỏng vấn có sự tán đồng cao của các chuyên gia, giáo viên, giảng viên, HLV với tỷ lệ lựa chọn cao từ 85.0% đến 89%. Như vậy, luận án sẽ sử dụng 03 tiêu chí này để đánh giá về mức độ đáp ứng mục tiêu TDDT trong nhà trường của các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

3.2.4. Đánh giá hiệu quả giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

3.2.4.1. Tổ chức thực nghiệm

Phương pháp thực nghiệm: Luận án sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh song song và so sánh tự đối chiếu (nhóm thực nghiệm).

Nhóm đối chứng 1: là nhóm học sinh không tham gia hoạt động TDDT ngoại khóa, lựa chọn 480 học sinh trong số học sinh các khối lớp không tập luyện môn thể thao nào ngoài giờ học chính khóa.

Nhóm đối chứng 2: là nhóm học sinh có tham gia hoạt động các môn TDDT ngoại khóa được tổ chức tại trường. Luận án lựa chọn được 578 học sinh.

Nhóm thực nghiệm: là nhóm học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa môn bóng đá do luận án nghiên cứu. Lựa chọn được 563 học sinh.

Nhóm đối chứng 2 và nhóm thực nghiệm đều có chung thời điểm tập luyện, số buổi tập trong tuần và thời lượng tập 1 buổi. Hai nhóm này đều có giáo viên phụ trách hướng dẫn.

Cụ thể số lượng học sinh được chia theo từng nhóm đối tượng trình bày tại bảng 3.28. Đối tượng thực nghiệm: Thực nghiệm được tiến hành trên 6 trường (2 trường khối trường trọng điểm, 2 trường khối trường thành thị, 2 trường khối trường nông thôn) THCS tỉnh Bắc Ninh. Các trường lựa chọn có các điều kiện tương đương nhau theo từng nhóm trường. Công tác phân nhóm các trường thành nhóm đối chứng và thực nghiệm được tiến hành bằng phương pháp bốc thăm ngẫu nhiên trong nhóm trường.

Khối trường trọng điểm: 280 học sinh;

Khối trường thành thị: 904 học sinh;

Khối trường nông thôn: 680 học sinh

Đối tượng thực nghiệm: Đối tượng thực nghiệm được chia làm 3 nhóm với nội dung và hình thức tập luyện khác nhau.

Nhóm đối chứng 1: là nhóm học sinh không tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa, lựa chọn 480 học sinh trong số học sinh các khối lớp không tập luyện môn thể thao nào ngoài giờ học chính khóa.

Nhóm đối chứng 2: là nhóm học sinh có tham gia hoạt động các môn TDTT ngoại khóa được tổ chức tại trường (trong đó có một số em học sinh đã từng tập môn bóng đá trước đó), tổng là 578 học sinh.

Nhóm thực nghiệm: là nhóm học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa môn bóng đá do luận án nghiên cứu. Lựa chọn được 563 học sinh.

Theo dõi kết quả thực nghiệm và phân bổ học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm được trình bày tại bảng 3.28.

Bảng 3.28. Phân bổ đối tượng thực nghiệm theo dõi thực nghiệm ứng dụng các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Thời điểm bắt đầu thực nghiệm							
Lớp	Số lượng	Nhóm đối chứng 1		Nhóm đối chứng 2		Nhóm thực nghiệm	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
6	370	60	60	82	44	84	40
7	397	60	60	78	74	63	62
8	423	60	60	78	72	78	75
9	440	60	60	83	76	89	72
Tổng	1630	240	240	321	266	314	249
Thời điểm kết thúc thực nghiệm							
6	306	51	49	69	36	85	39
7	350	56	53	62	61	66	63
8	343	51	50	68	63	80	74
9	382	52	49	71	56	89	72
Tổng	1381	210	201	270	216	320	248

Địa điểm thực nghiệm: Tại 6 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Chi tiết các trường được trình bày tại phụ lục 5.

Thời gian thực nghiệm: Được tiến hành trong năm học 2021-2022 (Từ tháng 9/2021 tới tháng 5/2022).

Công tác kiểm tra, đánh giá:

Trước khi tiến hành thực nghiệm, luận án đã liên hệ với các trường thực nghiệm (06 trường) để xin chủ trương thực nghiệm ứng dụng các giải pháp thực nghiệm. Được sự đồng ý và hỗ trợ nhiệt tình của Ban Giám hiệu các trường thực nghiệm, chúng tôi đã liên hệ với các giáo viên Thể dục của các trường để làm rõ về nội dung và phương pháp ứng dụng từng giải pháp thực nghiệm trong thực tế cũng như hỗ trợ các giáo viên trong toàn bộ quá trình triển khai các giải pháp.

Đánh giá trình độ thể lực của học sinh: được tiến hành tại thời điểm trước thực nghiệm (tháng 9/2021) và sau thực nghiệm (tháng 5/2022). Nội dung kiểm tra, đánh giá gồm 04 test được ban hành kèm theo quyết định Số: 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá hiệu quả thực hiện từng giải pháp.

Đánh giá thông qua phỏng vấn cán bộ quản lý và giáo viên Thể dục tại các trường thực nghiệm về hiệu quả thực hiện các giải pháp.

Nội dung thực nghiệm: Ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn của luận án trong thực tế và đánh giá hiệu quả. Các giải pháp được ứng dụng trong quá trình thực nghiệm gồm:

Giải pháp 1. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá.

Giải pháp 2. Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.

Giải pháp 3. Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.

Giải pháp 4. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.

Giải pháp 5. Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học).

Quá trình thực nghiệm số lượng học sinh của từng nhóm đối tượng có thay đổi, giảm hơn với thời điểm ban đầu là 249 học sinh ở các nhóm và các khối lớp. Luận án sẽ lấy số lượng học sinh ở thời điểm kết thúc thực nghiệm làm số liệu so sánh đánh giá hiệu quả quá trình thực nghiệm.

3.2.4.2. Đánh giá thông qua sự phát triển thể chất của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Thời điểm trước thực nghiệm (tháng 9/2022), luận án tiến hành kiểm tra và so sánh trình độ thể lực của HS nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Nội dung kiểm tra gồm 04 test đánh giá trình độ thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra được trình bày tại bảng 3.29 tới bảng 3.32.

Qua bảng 3.29 tới bảng 3.32 cho thấy: Ở thời điểm trước thực nghiệm, kết quả kiểm tra trình độ thể lực của học sinh nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng là tương đương nhau ở cả học sinh nam và học sinh nữ, từ khối 6 tới khối 9, kết quả thể hiện ở $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $P > 0.05$. Như vậy, ở thời điểm trước thực nghiệm, trình độ thể lực của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm là tương đương nhau, hay nói cách khác, sự phân nhóm là khách quan.

Song song với việc so sánh trình độ thể lực của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm, chúng tôi tiến hành so sánh tỷ lệ xếp loại thể lực của học sinh nhóm đối chứng và thực nghiệm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả được trình bày ở bảng 3.33.

Qua bảng 3.33 cho thấy: Tương tự như so sánh kết quả kiểm tra trình độ thể lực của HS nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, ở thời điểm trước thực nghiệm, kết quả so sánh phân loại thể lực HS theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT cũng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thể hiện ở $\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $P > 0.05$. Như vậy, kết quả phân loại thể lực của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm là tương đương nhau, hay nói cách khác, sự phân nhóm là khách quan.

Thời điểm sau thực nghiệm:

Thời điểm tháng 5/2023, sau khi kết thúc 1 năm thực nghiệm ứng dụng các giải pháp lựa chọn của luận án, chúng tôi tiếp tục kiểm tra và so sánh trình độ thể lực của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Kết quả được trình bày từ bảng 3.34 tới bảng 3.37.

Qua bảng 3.34 tới bảng 3.37 cho thấy: Ở thời điểm sau 1 năm học thực nghiệm, kết quả kiểm tra trình độ thể lực của học sinh nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở cả học sinh nam và học sinh nữ, từ khối 6 tới khối 9, kết quả thể hiện ở $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $P < 0.05$. Như vậy, sau 1 năm học ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn và xây dựng của luận án, trình độ thể lực của học sinh nhóm thực nghiệm đã tốt hơn hẳn nhóm đối chứng ở tất cả các test kiểm tra. Chứng tỏ các giải pháp đã lựa chọn của luận án đã có hiệu quả cao trong việc phát triển thể lực cũng như phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh nhóm thực nghiệm.

Luận án tiếp tục đi tìm hiểu kết quả phân loại trình độ thể lực của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thời điểm sau thực nghiệm. Kết quả được trình bày tại bảng 3.38.

Qua bảng 3.38 cho thấy, phân loại trình độ thể lực của nhóm thực nghiệm ở 4 khối lớp 6, lớp 7, lớp 8 và lớp 9, cả nam và nữ có tỷ lệ học sinh đạt loại tốt và đạt nhiều hơn so với 2 nhóm cùng nghiên cứu và có tỷ lệ học sinh không đạt rất thấp theo tiêu chuẩn thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, cụ thể:

Nhóm thực nghiệm có phân loại thể lực loại tốt của đối tượng nam có từ 29% đến 41.53%, đối tượng nữ có từ 26% đến 31%. Loại đạt đối tượng nam có từ 53% đến 67%, đối tượng nữ cũng tương đương. Tỷ lệ học sinh không đạt chỉ chiếm khoảng (7.0%) ở cả đối tượng nam và nữ.

Nhóm đối chứng 2 có phân loại thể lực loại tốt của đối tượng nam từ 11% đến 27%, đối tượng nữ có từ 16% đến 20%. Loại đạt đối tượng nam có từ 73.53% đến 77.42%, đối tượng nữ có từ 71.01% đến 77.46%. Loại không đạt vẫn còn, đối tượng nam còn 7.14% đến 11.29%, đối tượng nữ còn 8.45% đến 13.04%.

Nhóm đối chứng 1 có phân loại thể lực loại tốt của đối tượng nam từ 5.7%

đến 13.7%, đối tượng nữ có từ 9.8% đến 16.3%. Loại đạt đối tượng nam có từ 58.8% đến 66.0%, đối tượng nữ có từ 57.1% đến 60.7%. Loại không đạt vẫn còn chiếm tỷ lệ cao, đối tượng nam còn 27.5% đến 30.6%, đối tượng nữ còn 26.5% đến 31.4%.

So sánh về nhịp tăng trưởng:

Để thể hiện rõ hơn sự tăng trưởng của các nhóm nghiên cứu, luận án tiến hành so sánh nhịp tăng trưởng của cả 3 nhóm: nhóm thực nghiệm, nhóm đối chứng 2 và nhóm đối chứng 1 bằng hình thức so sánh giữa các nhóm và so sánh dọc của từng nhóm sau 01 năm thực nghiệm. Kết quả được trình bày tại bảng 3.39 và bảng 3.40.

Bảng 3.29. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 6 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=370)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t		
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc2-đc1	đc1-tn
	Nam	n=84			n=82			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	159.70	8.36	5.23	160.42	8.76	5.46	159.30	9.36	5.88	1.13	1.88	0.66
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	15.52	1.55	9.99	15.76	1.05	6.66	15.62	1.05	6.72	0.96	0.69	0.42
3	Chạy 30 m XPC (giây)	5.78	0.58	10.03	5.73	0.48	8.38	5.81	0.45	7.75	0.31	0.59	0.20
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	861.60	68.63	7.97	862.50	45.63	5.29	860.50	63.81	7.42	0.54	1.38	0.66
	Nữ	n=40			n=44			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	155.70	8.36	5.37	156.42	8.76	5.60	156.30	9.36	5.99	1.58	0.23	1.19
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	15.12	1.55	10.25	15.42	1.05	6.81	15.32	1.15	7.51	1.70	0.56	1.03
3	Chạy 30 m XPC (giây)	6.11	0.58	9.49	6.01	0.48	7.99	6.05	0.45	7.44	0.89	0.35	0.50
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	842.50	68.63	8.15	844.50	45.63	5.40	843.30	63.81	7.57	1.71	0.94	0.58

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.30. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 7 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=397)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t		
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc2-đc1	đc1-tn
	Nam	n=62			n=78			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	165.57	10.36	6.26	165.89	8.76	5.28	164.96	9.36	5.67	0.53	1.80	1.07
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	18.76	2.51	13.38	18.46	1.95	10.56	18.31	1.05	5.73	1.01	0.73	1.87
3	Chạy 30 m XPC (giây)	5.71	0.54	9.46	5.61	0.48	8.56	5.81	0.45	7.75	0.71	1.71	0.79
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	896.50	72.61	8.10	897.80	45.63	5.08	895.50	63.81	7.13	0.84	1.79	0.67
	Nữ	n=63			n=74			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	160.40	9.43	5.88	161.39	8.76	5.43	160.99	9.36	5.81	1.91	0.76	1.07
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	17.22	1.45	8.42	17.57	1.05	5.98	17.41	1.15	6.61	1.81	0.88	0.93
3	Chạy 30 m XPC (giây)	5.86	0.59	10.07	5.81	0.44	7.57	5.88	0.55	9.35	0.40	0.57	0.15
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	861.90	68.63	7.96	863.50	45.63	5.28	862.68	63.81	7.40	1.22	0.63	0.53

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.31. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 8 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=423)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t		
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc2-đc1	đc1-tn
	Nam	n=78			n=78			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	168.41	10.36	6.15	169.19	8.76	5.18	168.96	9.36	5.54	1.53	0.44	1.01
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.43	0.51	9.39	5.46	0.48	8.79	5.41	0.45	8.32	0.26	0.42	0.17
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	11.09	1.11	10.01	11.07	1.15	10.39	11.12	1.16	10.43	0.11	0.27	0.16
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	934.59	98.61	10.55	936.80	85.63	9.14	935.80	95.81	10.24	1.40	0.60	0.71
	Nữ	n=75			n=72			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	162.18	10.43	6.43	163.09	9.71	5.95	162.55	10.36	6.37	1.79	0.99	0.67
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.74	0.53	9.23	5.70	0.54	9.47	5.72	0.59	10.31	0.34	0.15	0.16
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	11.59	1.20	10.35	11.56	1.19	10.29	11.57	1.15	9.94	0.17	0.05	0.11
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	895.50	68.63	7.66	897.50	45.63	5.08	896.98	63.81	7.11	1.65	0.41	1.06

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.32. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 9 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm trước thực nghiệm (n=440)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t		
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc2-đc1	đc1-tn
	Nam	n=72			n=76			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	168.41	10.36	6.15	169.19	8.76	5.18	168.96	9.36	5.54	1.53	0.44	1.00
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.22	0.51	9.77	5.13	0.51	9.94	5.24	0.49	9.35	0.77	0.90	0.16
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	10.42	1.01	9.69	10.27	1.15	11.20	10.32	1.16	11.24	0.88	0.27	0.55
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	986.74	91.68	9.29	988.80	94.63	9.57	985.80	93.89	9.52	1.30	1.79	0.56
	Nữ	n=89			n=83			n=60					
1	Bật xa tại chỗ (cm)	164.68	9.83	5.97	165.19	9.49	5.74	164.35	9.66	5.88	1.08	1.60	0.63
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.44	0.41	7.54	5.34	0.49	9.18	5.57	0.59	10.59	0.98	1.83	1.08
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	11.19	1.10	9.83	11.01	1.11	10.08	11.27	1.19	10.56	1.12	1.43	0.45
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	926.50	76.63	8.27	928.50	79.63	8.58	925.98	73.81	7.97	1.48	1.70	0.36

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.33. Kết quả phân loại trình độ thể lực của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thời điểm trước thực nghiệm

Phân loại	NAM						NỮ						χ^2	
	Thực nghiệm		Đối chứng 2		Đối chứng 1		Thực nghiệm		Đối chứng 2		Đối chứng 1			
	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%		
Lớp 6	86		82		60		40		44		60			
Tốt	11	12.79	11	13.41	8	13.3	0.515	5	12.5	6	13.63	8	13.33	0.045
Đạt	53	61.62	53	61.62	36	60.0		28	70.00	30	68.18	41	68.3	
Không đạt	22	25.58	18	21.95	16	26.7		7	17.5	8	18.18	11	18.33	
Lớp 7	63		78		60		62		74		60			
Tốt	13	20.63	16	20.51	12	20.0	0.085	13	20.96	15	20.27	12	20.0	0.197
Đạt	39	61.90	47	60.25	37	61.67		39	62.90	45	60.81	37	61.67	
Không đạt	11	17.46	15	19.23	11	18.3		10	16.13	14	18.92	11	18.3	
Lớp 8	78		78		60		75		72		60			
Tốt	16	20.51	16	20.51	11	18.3	0.414	15	20.00	14	19.44	12	20.0	0.296
Đạt	49	62.82	47	60.25	39	65.0		46	61.33	46	63.89	36	60.0	
Không đạt	13	16.67	15	19.23	10	16.67		14	18.67	12	16.67	12	20.0	
Lớp 9	89		83		60		72		76		60			
Tốt	19	21.34	18	21.05	13	21.67	0.234	14	19.44	15	19.73	12	20.0	0.329
Đạt	54	60.67	51	61.44	38	63.33		46	63.89	48	63.16	36	60.0	
Không đạt	16	17.98	14	16.87	9	15.00		12	16.67	13	17.11	12	20.0	

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.34. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 6 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=306)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t	
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc1-tn
	Nam	n=85			n=69			n=51				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	166.78	7.36	4.41	163.42	7.76	4.75	161.30	9.36	5.80	5.18***	3.32***
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.21	0.38	7.29	5.69	0.48	8.44	5.81	0.45	7.75	3.11**	0.80
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	11.36	0.35	3.08	11.76	1.15	9.78	11.86	1.16	9.78	1.96*	0.42
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	886.60	68.63	7.74	879.50	45.63	5.19	863.50	63.81	7.39	3.99***	9.98***
	Nữ	n=39			n=36			n=49				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	160.20	8.26	5.16	159.18	8.46	5.31	157.90	8.36	5.29	2.04*	2.39**
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.39	0.51	9.46	5.89	0.44	7.47	5.99	0.45	7.51	4.19***	0.81
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	11.51	1.11	9.64	11.96	1.15	9.62	12.11	1.15	9.50	2.45**	0.76
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	859.50	68.63	7.98	853.50	63.63	7.46	849.30	65.81	7.75	4.27***	2.82**

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.35. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 7 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=350)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t	
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc1-tn
	Nam	n=66			n=62			n=56				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	169.57	9.36	5.52	168.39	9.88	5.87	165.94	9.66	5.82	2.09*	4.19***
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.15	0.46	8.93	5.48	0.45	8.21	5.79	0.45	7.77	2.69**	2.47**
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	10.56	0.81	7.67	10.99	1.05	9.55	11.38	1.16	10.19	2.46**	1.98*
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	921.50	52.61	5.71	915.58	49.63	5.42	907.50	63.81	7.03	4.55***	5.71***
	Nữ	n=63			n=61			n=53				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	164.43	8.43	5.13	163.05	8.26	5.07	161.50	8.36	5.18	2.62*	2.90**
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.16	0.39	7.56	5.57	0.43	7.72	5.83	0.51	8.75	3.51***	2.05*
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	11.21	1.02	9.10	11.60	1.19	10.26	11.90	1.15	9.66	2.03*	1.50
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	898.50	62.53	6.96	881.50	46.13	5.23	875.65	54.81	6.26	12.61***	4.44***

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.36. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 8 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=343)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t	
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc1-tn
	Nam	n=80			n=68			n=51				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	172.50	8.56	4.96	170.50	8.96	5.26	169.50	10.36	6.11	3.59***	1.73
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.02	0.42	8.37	5.36	0.48	8.96	5.40	0.45	8.33	2.70**	0.32
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	10.45	0.86	8.23	10.95	1.11	10.14	11.09	1.16	10.46	2.70**	0.71
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	974.50	56.61	5.81	966.50	82.63	8.55	953.80	95.81	10.05	5.17***	7.22***
	Nữ	n=74			n=63			n=50				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	167.50	8.97	5.36	165.50	10.71	6.47	163.50	10.50	6.42	3.58***	3.24***
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.28	0.40	7.58	5.61	0.57	10.16	5.70	0.55	9.65	2.66**	0.64
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	10.89	0.87	7.99	11.28	1.11	9.84	11.50	1.15	10.00	2.20*	1.09
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	938.50	42.50	4.53	929.50	41.63	4.48	926.50	74.81	8.07	7.79***	2.04*

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.37. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh lớp 9 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thời điểm sau thực nghiệm (n=382)

TT	Test	Thực nghiệm			Đối chứng 2			Đối chứng 1			t	
		\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	\bar{x}	$\pm\delta$	Cv%	tn-đc2	đc1-tn
	Nam	n=89			n=71			n=52				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	178.41	9.39	5.04	173.19	10.76	6.04	172.50	12.36	7.17	14.47***	8.68***
2	Chạy 30 m XPC (giây)	4.65	0.38	8.17	5.01	0.50	9.98	5.22	0.49	9.39	3.02**	1.55
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	9.26	0.63	6.80	10.01	1.03	10.29	10.30	1.04	10.10	4.55***	1.48
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1032.5	71.68	6.87	1003.5	82.63	8.23	986.80	85.89	8.70	25.45	9.44***
	Nữ	n=72			n=56			n=49				
1	Bật xa tại chỗ (cm)	171.61	8.85	5.01	168.50	8.49	5.01	165.50	8.67	5.24	14.68***	7.35***
2	Chạy 30 m XPC (giây)	5.03	0.31	6.16	5.28	0.41	7.77	5.55	0.55	9.91	2.56**	2.07*
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	10.15	0.71	7.00	10.85	1.01	9.31	11.21	1.09	9.72	4.63***	1.89
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	962.50	72.55	7.54	935.50	75.63	8.08	930.58	75.50	8.11	19.34***	3.05**

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.38. Kết quả phân loại trình độ thể lực của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thời điểm sau thực nghiệm

Phân loại	NAM						χ^2	NỮ						χ^2
	Thực nghiệm		Đối chứng 2		Đối chứng 1			Thực nghiệm		Đối chứng 2		Đối chứng 1		
	m_i	%	m_i	%	m_i	%		m_i	%	m_i	%	m_i	%	
Lớp 6	85		69		51			39		36		49		
Tốt	35	41.18	11	15.94	5	9.80	30.433***	15	41.67	6	16.67	5	10.20	17.702**
Đạt	46	53.85	49	71.01	30	58.8		19	52.78	24	66.67	29	59.18	
Không đạt	4	4.7	9	13.04	16	31.37		2	5.56	6	16.67	15	30.61	
Lớp 7	69		62		56			63		61		53		
Tốt	29	28.98	7	11.29	6	10.71	16.376**	18	30.51	10	16.39	6	11.32	13.519*
Đạt	46	66.7	45	72.58	35	62.51		37	62.71	43	70.49	33	62.26	
Không đạt	4	5.80	10	16.12	15	26.79		4	6.78	8	13.11	14	26.42	
Lớp 8	80		68		51			74		63		50		
Tốt	27	33.75	18	26.47	8	15.68	11.972*	13	27.08	12	19.05	7	14.0	12.668*
Đạt	49	61.25	40	58.82	30	58.82		32	66.67	45	71.43	29	58.0	
Không đạt	4	5.00	10	14.71	13	25.49		3	6.25	6	9.52	14	28.0	
Lớp 9	89		71		52			72		56		49		
Tốt	29	32.58	19	26.76	6	11.54	17.639**	19	26.39	10	17.85	8	16.32	10.530*
Đạt	54	60.67	43	60.56	31	59.62		48	66.67	39	69.64	28	57.14	
Không đạt	6	6.74	9	12.67	15	28.85		5	6.94	7	12.5	13	26.53	

Ghi chú: * P<0.05; ** P<0.01; *** P<0.001

Bảng 3.39. So sánh nhịp tăng trưởng sau 1 năm tập luyện của các nhóm (lớp 6 và lớp 7)

TT	Test	LỚP 6						LỚP 7					
		W%			So sánh W%			W%			So sánh W%		
		TN	ĐC2	ĐC1	TN- ĐC ₂	ĐC ₂ - ĐC ₁	TN- ĐC ₁	TN	ĐC2	ĐC1	TN- ĐC ₂	ĐC ₂ - ĐC ₁	TN- ĐC ₁
	Nam												
1	Bật xa tại chỗ (cm)	9.08	3.0	2.0	+	+	+	4.03	2.50	0.98	+	+	+
2	Chạy 30 m XPC (giây)	0.57	0.4	0.00	+	+	+	0.70	0.13	0.02	+	+	+
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	0.40	0.10	0.10	+	+	+	0.57	0.12	0.06	+	+	+
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	25.0	17.0	3.00	+	+	+	36.60	17.78	12	+	+	+
	Nữ												
1	Bật xa tại chỗ (cm)	4.50	2.76	1.30	+	+	+	4.03	1.66	0.51	+	+	+
2	Chạy 30 m XPC (giây)	0.72	0.12	0.06	+	+	+	0.70	0.24	0.05	+	+	+
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	0.98	0.30	0.22	+	+	+	0.57	0.06	0.06	+	+	+
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	17.0	9.00	6.00	+	+	+	36.60	18.00	12.97	+	+	+

Bảng 3.40. So sánh nhịp tăng trưởng sau 1 năm tập luyện của các nhóm (lớp 8 và lớp 9)

TT	Test	LỚP 8						LỚP 9					
		W			So sánh W%			W			So sánh W%		
		TN	ĐC2	ĐC1	TN- ĐC ₂	ĐC ₂ - ĐC ₁	TN- ĐC ₁	TN	ĐC2	ĐC1	TN- ĐC ₂	ĐC ₂ - ĐC ₁	TN- ĐC ₁
	Nam												
1	Bật xa tại chỗ (cm)	4.09	1.31	0.54	+	+	+	10.0	4.23	3.45	+	+	+
2	Chạy 30 m XPC (giây)	0.41	0.10	0.01	+	+	+	0.56	0.23	0.02	+	+	+
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	0.64	0.17	0.03	+	+	+	1.16	0.31	0.02	+	+	+
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	39.91	29.70	18.00	+	+	+	45.76	17.70	1.00	+	+	+
	Nữ												
1	Bật xa tại chỗ (cm)	5.32	2.41	0.95	+	+	+	6.92	4.15	1.15	+	+	+
2	Chạy 30 m XPC (giây)	0.46	0.09	0.02	+	+	+	0.41	0.29	0.02	+	+	+
3	Chạy con thoi 4x10 m (giây)	0.70	0.28	0.07	+	+	+	1.04	0.42	0.06	+	+	+
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	43.0	32.00	29.52	+	+	+	36.0	9.52	4.60	+	+	+

Qua bảng 3.39 và bảng 3.40 cho thấy: Sau 1 năm học thực nghiệm ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn của luận án, nhịp tăng trưởng thể lực của học sinh nhóm thực nghiệm đã tốt hơn hẳn nhóm đối chứng ở cả học sinh nam và học sinh nữ từ khối 6 tới khối 9. Chứng tỏ các giải pháp đã lựa chọn của đề tài đã có hiệu quả cao trong việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh nhóm thực nghiệm

3.2.4.3. Đánh giá thông qua kết quả thực nghiệm các nhóm giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

Song song với việc đánh giá thể lực của học sinh nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, chúng tôi tiến hành đánh giá kết quả thực nghiệm ứng dụng các nhóm giải pháp của luận án. Cụ thể kết quả thực hiện từng giải pháp như sau:

Giải pháp 1. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá.

Thường xuyên tổ chức các buổi thi đấu bóng đá giữa các lớp trong cùng khối học hoặc giữa các khối học trong trường. Phương pháp này không tốn kém kinh phí, thu hút được nhiều người tham gia và tiếp xúc với môn thể thao vua có thể huy động sự ủng hộ của phụ huynh để khích lệ các con bằng vật chất hoặc tinh thần.

Đã phối hợp với các trường THCS lân cận tổ chức các buổi giao lưu bóng đá theo từng khối học.

Tổ chức các giải thi đấu bóng đá trong toàn trường định kỳ hàng năm 1 đến 2 lần và yêu cầu tất cả các lớp học phải tham gia. Đây không chỉ là biện pháp kích thích các em tham gia tập luyện để thi đấu mà còn giúp các em tiếp xúc với môn thể thao vua thông qua hoạt động cổ vũ cho đồng đội, từ đó thêm yêu thích TDTT nói chung và môn Bóng đá nói riêng.

Tổ chức công tác tuyên truyền, thông báo trước mỗi buổi tổ chức giao lưu bóng đá nội bộ hay phối hợp với các trường khác để đồng đảo học sinh biết và tham gia thi đấu, tham gia cổ vũ, lan tỏa niềm đam mê thể thao với các em.

Giải pháp 2. Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.

Tổ thể dục đã phối hợp với các phòng chức năng đặc biệt là Đoàn thanh niên nhà trường quán triệt các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác TDTT trong trường học. Làm cho lực lượng cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh và học sinh hiểu rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác GDTC trong trường học các cấp, hiểu rõ về mục đích, tác dụng của bóng đá học đường.

Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh của Nhà trường về tầm quan trọng của công tác GDTC trong Nhà trường cũng như phong trào tập luyện bóng đá trong trường học.

Tuyên truyền bằng hệ thống hình ảnh, pano, áp phích về tầm quan trọng của môn bóng đá với sức khỏe.

Giáo viên giảng dạy Thể dục có nhiệm vụ thông qua bài giảng liên hệ với thực tế giúp học sinh hiểu được vai trò, ý nghĩa, tác dụng và lợi ích của môn bóng đá học đường.

Tổ chức các cuộc thi đấu bóng đá trong trường học, phổ biến kiến thức khoa học về TDTT thông qua hệ thống thông tin chính thức (phát thanh, cổng thông tin điện tử của trường nếu có) hoặc các thông tin dựa trên mạng xã hội (Facebook, Fanpage, Website của Trường...).

Giải pháp 3. Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.

Đã tận dụng tối đa CSVC sẵn có của Nhà trường trong việc tập luyện môn bóng đá. Ví dụ, Thiết kế giáo án giảng dạy dựa trên cơ sở các trang thiết bị, dụng cụ sẵn có của Nhà trường, sử dụng nhà thể chất hoặc sân thể chất để tập luyện môn bóng đá khi không có giờ học...

Có chế độ bảo quản phù hợp với mỗi loại trang thiết bị, dụng cụ, CSVC tập luyện.

Có hướng dẫn sử dụng phù hợp với từng loại CSVC sẵn có.

Tăng cường phát động thi đua có sáng kiến kinh nghiệm về việc tận dụng và bảo quản hợp lý CSVC sẵn có của Nhà trường.

Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ của công cho học sinh nhà trường, tăng cường phát động các phong trào tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn trường.

Chi ủy, Ban giám hiệu đã cho chủ trương xã hội hóa các hoạt động TDTT cũng như đầu tư CSVC phục vụ tập luyện TDTT.

Đã liên hệ với các doanh nghiệp, địa phương kêu gọi tài trợ các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện.

Đã liên hệ với các trung tâm bóng đá cộng đồng trong tỉnh để cùng lên phương án sử dụng sân bãi dụng cụ và cùng phối hợp. Các trường học gần các sân vận động lớn của địa phương đã tận dụng sân bóng đá để tập thể dục và phát triển bóng đá học đường.

Giải pháp 4. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.

Các giáo viên Thể dục đã cập nhật các kiến thức, phương pháp huấn luyện bóng đá học đường cho học sinh. Đối với các trường học gần trung tâm huấn luyện hoặc trường thể dục thể thao Bắc Ninh đã liên hệ nhờ hỗ trợ địa điểm tập luyện hoặc nhờ đội ngũ hướng dẫn chuyên môn. Hằng năm đã xin đoàn thực tập là các sinh viên chuyên ngành bóng đá về hỗ trợ, giúp việc mỗi kỳ 2 tháng.

Theo dõi các thông tin về việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên.

Các giáo viên sau khi được cử đi học sẽ phải tổng kết lại các kiến thức đã học và tổ chức trao đổi chuyên môn với các giáo viên Thể dục khác trong trường.

Khuyến khích và tạo điều kiện để giáo viên tham gia tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn cũng như cập nhật các kiến thức mới trong dạy học GDTC.

Đã tổ chức bình giảng theo học kỳ, hội giảng thường kỳ 2-3 năm/lần để các giáo viên trao đổi học thuật, nâng cao trình độ chuyên môn.

Giải pháp 5. Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học).

Đã căn cứ vào thời khoá biểu để sắp xếp 1 tuần 1 giờ ngoại khoá bắt buộc và 1 tuần 1 giờ ngoại khoá tự nguyện, các giờ ngoại khoá đều có sự hướng dẫn của giáo viên TDTT. Mỗi giờ đều có 2 nội dung: Ôn tập kỹ thuật và phát triển

phong trào tập luyện môn bóng đá. Nhìn chung mỗi giờ ngoại khoá kéo dài tối đa là 60 phút. Khuyến khích học sinh tự tập luyện ngoại khóa thêm.

Đã phối hợp giữa giáo viên thể dục với giáo viên chủ nhiệm lớp và phụ huynh để sắp xếp thời gian hợp lý cho việc ngoại khóa. Giờ ngoại khóa cũng được tiến hành tương tự giờ nội khóa nghĩa là các giáo viên cũng phải chuẩn bị giáo án, sân bãi, dụng cụ và điều hành các em tập luyện 1 cách có tổ chức.

Giờ ngoại khóa được giáo viên điểm danh theo dõi để có điểm thưởng cho học tập môn thể dục.

Tổ chức các hình thức ngoại khóa đa dạng (theo nhóm, lớp, liên kết các lớp...).

Tổ chức ngoại khóa bằng các hình thức giao lưu thể thao, thi đấu thể thao giữa các lớp, thi đấu bóng đá giữa các lớp. Phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các trò chơi vận động sau giờ chào cờ hàng tuần...

Khi soạn giáo án giảng dạy, giáo viên căn cứ vào nội dung giảng dạy, cấu trúc phần cơ bản của giáo án để lựa chọn phương pháp phù hợp. Ví dụ dạy nội dung mới có thể sử dụng phương pháp nêu vấn đề, phương pháp vòng tròn, phương pháp thi đấu... để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá có thể dùng phương pháp trò chơi, phương pháp thi đấu... các phương pháp sử dụng nên luân phiên và xen kẽ nhau. Tránh trong 1 giáo án chỉ dùng đơn độc 1 hoặc 2 phương pháp.

Tổ chức họp tổ môn để thống nhất các phương pháp sử dụng trong các giờ học nội khóa cũng như nội dung tự chọn trong giờ học nội khóa. Trao đổi góp ý, hoàn thiện các giáo án dạy học môn học GDTC cho từng nội dung, từng khối học. Thống nhất giáo án dạy học trong toàn tổ môn.

Bộ môn (tổ môn) thể dục khuyến khích sử dụng các phương pháp giảng dạy theo quy định. Tổ chức giảng dạy mẫu theo phương pháp mới. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các phương pháp.

Đã lựa chọn các bài tập phù hợp để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh có hiệu quả.

3.2.4.4. *Đánh giá thông qua phỏng vấn cán bộ quản lý và giáo viên thể dục tại các trường thực nghiệm về hiệu quả thực hiện các giải pháp*

Ngoài việc đánh giá việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh, luận án tiến hành đánh giá hiệu quả thực hiện giải pháp thông qua phỏng vấn về thực tiễn các giải pháp. Phỏng vấn được tiến hành bằng phiếu hỏi với 35 (cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên tại 6 trường thực nghiệm thuộc nhóm đối tượng phỏng vấn (phụ lục 6). Phỏng vấn được tiến hành bằng thang độ likert 5 mức tương ứng: Rất hiệu quả tới rất không hiệu quả. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3.41.

Bảng 3.41. Kết quả phỏng vấn đánh giá hiệu quả thực hiện các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh (n=35)

TT	Tiêu chí	Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá
1	Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá	154	4.40	Rất hiệu quả
2	Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.	152	4.34	Rất hiệu quả
3	Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.	140	4.00	Hiệu quả
4	Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.	149	4.25	Rất hiệu quả
5	Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học	155	4.42	Rất hiệu quả

Qua bảng 3.41 cho thấy: Các giải pháp đều được các cán bộ quản lý và giáo viên Thể dục tại các trường đánh giá ở mức rất hiệu quả và hiệu quả. Riêng giải pháp cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao được đánh giá ở mức hiệu quả. Như vậy, có thể thấy các giải pháp lựa chọn và xây dựng của luận án có hiệu quả cao trong việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

3.2.4.5. Đánh giá thông qua mục tiêu phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa

Để đánh giá tiêu chí phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa luận án tiến hành thu thập số liệu thống kê các nội dung liên quan như số học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa các môn thể thao, số học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa môn bóng đá, số giải thi đấu môn bóng đá. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3.42.

Bảng 3.42. Kết quả tổng hợp đánh giá tiêu chí phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa

TT	Tiêu chí	Thống kê		Nhịp tăng trưởng (W%)
		Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	
1	Số học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa các môn thể thao	52.8	55.1	2.3
2	Số học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa môn bóng đá	49.2	53.8	4.6
3	Tham gia thi đấu môn bóng đá	43.1	45.2	2.1

Qua bảng 3.42 cho thấy: Các tiêu chí đều có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực sau khi áp dụng các giải pháp mà luận án lựa chọn để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh.

3.2.5. Bàn luận kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 2

Bàn luận về quy trình lựa chọn giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh:

Quá trình lựa chọn các giải pháp đã tuân thủ các căn cứ lý luận (đã được trình bày trong chương 1 của luận án) và các căn cứ thực tiễn (đã được phân tích chi tiết trong phần 3.1 của luận án), tuân thủ các nguyên tắc cơ bản khi lựa chọn giải pháp. Đây là những căn cứ khoa học cần thiết để đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ từ các cơ sở lý luận, từ kết quả nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, luận án đã đề xuất được 5 giải pháp phát triển phong trào tập luyện

môn bóng đá cho học sinh tương ứng với 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh.

Trên cơ sở các giải pháp đề xuất được, luận án đã tiến hành phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi để tận dụng trí tuệ tập thể, kết quả lựa chọn được 5 giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh. Song song với đó, luận án tiến hành kiểm định thang đo đã xây dựng bằng hệ số Cronbach's Alpha để kiểm định độ tin cậy của các giải pháp. Kết quả đã lựa chọn được 5 giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Để khẳng định sự phân nhóm các yếu tố là chính xác, luận án tiến hành kiểm tra xem mô hình lý thuyết (đã xây dựng theo từng nhóm tương ứng nhóm các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh) có phù hợp với thực tế không bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (Sử dụng kiểm định KMO trong phân tích EFA). Kết quả cho thấy: Các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh mà luận án đã xây dựng hoàn toàn phù hợp khi được kiểm định thực tế, thể hiện ở Hệ số KMO = 0.723, thỏa mãn yêu cầu $0.5 \leq KMO \leq 1.00$ ở ngưỡng $Sig < 0.001$. Hệ số tải nhân tố = 2.328 > 1.00 và tổng phương sai trích đạt 0.723, thỏa mãn yêu cầu trong khoảng từ 0.5 tới 1.00. Điều này khẳng định mô hình lý thuyết hoàn toàn phù hợp với thực tiễn.

Nếu như các tác giả nghiên cứu xây dựng giải pháp hiện nay tại Việt nam như: Đỗ Đình Quang (2013) [53], Nguyễn Đức Thụy (2016) [72], Nguyễn Văn Toàn (2015) [73], Võ Văn Vũ (2014) [80], Trần Dũng (2020) khi lựa chọn giải pháp chỉ dừng lại ở việc lựa chọn qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi thì kết quả nghiên cứu của luận án đã tiến hành các thuật toán khẳng định các giải pháp được lựa chọn là phù hợp và sự phân nhóm giải pháp là khách quan. Đây là điểm mới trong kết quả nghiên cứu luận án.

Bàn luận nội dung các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh:

Quá trình nghiên cứu của luận án đã quan tâm toàn diện tới các mặt của quá trình GDTC, đảm bảo phát huy tối đa những ưu điểm và khắc phục các nhược điểm trong quá trình đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh. Việc đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh xuất phát từ các nhóm yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá là hoàn toàn khoa học.

Các giải pháp lựa chọn của luận án có những điểm tương đồng nhất định với một số công trình có liên quan về các vấn đề lớn như: Tác giả Đỗ Đình Quang (2013) [53] đã quan tâm tới vấn đề giáo dục đạo đức học tập cho sinh viên, nâng cao lượng vận động trong giờ học, ứng dụng phương pháp tập luyện mới, tăng cường ngoại khóa... nhưng chỉ dừng lại ở các giải pháp đơn lẻ, tác động tới từng mặt của vấn đề; Tác giả Đồng Hương Lan (2016) [47] khi nghiên cứu phát triển thể chất của học sinh THPT chuyên các tỉnh Bắc Miền Trung đã quan tâm tới các vấn đề nâng cao nhận thức của học sinh, đổi mới phương pháp giảng dạy, công tác TDDT ngoại khóa, dạy học theo phân loại sức khỏe... nhưng cũng là những giải pháp đơn lẻ, chưa có hệ thống. Tác giả Lê Thị Thanh Thủy (2018) [48] “Nghiên cứu giải pháp phát triển thể lực cho học sinh Trung học cơ sở Tỉnh Bắc Ninh” đã quan tâm tới các vấn đề nâng cao thể lực của học sinh, đổi mới phương pháp giảng dạy, công tác TDDT ngoại khóa, nhưng cũng là những giải pháp đơn lẻ, chưa có hệ thống... Quá trình nghiên cứu luận án đã quan tâm tới các mặt thuộc 3 nhóm yếu tố và đề ra được 5 giải pháp. Đây cũng là những giải pháp giải quyết triệt để những vấn đề còn tồn tại để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Các giải pháp được đề cập cũng giải quyết các mặt hạn chế của từng yếu tố ảnh hưởng. Nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh làm căn cứ để tác động các giải pháp tiếp theo của luận án. Các giải pháp đã quan tâm toàn diện tới các yếu tố ảnh hưởng, công tác GDTC nội khóa và hoạt động thể thao ngoại khóa. Đặc biệt, các giải pháp đã giải quyết rất sâu về chuyên môn. Tất

cả những vấn đề này đều xuất phát từ kết quả nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Việc xây dựng nội dung các giải pháp đã chú ý đầy đủ tới các phần: Mục đích, nội dung, cách thực hiện, các đơn vị phối hợp cũng như công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện giải pháp. Việc làm này giúp cho việc ứng dụng các giải pháp vào thực tế dễ dàng hơn.

Bàn luận về cách thức tổ chức thực nghiệm ứng dụng các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh các trường trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh:

Cũng giống như nhiều công trình nghiên cứu trong lĩnh vực TDDT, sau khi lựa chọn và xây dựng được nội dung các giải pháp phát triển tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, để đánh giá hiệu quả các giải pháp, luận án đã tiến hành thực nghiệm ứng dụng các giải pháp đã xây dựng trong thực tế và đánh giá hiệu quả.

Về phương pháp thực nghiệm: Luận án sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh song song và so sánh tự đối chiếu để đánh giá hiệu quả chương trình đã xây dựng. Phương pháp thực nghiệm được sử dụng tương tự các tác giả Trần Vũ Phương (2016), tác giả Nguyễn Duy Quyết (2012), tác giả Hồ Đắc Sơn (2004), tác giả Trần Dũng (2020)... Phương pháp thực nghiệm cho phép đánh giá tốt nhất các thay đổi về thể lực của học sinh trong quá trình ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn và xây dựng của luận án.

Về đối tượng thực nghiệm: Thực nghiệm và theo dõi thực nghiệm được tiến hành trên 6 trường THCS tỉnh Bắc Ninh, trong đó có 02 trường trọng điểm, 02 trường thuộc khối trường khu vực thành thị và 02 trường thuộc khu vực nông thôn. Các trường trong từng nhóm đối tượng được lựa chọn tương đương với nhau về các điều kiện CSVC, đội ngũ giáo viên cũng như các điều kiện đảm bảo quá trình GDTC. Việc phân chia nhóm đối chứng và thực nghiệm được tiến hành bằng hình thức bốc thăm ngẫu nhiên các trường theo nhóm. Công việc này đảm bảo cho các trường được phân chia đảm bảo tính ngẫu nhiên. Mặc dù các giải pháp

được tiến hành đồng bộ, nhưng trong điều kiện nghiên cứu, luận án chỉ tiến hành theo dõi kết quả thực nghiệm trên tổng số 1864 học sinh thuộc 6 trường THCS tỉnh Bắc Ninh, tương đương mỗi trường 02 lớp 6, 02 lớp 7, 02 lớp 8 và 02 lớp 9. Các lớp trong mỗi khối học thuộc các trường cũng được lựa chọn bằng phương pháp bốc thăm ngẫu nhiên. Các học sinh THCS được theo dõi trong nhóm đối chứng 1, 2 và thực nghiệm cũng đã được kiểm tra và so sánh thể lực và tỷ lệ phân loại thể lực của học sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đã khẳng định, ở thời điểm trước thực nghiệm, kết quả kiểm tra và phân loại thể lực của học sinh là tương đương nhau. Như vậy, có thể khẳng định, sự phân nhóm đối chứng và thực nghiệm là hoàn toàn khách quan.

Trước khi tiến hành thực nghiệm, luận án đã liên hệ với các trường thực nghiệm (06 trường) để xin chủ trương thực nghiệm ứng dụng các giải pháp thực nghiệm. Được sự đồng ý và hỗ trợ nhiệt tình của Ban Giám hiệu các trường thực nghiệm, chúng tôi đã liên hệ với các giáo viên Thể dục của các trường để làm rõ về nội dung và phương pháp ứng dụng từng giải pháp thực nghiệm trong thực tế cũng như hỗ trợ các giáo viên trong toàn bộ quá trình triển khai các giải pháp. Các nội dung thực nghiệm đều được giải thích chi tiết, thống nhất giữa các trường thực nghiệm. Mỗi giải pháp đều có những điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm của từng trường trong quá trình ứng dụng vào thực tế.

Về công tác đánh giá hiệu quả các giải pháp lựa chọn: Luận án nghiên cứu các giải pháp phát triển tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Quá trình ứng dụng các giải pháp lựa chọn vào thực tế, thay vì chỉ đánh giá sự thay đổi thể lực của học sinh sau 1 năm ứng dụng các giải pháp, luận án đã tiến hành đánh giá các kết quả thực hiện từng giải pháp cũng như phỏng vấn các cán bộ quản lý và giáo viên các trường thực nghiệm về hiệu quả của các giải pháp và các tiêu chí đánh giá sự phát triển phong trào. Việc làm này giúp đánh giá hiệu quả của các giải pháp từ nhiều mặt.

Bàn luận về kết quả thực nghiệm:

Kết quả thực nghiệm của luận án được đánh giá trong cả việc phát triển tập luyện môn bóng đá của học sinh, kết quả thực hiện từng giải pháp và kết quả đánh giá tổng thể của cán bộ quản lý (Ban giám hiệu) và giáo viên Thể dục tại các trường thực nghiệm.

Về kết quả đánh giá thể lực: Sau 01 năm học thực nghiệm ứng dụng các giải pháp thực nghiệm của đề tài, kết quả kiểm tra trình độ thể lực của học sinh nhóm thực nghiệm đã tốt hơn hẳn nhóm đối chứng, nhịp tăng trưởng thể lực cao hơn, đặc biệt là các test đánh giá sức bền và khả năng phối hợp vận động là 2 nội dung có kết quả phân loại thể lực thấp trong quá trình đánh giá thực trạng trình độ thể lực cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh (tại phần 3.1 của luận án). Kết quả tính toán nhịp tăng trưởng và kết quả phân loại thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo của học sinh nhóm thực nghiệm cũng tốt hơn hẳn so với nhóm đối chứng. Như vậy, có thể thấy rằng các giải pháp lựa chọn và ứng dụng của luận án có hiệu quả cao trong việc phát triển tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Về kết quả ứng dụng từng giải pháp:

Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá: Đây là giải pháp đã được triển khai đồng bộ trong tất cả các trường thực nghiệm, nhưng hiệu quả đạt được là thấp nhất, việc kêu gọi xã hội khóa để tăng cường CSVC tập luyện chưa đạt được hiệu quả trên thực tế.

Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ học chính khóa trong nội dung môn tự chọn tại các tiết học). Có thể nhận thấy, đây là giải pháp được triển khai đồng bộ và đạt được hiệu quả cao nhất trong nhóm giải pháp đã ứng dụng của luận án. Nhóm giải pháp này chủ yếu chịu sự ảnh hưởng bởi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Giám hiệu các trường và sự triển khai của các giáo viên Thể dục, những người ủng hộ trực tiếp việc triển khai ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn và xây dựng của luận án. Trong giải pháp này chúng tôi đã cải tiến làm cho giờ học thu hút được học sinh nhiều hơn sự hứng

thú với môn học cũng tốt hơn, các phương pháp dạy học tương ứng cũng đã được cải tiến.

Giải pháp tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên cũng đạt được hiệu quả rất cao. Ngoài chuyên môn thì các cán bộ chuyên trách cũng tổ chức được các chương trình có quy mô rộng hơn tốt hơn cho học sinh đam mê môn bóng đá, có khả năng hướng dẫn có chiều sâu hơn và chuyên nghiệp hơn. Các trận đấu giao hữu giữa các lớp được tổ chức tăng lên so với các năm trước đó.

Giải pháp nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá. Đây là giải pháp tiền đề giúp nâng cao nhận thức của học sinh và tạo điều kiện tốt nhất để tiến hành tất cả các giải pháp tiếp theo của luận án.

Như vậy, các giải pháp lựa chọn của luận án khi ứng dụng vào thực tế đã bước đầu thu được các kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, vẫn còn những giải pháp chưa thu được hiệu quả thiết thực và cần tiếp tục triển khai với các ý kiến đóng góp bổ sung để đạt được hiệu quả cao hơn.

Về kết quả đánh giá thông qua phỏng vấn cán bộ quản lý và giáo viên Thể dục tại các trường thực nghiệm về hiệu quả thực hiện các giải pháp cho thấy: Các giải pháp đều được các cán bộ quản lý và giáo viên Thể dục tại các trường đánh giá ở mức rất hiệu quả và hiệu quả. Đây là ý kiến đánh giá của những người trực tiếp chỉ đạo và triển khai giải pháp của các trường. Các ý kiến đánh giá đã khẳng định hiệu quả của các giải pháp lựa chọn của luận án.

Từ các kết quả nghiên cứu của luận án cho phép có các nhận xét sau:

Luận án đã tiến hành ứng dụng các giải pháp lựa chọn trong thực tế và đánh giá hiệu quả trên sự thay đổi thể lực của học sinh, kết quả thực hiện từng giải pháp cũng như phỏng vấn các cán bộ quản lý và giáo viên các trường thực nghiệm về hiệu quả của các giải pháp. Kết quả cho thấy: Các giải pháp đã lựa chọn và xây dựng của luận án có hiệu quả cao trong việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kết quả ứng dụng các giải pháp cũng

bước đầu thu được hiệu quả thiết thực. Kết quả thu được tốt nhất ở giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDTC nội khóa để phát triển tập luyện môn bóng đá cho học sinh. Các cán bộ quản lý và giáo viên thể dục tại các trường thực nghiệm đánh giá cao về tính hiệu quả của các giải pháp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu của luận án cho phép có các kết luận sau:

1. Quá trình nghiên cứu giải pháp phát triển tập luyện môn bóng đá cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh luận án đã xác định được 21 nhân tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh thuộc 3 nhóm gồm:

Nhóm các yếu tố cá nhân;

Nhóm các yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội;

Nhóm các yếu tố chính sách.

Kết quả đánh giá thực trạng trình độ thể lực của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh cho thấy. Trình độ thể lực của học sinh thuộc các khối trường là tương đương nhau ($P > 0.05$), trong quá trình xây dựng giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh không cần thiết phải xây dựng theo từng khối trường.

Đánh giá thực trạng sử dụng giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh cho thấy: Việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh đã được quan tâm và đã có những biện pháp, giải pháp được áp dụng để khắc phục những vấn đề phát sinh. Tuy nhiên, các biện pháp, giải pháp mới chỉ khắc phục các vấn đề mang tính tình huống, ứng dụng riêng lẻ trong phạm vi từng trường và chưa được nghiên cứu xác định tính hiệu quả của các giải pháp đã áp dụng.

Luận án đã xác định được mức độ quan trọng và mức độ về mối quan hệ giữa 21 nhân tố và các cụm nhân tố được xác định. Trong đó các nhân tố thuộc cụm độc lập và lân cận tạo ra các tác động lớn đến khả năng tham gia tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, cùng với các nhân tố trong cụm tự trị từ đó sử dụng làm cơ sở đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá trong các trường THCS tỉnh Bắc Ninh.

2. Quá trình nghiên cứu đã lựa chọn được 5 giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Các giải pháp lựa chọn đảm bảo tính cần thiết và khả thi cao. Bao gồm:

Giải pháp 1. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá.

Giải pháp 2. Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.

Giải pháp 3. Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.

Giải pháp 4. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.

Giải pháp 5. Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa.

Quá trình nghiên cứu đã xây dựng chi tiết nội dung các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Mỗi giải pháp đều được làm rõ về mục đích, nội dung, cách thực hiện, đơn vị phối hợp và phương pháp kiểm tra, đánh giá hiệu quả giải pháp.

Luận án đã tiến hành ứng dụng các giải pháp lựa chọn trong thực tế và đánh giá hiệu quả trên sự thay đổi thể lực của học sinh, kết quả thực hiện từng giải pháp cũng như phỏng vấn các cán bộ quản lý và giáo viên các trường thực nghiệm về hiệu quả của các giải pháp. Kết quả cho thấy, các giải pháp đã lựa chọn và xây dựng của luận án có hiệu quả cao trong việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh cũng như góp phần phát triển thể chất cho học sinh, số học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa môn bóng đá, tham gia thi đấu môn bóng đá gia tăng đáng kể. Kết quả ứng dụng các giải pháp cũng bước đầu thu được hiệu quả thiết thực. Các cán bộ quản lý và giáo viên thể dục tại các trường thực nghiệm đánh giá cao về tính hiệu quả của các giải pháp.

2. Kiến nghị

Từ các kết luận của luận án cho phép có các kiến nghị sau:

1. Kiến nghị với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh và các trường THCS tỉnh Bắc Ninh: Ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn của luận án để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh, đồng thời tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện các giải pháp nhằm đạt được hiệu quả phát triển phong trào môn bóng đá học đường.

2. Kiến nghị với các nghiên cứu tiếp theo: Cần tiếp tục nghiên cứu về công tác phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá học đường cho học sinh trong trường học các cấp để đưa ra các nhóm giải pháp toàn diện, có hiệu quả để phát triển phong trào tập luyện môn thể thao vua góp phần phát triển thể chất cho học sinh trong trường học các cấp.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN

1. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023), Xác định thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh Trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh, *Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, Số 5/2023.
2. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023), Ứng dụng ISM phân tích các nhân tố tác động đến sự tham gia tập luyện môn bóng đá của học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh, *Tạp chí Khoa học thể thao*. Số đặc biệt/2023.
3. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2024), Xây dựng giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá học đường cho học sinh trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh, *Tạp chí Khoa học thể thao*. Số 3/2024.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Kỳ Anh, Vũ Đức Thu (1993), Chương trình đồng bộ có mục tiêu về cải tiến công tác GDTC trong nhà trường các cấp
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng (1958), *Chỉ thị số 106/CT-TW ngày 2/10/1958 về công tác thể dục thể thao.*
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng (1962), *Chỉ thị 38 CT/TW ngày 28/2/1962 về tăng cường công tác thể dục thể thao quốc phòng.*
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng (1975), *Chỉ thị 227 CT/TW ngày 18/11/1975 về công tác thể dục thể thao trong tình hình mới.*
5. Ban chấp hành Trung ương Đảng (1976), Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV do đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày ngày 14/12/1976 khẳng định công tác TDTT là một mặt cần thiết không thể thiếu trong giáo dục toàn diện hiện đại.
6. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1994), *Chỉ thị số 36/ CT-TW ngày 24/03/1994 của Ban bí thư TW Đảng về công tác TDTT trong giai đoạn mới.*
7. Ban chấp hành Trung ương Đảng (1982), Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V do đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày Ngày 27 tháng 3 năm 1982 về tăng cường hệ thống tổ chức quản lý công tác TDTT ở các cấp ngành, các đoàn thể.
8. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII về công tác thể dục thể thao*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 23/10/2002 về phát triển thể dục thể thao đến năm 2010.*
10. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2011), Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị khoá XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.
12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2011), Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.
13. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
15. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành Thể dục Thể thao*, Tài liệu chuyên khảo dành cho hệ cao học và đại học TDTT, Nxb TDTT, Hà Nội.
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Quyết định số 14/2001/QĐ-BGDĐT ngày 03/05/2001 ban hành Quy chế GDTC và Y tế trường học*.
17. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chỉ thị số 25/2018 CT/BGD&ĐT ngày 02/8/2018 về nhiệm vụ của toàn ngành trong năm học 2018-2019*.
18. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), *Thông tư số 22/2004/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 7 năm 2004 về việc hướng dẫn về loại hình giáo viên, cán bộ, nhân viên ở các trường phổ thông*.
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), *Quyết định số 08/2004 / QĐ-BGD&ĐT ngày 02/8/2004 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của điều lệ Hội khỏe Phù Đổng Toàn quốc lần thứ VI - 2004*.
20. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Thể dục*, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về kiểm tra đánh giá thể lực HSSV ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008*.

22. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho HS, SV.*
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.
24. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2009), Thông tư số: 02/2009/TT-BVHTTDL ngày 17 tháng 3 năm 2009 về việc hướng dẫn việc tổ chức và đánh giá phong trào TDTT quần chúng tại địa phương.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Quyết định số 2632/QĐ-BGDĐT ngày 24/7/2015 về việc phê duyệt kế hoạch thực nghiệm nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
26. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi (thời điểm 2001)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
27. Dương Nghiệp Chí (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
28. Dương Nghiệp Chí (2007), “Thể thao trường học ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới”, *Tạp chí Khoa học thể thao*, số 1, tr.52 - 56, Viện Khoa học thể thao, Hà Nội.
29. Chính phủ (1946), Sắc lệnh số 14 Ngày 30 tháng 1 năm 1946 của Chủ tịch chính phủ Liên hiệp Lâm thời nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thành lập Nha Thể dục Trung ương trong Bộ Thanh niên.
30. Trần Kim Cương (2009), “Nghiên cứu giải pháp phát triển các loại hình CLB TDTT cơ sở trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh Ninh Bình”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
31. Daxuroroxki V. M (1978), *Các tổ chất thể lực của VĐV*, NXB TDTT, Hà Nội.

32. Hoàng Công Dân (2005), *Nghiên cứu phát triển thể chất cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực miền núi phía Bắc từ 15 - 17 tuổi*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
33. Lê Đông Dương (2017), “Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh các trường tiểu học tỉnh Thanh Hóa”, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
34. Trần Đức Dũng và cộng sự (2014), *Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh phổ thông từ lớp 1 tới lớp 12 (thời điểm 2002-2014)*, *Đề tài NCKH cấp Bộ*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
35. Nguyễn Bá Điệp (2016), *Đổi mới hoạt động thể thao ngoại khóa bằng hình thức Câu lạc bộ góp phần phát triển thể chất cho học sinh THPT tỉnh Sơn La*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
36. Âu Xuân Đôn (2001), *Nghiên cứu đặc điểm phát triển thể chất và nhu cầu hoạt động TDTT của học sinh các dân tộc lứa tuổi 11-14 ở An Giang*, Luận án Tiến Sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
37. Nguyễn Găng (2015), “Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết thể dục thể thao giữa Đại học Huế và các tổ chức thể dục, thể thao trên địa bàn thành phố Huế”, *Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
38. Mai Thị Thu Hà (2011), “Mô hình CLB thể thao ngoài giờ cho học sinh các trường tiểu học thành phố Hải Dương”, *Tạp chí Khoa học thể thao*, số 5, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
39. Mai Thị Thu Hà (2014), “Nghiên cứu hiệu quả tập luyện và thi đấu thể dục Aerobic trong hoạt động ngoại khóa đối với học sinh tiểu học”, *Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
40. Bùi Quang Hải (2008), “Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh một số tỉnh phía Bắc bằng phương pháp quan sát dọc từ 6 - 10 tuổi”, *Luận án Tiến sĩ Giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
41. Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

42. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (2003), *Sinh lý học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
43. Trịnh Trung Hiếu (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục TDTT trong nhà trường*. Nxb TDTT, Hà Nội.
44. Trần Hữu Hùng (2014), “Nghiên cứu cải tiến hình thức và nội dung tập luyện TDTT cho học sinh THCS khu vực cao nguyên Gia Lai - Kon Tum”, *Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
45. Ivanop.V.X (1996), *Những cơ sở của toán học thống kê*, người dịch: Trần Đức Dũng, hiệu đính: Đỗ Công Huỳnh, Nxb TDTT, Hà Nội.
46. Huỳnh Trọng Khải (2001), “Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh nữ tiểu học (từ 7-11 tuổi) ở Thành phố Hồ Chí Minh”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
47. Đồng Hương Lan (2016), Nghiên cứu phát triển thể chất của học sinh THPT chuyên các tỉnh Bắc Miền trung, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
48. Lê Văn Lãm, Phạm Xuân Thành (2008), *Giáo trình TDTT trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.
49. Hồ Chí Minh (1946), Sức khỏe và thể dục, báo Cứu quốc số 199, ngày 27 tháng 3.
50. Mai Thị Bích Ngọc (2017), Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh THCS thành phố Hà Nội.
51. Nôvicôp A. D, Mátvêép L. P (1976), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, (Phạm Trọng Thanh và Lê Văn Lãm dịch), NXB TDTT, Hà Nội.
52. Hoàng Phê và cộng sự (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
53. Đỗ Đình Quang (2013), Nghiên cứu một số giải pháp phát triển thể chất nhằm nâng cao kết quả học tập thực hành kỹ thuật các môn thể thao trong chương trình đào tạo sinh viên Khoa TDTT Trường Đại học Hải Phòng, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.

54. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ban hành ngày 15/4/1992.
55. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2000), Pháp lệnh Thể dục, thể thao, NXB TDTT, Hà Nội.
56. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2005), Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005
57. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), Luật thể dục, thể thao của Quốc hội Khóa XI, Kỳ họp thứ X số 72/2006/QH ngày 29/11/2006.
58. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), Luật thể dục, thể thao của Quốc hội 14, Kỳ họp thứ X số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.
59. Rudich P. A (1980), *Tâm lý học TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.
60. R.Hedoman (2000), *Sinh lý thể thao cho mọi người*, Nxb TDTT, Hà Nội
61. Rudich P. A (1980), *Tâm lý học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
62. Hoàng Minh Tản (2001), “Bước đầu tìm hiểu cơ sở xã hội hóa TDTT trong Đại học Thái Nguyên”, *Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất, sức khỏe trong trường học các cấp (lần III)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
63. Nguyễn Đức Thành (2012), “Xây dựng nội dung và hình thức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa của sinh viên một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
64. Vũ Đức Thu, Nguyễn Xuân Sinh, Lư Quang Hiệp, Trương Anh Tuấn (1998), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
65. Thủ tướng Chính phủ (2005), Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 18/04/2005 về việc đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực: Giáo dục, Y tế, Văn hóa, Thông tin và TDTT.
66. Thủ tướng chính phủ (2010), Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 3/12/2010 về việc phê duyệt chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020.
67. Thủ tướng chính phủ (2011), *Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể dục, thể thao Việt Nam giai đoạn 2011-2030*.

68. Thủ tướng chính phủ (2012), Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 Quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giáo viên TDTT.
69. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.*
70. Thủ tướng chính phủ (2015), Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 Quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường.
71. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.*
72. Nguyễn Đức Thụy (2016), “Một số giải pháp phát triển môn thể thao dân tộc cho sinh viên các Trường đại học cao đẳng Miền núi phía Bắc”, *luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
73. Nguyễn Văn Toàn (2015), “Nghiên cứu giải pháp và đánh giá hiệu quả GDTC theo hệ thống tín chỉ cho sinh viên cao đẳng sư phạm GDTC trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa”, *luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
74. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và Phương pháp TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
75. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.
76. Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Ninh (2007), *Quyết định Số: 89/2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007 Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2006 - 2015 và định hướng đến năm 2020”.*
77. Phạm Ngọc Viễn, Lê Văn Xem, Mai Văn Muôn, Nguyễn Thanh Nữ (1991), *Tâm lý học thể dục thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.

78. Phạm Ngọc Viễn (2007), *Giáo trình tâm lý học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
79. Nguyễn Ngọc Việt (2011), “Sự biến đổi tâm vóc và thể lực dưới tác động của tập luyện TDTT nội khóa và ngoại khóa đối với học sinh tiểu học từ 6-9 tuổi ở Bắc miền Trung”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
80. Võ Văn Vũ (2014), “Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường Trung học phổ thông ở Đà Nẵng”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
81. Trần Thị Xoan (2006), *Nghiên cứu phát triển các hình thức TDTT ngoại khóa phù hợp với nữ*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học TDTT II.
82. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (1997), *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Tiếng Anh

83. WHO (1998), *Promoting active living in and through schools*, (http://whqlibdoc.who.int/hq/2000/WHO_NMH_NPH_00.4.pdf).
84. WHO (2007), *WHO Information Series on School Health*. (http://www.who.int/school_youth_health/media/en/sch_childfriendly_03_v2.pdf)
85. WHO (2008), *Health and development through physical activity and sport*. (http://whqlibdoc.who.int/hq/2003/WHO_NMH_NPH_PAH_03.2.pdf).
86. Hair, J. F. Jr, Anderson, R-E, Tatham, R. L., & Black, W. C. (1998). *Multivariate Data Analysis*, (5th Edition), Prentice Hall.
87. Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (2007). *Using multivariate statistics*. Boston: Pearson/Allyn & Bacon.
88. Logan K, Lloyd RS, Schafer-Kalkhoff T, Khoury JC, Ehrlich S, Dolan LM, Shah AS, Myer GD. *Youth sports participation and health status in early adulthood: a 12-year follow-up*. *Prev Med Rep*. 2020;19:101107. doi: 10.1016/j.pmedr.2020.101107.

89. Warfield, J. N. (1973). Binary Matrices in System Modeling. *Transactions on Systems*, 3, 441- 449.
90. **Tiếng Trung**
91. 沈海琴(1998),“儿童少年生长发育12年迫追踪研究”,(成果报告)北京: 北京体育大学出版社.
92. 中国国民体质监测系统课题组(2000),“中国国民体质监测系统的研究”,
北京:北京体育大学出版社

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS Tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở các yếu tố đó, làm căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kính nhờ quý thầy (cô) vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Câu hỏi: Xin thầy (cô) cho biết, mức độ các yếu tố cá nhân ảnh hưởng tới phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Nội dung	Ảnh hưởng rất lớn	Ảnh hưởng lớn	Bình thường	Ảnh hưởng không lớn	Không ảnh hưởng
Ảnh hưởng của thể chất tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá					
1. Giới tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Thể lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Khả năng chơi bóng đá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ảnh hưởng của tâm lý tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá					
4. Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Động lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Tự tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ảnh hưởng của quỹ thời gian tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá					
7. Thời gian tập luyện phù hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 2

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích khảo sát mức độ ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, thời gian tới phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở các yếu tố đó, làm căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kính nhờ quý phụ huynh và các em học sinh vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Câu hỏi: Phụ huynh và các e học sinh cho biết, mức độ các yếu tố tâm lý, thời gian ảnh hưởng tới phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Nội dung	Ảnh hưởng rất lớn	Ảnh hưởng lớn	Bình thường	Ảnh hưởng không lớn	Không ảnh hưởng
Nhận thức về lợi ích khi tham gia tập luyện bóng đá học đường					
Phát triển thể chất, tạo hưng phấn, giảm stress, giải trí, thư giãn giúp tiếp thu các môn học tốt hơn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tốn kém thời gian, tiền bạc gây mệt mỏi, ảnh hưởng tới việc học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thời gian tập luyện phù hợp					
Lịch tập luyện chưa phù hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 3

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích khảo sát mức độ ảnh hưởng của yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội tới phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở các yếu tố đó, làm căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kính nhờ quý phụ huynh và các em học sinh vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Câu hỏi: Phụ huynh và các e học sinh cho biết, mức độ ảnh hưởng của yếu tố môi trường, văn hóa - xã hội tới phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Nội dung		Ảnh hưởng rất lớn	Ảnh hưởng lớn	Bình thường	Ảnh hưởng không lớn	Không ảnh hưởng
Ảnh hưởng của gia đình tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá						
Khuyến khích	Sẵn sàng đồng hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Lo lắng chán thương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hỗ trợ chi phí	Hỗ trợ chi phí tham gia CLB	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Hỗ trợ chi phí mua dụng cụ, tổ chức giải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ảnh hưởng của bạn bè tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá						
Thái độ	Tiêu cực từ bạn bè	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hỗ trợ	Thiếu sự hỗ trợ từ bạn bè (Không có bạn cùng chơi)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Nội dung		Ảnh hưởng rất lớn	Ảnh hưởng lớn	Bình thường	Ảnh hưởng không lớn	Không ảnh hưởng
Ảnh hưởng của ngoại cảnh tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá						
Tiếp cận dịch vụ TDTT	Đễ dàng tiếp cận với các sự kiện, dịch vụ các tổ chức, cơ sở kinh doanh tập luyện bóng đá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Ít cơ hội tiếp cận với các sự kiện, dịch vụ các tổ chức, cơ sở kinh doanh tập luyện bóng đá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Giá trị văn hóa truyền thống	Tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao nói chung và môn bóng đá trong các dịp lễ hội truyền thống để lan tỏa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tôn vinh hoạt động thể thao	Biểu dương khen thưởng để tạo động lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Truyền cảm hứng từ người có ảnh hưởng	Những ngôi sao, thần tượng có thể truyền cảm hứng cho các em noi theo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 4

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích khảo sát mức độ ảnh hưởng của yếu tố chính sách tới phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở các yếu tố đó, làm căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kính nhờ các đồng chí cán bộ quản lý, giáo viên và các em học sinh vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Câu hỏi: Các đồng chí cán bộ quản lý, giáo viên và các em học sinh cho biết, mức độ ảnh hưởng của yếu tố chính sách tới phong trào tập luyện môn bóng đá của học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

Nội dung	Cán bộ quản lý	Giáo viên thể dục	Giáo viên các môn khác	Học sinh
Ảnh hưởng của nhà trường tới việc tham gia tập luyện môn bóng đá				
Hoạt động ngoại khóa/Câu lạc bộ				
Sân tập				
Năng lực giáo viên				
Chương trình hoạt động và thi đấu thể thao				
Ảnh hưởng của quy hoạch				
Công trình văn hóa - thể thao				
Giao thông				

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 5

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích khảo sát thực trạng mức độ và nội dung tập luyện thể thao ngoại khóa của các em học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh, làm căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Mong các em vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Cách trả lời: Các em tích vào ô trống trước mỗi ý kiến tán thành.

Những ý kiến còn thiếu sót, các em ghi bổ sung ở ô trống phía dưới và cho luôn sự đánh giá.

TT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành
1	Các môn thể thao học sinh tham gia tập luyện ngoại khóa		
1.1	Võ thuật		
1.2	Bóng đá		
1.3	Cầu lông		
1.4	Điền kinh		
1.5	Đá cầu		
1.6	Cờ vua		
1.7	Bóng rổ		
1.8	Aerobic		
1.9	Các môn thể thao khác		
2	Mức độ tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa:		
2.1	<i>Có thường xuyên</i>		
	> 60 phút / ngày		
	30 – 60 phút / ngày		
	< 30 phút / ngày		
2.2	<i>Có nhưng không thường xuyên</i>		
	> 60 phút / lần		

TT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành
	30 -60 phút /lần		
	< 30 phút /lần		
2.3	<i>Không tập</i>		
3	Hình thức hoạt động TDTT		
3.1	Tập thể dục buổi sáng		
3.2	Tập thể dục giữa giờ		
3.3	Tập sau giờ học		
3.4	Tập theo nhóm lớp		
3.5	Tập theo CLB		
3.6	Tập theo đội tuyển		
3.7	Tự tập lúc rảnh rỗi		
3.8	Hình thức tập khác		
4	Số lượng môn thể thao học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa:		
4.1	Chơi 1 môn thể thao		
4.2	Chơi 2-3 môn thể thao		
4.3	Chơi nhiều hơn 3 môn thể Thao		
4.4	Không chơi		
5	Cách thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa và tham gia		
5.1	Tự phát (học sinh tự tập, tự chơi)		
5.2	Định hướng, hướng dẫn của giáo viên		
5.3	Tham gia các cuộc thi đấu giữa các khối lớp trong nhà trường		
5.4	Tham gia các hình thức tổ chức khác		

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 6

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích khảo sát thực trạng CSVC phục vụ môn Bóng đá trong các trường THCS tỉnh Bắc Ninh, làm căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Mong các đồng chí vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Cách trả lời: Các đồng chí tích vào ô trống trước mỗi ý kiến tán thành.

CSVC	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ trung bình/ Trường	Chất lượng	Mức độ đáp ứng nhu cầu /trường
I. Sân tập, nhà tập có khán đài					
Sân vận động (sân)					
Nhà thể thao (nhà)					
Bể bơi (bể)					
<i>Các loại khác</i>					
II. Sân tập, nhà tập không có khán đài có thể phục vụ môn bóng đá					
Sân vận động (sân)					
Điền kinh (sân)					
Quần vợt (sân)					
Bóng chuyền (sân)					
Bóng rổ (sân)					
Nhà tập luyện (nhà)					
Bể bơi (bể)					
Đường chạy điền kinh					
<i>Các loại khác</i>					
III. Dụng cụ tập luyện	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ trung bình (%)	Chất lượng	Mức độ đáp ứng nhu cầu
Bóng đá					
Gôn, lưới môn bóng đá					

Xin chân thành cảm ơn !

Phụ lục 7

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích khảo sát thực trạng độ ngũ giáo viên Thể dục tại các trường THCS tỉnh Bắc Ninh, làm căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Mong các đồng chí vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Cách trả lời: Các đồng chí tích vào ô trống trước mỗi ý kiến.

Những ý kiến còn thiếu sót, các đồng chí ghi bổ sung ở ô trống phía dưới và cho luôn sự đánh giá.

Trường	Tổng số	Tỷ lệ / giáo viên	Giới tính		Trình độ			Thâm niên công tác		Chuyên ngành bóng đá
			nữ	nam	Sau đại học	Đại học	Khác	>10 năm	<10 năm	
Tổng số giáo viên										
Tổng số học sinh										
Tổng số lớp										
Tỷ lệ trung bình GV/trường										

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 8

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích lựa chọn được những giải pháp phù hợp, có hiệu quả nhất trong phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kính nhờ quý thầy (cô) vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Câu hỏi: Xin thầy (cô) cho biết các giải pháp nào sau đây hiệu quả để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh?

TT	Giải pháp	Hiệu quả rất tốt	Hiệu quả tốt	Bình thường	Không hiệu quả	Rất không hiệu quả
1	Nâng cao hiểu biết và thực hành về phòng ngừa thương tích và an toàn					
2	Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá					
3	Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.					
4	Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.					
5	Tăng cường vinh danh nhằm giảm thiểu các rào cản văn hóa, xã hội.					

TT	Giải pháp	Hiệu quả rất tốt	Hiệu quả tốt	Bình thường	Không hiệu quả	Rất không hiệu quả
6	Cung cấp nhiều lựa chọn thể thao.					
7	Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.					
8	Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học					

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 9

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Với mục đích lựa chọn tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu TĐTT trong nhà trường của giải pháp phát triển môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh. Kính nhờ quý thầy (cô) vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau.

Câu hỏi: Xin thầy (cô) cho biết hiệu quả tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu TĐTT trong nhà trường của giải pháp phát triển môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh?

TT	Tiêu chí	Đáp ứng rất tốt	Đáp ứng tốt	Bình thường	Đáp ứng không tốt	Không đáp ứng
1	Mức độ phát triển thể chất					
2	Mục tiêu gia tăng số học sinh tập luyện bóng đá ngoại khóa					
3	Mục tiêu phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao					
4	Mục tiêu phát triển phong trào TĐTT năng khiếu.					

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 10

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

Câu hỏi: Xin thầy (cô) cho biết các giải pháp nào sau đây đem lại hiệu quả để phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh?

TT	Tiêu chí	Hiệu quả rất lớn	Hiệu quả lớn	Bình thường	Hiệu quả không lớn	Không hiệu quả
1	Tăng cường xã hội hóa các hoạt động tập luyện của CLB, tham dự và tổ chức các giải thi đấu bóng đá					
2	Nâng cao nhận thức của học sinh, gia đình về lợi ích sức khỏe, xã hội và cảm xúc khi tham gia tập luyện bóng đá.					
3	Cung cấp quyền truy cập vào sự kiện, dịch vụ thể thao ở địa phương và cơ sở thể thao.					
4	Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và tổ chức sự kiện cho đội ngũ giáo viên.					
5	Cải tiến phương pháp dạy học GDTC nội khóa (Đưa môn bóng đá vào giờ dạy chính khóa trong nội dung tự chọn tại các tiết học)					

Xin chân thành cảm ơn!